

TẬP BÚT * BÚT KÝ NHÀN ĐÀM

Trần Huyền Ân

NGÔI TRƯỜNG CỦA MẸ

Cha mẹ tôi trải qua bảy tám năm xa quê. Nhiều người trong làng thường tỏ ra tự hào ở xứ ta có ông Năm, bà Năm từng đi khắp Nam Kỳ Lục Tỉnh. Khi ra đi cha tôi là ông đồ nho, khi trở về là người khuyến học quốc ngữ. Và ủng hộ tích cực nhất cho sự vận động này, thực hiện bằng công việc cụ thể chính là mẹ tôi.

Hồi ấy, làng Vân Hòa của tôi có trường công liên hương tại ấp Phước Hậu, nhưng đất đai quá rộng, từ nhà tôi ở ấp Bình Trị và ấp Bình Điền lân cận đến Phước Hậu đi bộ mất nửa buổi, vì vậy đa số trẻ con hai ấp này không đi học được. Nhỏ tuổi thì không đủ sức đi, tìm nhà quen gọi trọ cũng bất tiện. Lớn lên một chút thì còn lo giúp đỡ công việc gia đình, chăn trâu, dọn vườn, bẻ thơm. Để giải quyết việc này, cha tôi xin phép mở một gia đình học hiệu và cất gian trường bên cạnh nhà. Tuy nói là gia đình học hiệu nhưng thực tế cha tôi tìm thầy mời về dạy chương trình lớp Năm và lớp Tư cho cả trẻ con hai ấp Bình Trị, Bình Điền. Tôi còn nhớ thầy Vưu người Tuy Hòa và thầy Liên người tận ngoài Quảng Bình. Mẹ tôi có một gánh hàng xén, mỗi tháng chín phiên bán ở Chợ Đồn. Mọi chi phí cất trường, đóng bàn ghế, bảng đen, mua sổ sách bút mực cho thầy, việc ăn ở của thầy tại nhà tôi đều do mẹ tôi lo liệu, trích từ lợi tức trong gánh hàng xén ấy. Giữa tháng mẹ tôi kiêng thầy số tiền lương.

Học sinh chẳng những được học miễn phí, không phải đóng góp một khoản nhỏ nào, còn được tổ chức sinh hoạt như trường công, có bày đàn, ca hát, tập các trò chơi, tìm dấu đi đường. Mấy môn này thì trẻ con thôn quê dễ rành lắm. Thay vì công bố vị thứ hàng tháng mẹ tôi xin thầy công bố vị thứ hàng tuần vào mỗi chiều thứ bảy. Trò nào học giỏi được thưởng. Phần thưởng là giấy manh, thước gạch, bút chì, ngòi viết và mực viên cũng do mẹ tôi cung cấp. Hồi ấy chưa có tập vở, học trò dùng giấy manh đóng vở, tự gạch dòng bút chì để chép bài, làm bài. Ngòi viết có nhiều loại, chúng tôi gọi theo hình dạng là ngòi viết lá tre, ngòi viết rộng, ngòi viết bầu và ngòi viết ẽn. Mực viên dùng hai màu xanh và tím, một loại giống như viên thuốc aspirine, một loại viên hơi tròn. Mấy trò thường xuyên được thưởng thì giấy bút mực dư học cả năm, khỏi phải mua. Học ở đây xong, đứa nào cha mẹ cho học tiếp thì ra Phước Hậu vào lớp Ba, đứa nào không có điều kiện phải ở nhà thì cũng ít nhiều đã biết đọc biết viết.

Tôi xem học trò học thì thích lắm. Có mấy trò ở Bình Điền lớn tuổi, đứng gần bằng thầy, dân làm ruộng đen thui và chắc nịch. Mấy trò con gái dân Xóm Chợ thì trắng trẻo ẻo lả. Nhưng tôi không muốn đi học. Cha mẹ tôi ban đầu gợi ý, sau bảo thẳng mấy lần tôi vẫn lặng im. Tôi còn nhỏ, mẹ tôi cũng không ép, nhưng sau này suy ra chắc mẹ tôi hơi thất vọng vì khuyến học thẳng con trong nhà có phần khó khăn. Tôi rất thích loại kẹo bạc hà đựng trong ve thủy tinh hình giống như trái bầu, mỗi lần đi Dinh mẹ tôi mua

về cho một vài ve. Mẹ tôi cũng mua sẵn cho tôi một bộ giáo khoa thư và nhiều lúc ngồi lật sách ra chỉ cho tôi những hình vẽ, giảng giải. Thành ra trước khi biết chữ tôi đã thuộc lòng câu: Sách này do Nha Học chánh Đông Pháp giao cho các ông Trần trọng Kim, Nguyễn văn Ngọc, Đặng đình Phúc và Đỗ Thận soạn. Nhà nước giữ bản quyền. Cấm không ai được in lại. Mẹ tôi nói khi biết chữ tôi sẽ đọc được trong sách nhiều chuyện hay nữa. Bà Trưng bà Triệu cỡi voi, ông Đinh Bộ Lĩnh bẻ bông lau làm cờ đánh giặc. Tôi vẫn im lặng. Cho đến một hôm, ra đứng cửa sổ lớp học nhìn vào, nghe thầy giáo hỏi một trò khá lớn về một bài toán cộng, trò ấy không trả lời được. Câu hỏi gần giống như có lần mẹ tôi đã giảng cho tôi qua hình vẽ trong sách Toán pháp giáo khoa thư lớp Đồng ấu. Tôi nhớ mang mang như thế, và nhẩm tính nghĩ ra ngay, chỗ miệng vào đáp. Đáp xong, vừa sợ thầy vừa mắc cỡ, vụt chạy về nhà. Trong bữa cơm trưa tôi sợ thầy Liên rầy thì trái lại được thầy khen thông minh. Mẹ tôi nhận đó nhắc lại có lần ông Tham Khang từ Dinh lên chơi đã xem tướng tôi, bảo: Thăng nhỏ này đầu tròn, mũi cao, tốt, sẽ học thông minh đấy. Thế là sáng hôm sau tôi đi học.

Học 24 chữ cái rồi vằn xuôi, vằn ngược, ráp vằn, tập đọc. Vằn xuôi nghe như cầu kinh, vằn ngược nghe như thần chú. Khi biết đọc sách chỗ nào không hiểu tôi đem hỏi mẹ, được mẹ giảng giải rõ ràng. Bây giờ đã quên hết, chỉ còn nhớ hai chuyện. Chuyện thứ nhất, trong sách có hình vẽ một ông cỡi ngựa và nhiều người đang cuốc đất gánh đất hay làm gì đó, ghi là Chánh tổng coi đê. Con đường trước nhà tôi thỉnh thoảng có đồng bào dân tộc thiểu số cỡi voi đi qua. Voi, gọi là ông bò tai to vòi dài lạ lắm, cách ăn mặc của thằng nài, cái ông điều, tiếng nói lơ lớ cũng lạ lắm, vui lắm. Lúc ấy thường gọi chung đồng bào các dân tộc thiểu số là người Đê (Ê Đê). Mỗi lần như vậy lũ trẻ chúng tôi gọi nhau đi coi Đê. Tôi lấy làm lạ, tại sao ông Chánh tổng cũng đi coi Đê như lũ nhóc chúng tôi. Mẹ tôi mới giảng cho tôi biết về những con đê đắp bên sông, trong hình là ông Chánh tổng đang trông coi dân chúng đắp sửa đê. Chuyện thứ hai, khi đọc bài về Trầu Cau có câu người vợ chết hóa ra dây trầu không leo ở cây cau. Rõ ràng trong hình vẽ dây trầu quấn vào cây cau sao lại nói dây trầu không leo ở cây cau? Mẹ tôi giảng cho biết, xừ mình gọi là dây trầu thì ngoài Bắc gọi là dây trầu không.

Trong một năm thầy Liên dạy tôi học hết chương trình lớp Đồng ấu và Dự bị để ra trường công liên hương học lớp Sơ đẳng (lớp Ba). Đầu năm 1945, chuẩn bị thi bằng Sơ học yếu lược mỗi trò được cấp một giấy căn cước, dưới có chữ ký quan Tuần vũ tỉnh Phú Yên Trần văn Lý. Chữ ký dài, đầy đủ và rõ ràng, gần chữ v (văn) có một chữ v khác bằng bút chì màu đỏ. Tôi nói với mẹ: Quan Tuần vũ ký sai phải sửa lại chữ v. Mẹ tôi giảng cho biết đó là chỗ một thầy thông thầy phán đã xem trước, thấy đúng, làm dấu để quan Tuần vũ ký chứ không phải sai và sửa.

Tôi nhớ mãi vì đây là lần cuối cùng chuyện trò cùng mẹ. Học lớp Ba tôi phải ở trọ, chủ nhật sau về thì mẹ tôi bệnh, rồi bệnh nặng và qua đời. Đau thương trùm lên gia đình tôi. Tiếp theo là những biến cố dồn dập của đất nước. Gia đình tôi rời khỏi làng Vân Hòa và xa cách mộ phần mẹ.

Bây giờ, mỗi khi hồi ức về mẹ, tâm tưởng tôi vẫn là tâm tưởng đưa trẻ lên bảy lên tám. Tôi tự hỏi: Bao nhiêu bạn bè thời thơ ấu ấy, nay ai còn ai mất, ai lưu lạc phương trời, ai đang ở làng quê, ai đã thành ông bà nội ngoại, kẻ giàu sang, người nghèo khó giữa bao nhiêu bận rộn của cuộc sống, có lúc nào họ nhớ lại những ngày học tại nghĩa thực của mẹ tôi không? Có lúc nào họ nhớ lại hình ảnh mẹ tôi không? Tôi nghĩ rằng họ không phải là kẻ bạc!

* * *

VỀ ĐẤT TỔ

Cõi Nam riêng một góc trời
Hùng Vương gây dựng đời đời nghiệp vua
Phong Châu là chốn kinh đô
Chia mười lăm quận bản đồ mệnh mông
Trứng rồng lại nở ra rồng
Ngân thu con cháu vốn dòng Lạc Long
Cây kia ăn quả ai trồng
Suôi kia uống nước hỏi dòng từ đâu ?

Nhớ lại lịch sử thời dựng nước, chắc chắn mỗi người chúng ta đều tự hỏi như thế. Và ai ai cũng muốn ít nhất có một lần về thăm đất tổ cội nguồn.

Từ Hà Nội theo quốc lộ số 2 về hướng tây bắc, tỉnh Vĩnh Phúc nằm trong vùng trung du Bắc Bộ. Buổi sáng hôm ấy thật êm đềm. Trời xanh không quá cao tạo cái cảm giác gần gũi. Những ngọn đồi tròn, thấp, rải rác khắp nơi. Đồng ruộng vì thế không còn trải rộng, trái lại có vẻ linh hoạt hơn. Bắp, khoai, sắn nước, rau cải đều xanh mượt, nhưng mỗi loại một màu xanh riêng, tạo ra từng ô đậm nhạt khác nhau, trông mát mắt. Thỉnh thoảng còn thấy một hai cái lô cốt ẩn mình trong cỏ, dưới rêu, chứng tích của một thời khói lửa.

Đường qua huyện Mê Linh. Chỉ hai tiếng ấy cũng đủ gọi lên những trang sử oanh liệt của hai vị nữ anh hùng dân tộc lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đầu tiên chống nhà Đông Hán. Qua Hương Canh với ngôi đình trên 300 năm, qua thị xã Vĩnh Yên, đường chuyển sang hướng tây để gặp sông Lô. Xe chạy dưới cầu rồi vòng lên. Mơ hồ trong gió như vang vọng bản trường ca đầy hào khí cũng thấm đượm trữ tình.

Thành phố Việt Trì là tỉnh lỵ Phú Thọ. Sông Lô gặp sông Hồng tạo ra điểm gặp của Phú Thọ - Vĩnh Phúc - Hà Tây. Đi mười cây số nữa là tới đền Hùng, thôn Cổ Tích, xã Hi Cương, huyện Phong Châu. Ai đã thuộc những câu thơ xưa từ bài học thuộc lòng trong ký ức thiếu thời, khi nhìn núi Ngũ Lĩnh không thể không nhắm đọc:

Ba tòa chót vót đầu non
Ngân thu sừng bãi vẫn còn khói hương

Trước khi đến ba tòa tức là đền Hạ, đền Trung và đền Thượng, phải qua đền Trình gần chân núi. Bên trên cổng đền bốn chữ Cao sơn cảnh hành, ở bốn trụ có hai câu đối. Từ chân núi đến đền Hạ thoải thoải 225 bậc cấp và tiếp tục lại là những bậc cấp. Mỗi bậc cấp xây cao bằng nhau (một tấc rưỡi) vừa với bước chân người lớn tuổi. Cho nên không mấy ai ngần ngại khi nghe tiếng gọi của tiền nhân:

Đường mây sẵn bậc leo lên
Rõ ràng lẫm miếu Mẹ Tiên Cha Rồng

Ở đền Hạ có chùa Thiên Quang thiền tự, tương truyền tại nơi này Mẹ Âu Cơ sinh một bọc trăm con, có cây đại 500 năm, cây vạn tuế 3 nhánh 700 năm. Lên thêm 168 bậc cấp nữa đến đền Trung, có cây đại 700 năm. Trăm năm trong cõi người ta một đời

người dẫu có nghĩa gì so với cỏ thụ. Nhưng điều quan trọng là sự nghiệp một đời người còn có gì để lại cho các thế hệ mai sau khi thân xác đã về cùng cát bụi. Nói đến cỏ thụ có khi không đồng nghĩa với đại thụ. Cây vạn tuế ở đền Trung không có được tầm vóc như cây đại ở Côn Sơn tương truyền do Trần Nguyên Đán trồng đã 600 năm, hoặc cây đại trước chùa Hoa Yên núi Yên Tử 700 năm, trông khắc khổ mà kiêu hùng. Những cây tùng 700 năm dọc Đường Tùng Yên Tử thì cao vút cao, ngọn vẩy mây trời, dưới gốc rễ trôi lên cùng sỏi đá.

Cũng theo tương truyền, chỗ đền Trung là nơi tổ chức cuộc thi các món ăn và Hoàng tử Lang Liêu đã dâng vua món bánh chưng bánh dày. Ở sân đền có đặt 9 tảng đá, tảng lớn nhất chính giữa, 8 tảng nhỏ hơn xếp vòng chung quanh, tượng trưng nơi ngày xưa Vua Hùng và các Lạc hầu Lạc tướng ngồi trên các tảng đá bàn việc nước, vua ngồi giữa, văn võ chung quanh. Từ 9 tảng đá thô sơ nơi sân đền Hùng đến 9 chiếc đỉnh chạm khắc công phu trước Thế miếu Huế, đất nước biết bao thăng trầm để đến hôm nay

Bụi hồng mây cuộc tang thương
Bia xanh còn đó, khoán vàng còn đây

Đi tiếp 102 bậc nữa đến đền Thượng: Kính thiên linh điện . Kiến trúc đền Thượng cũng như các đền Hạ, Trung. Ngôi đền dài, bên trên đôi rồng chầu, trước có bốn chữ Nam Việt tích tổ . Sau đền là sân rộng, bóng cây che mát. Cảnh đền Thượng có Hùng Vương lăng là mộ vua Hùng thứ 6. Sau khi Thánh Gióng đánh thắng giặc Ân bay về Trời, vua Hùng thứ 6 cởi áo vắt lên cây kim giao rồi hóa tại đây. Nguyên xưa là mộ, đến thời đầu triều Nguyễn xây thành lăng như hiện nay, hai tầng mái uốn cong bốn góc. Không quay lại lối cũ, cứ tiếp bước đi xuống là đền Giếng nằm ở chân núi, phía đông nam. Trong đền có giếng Ngọc, một lần nữa nói theo tương truyền các Công chúa Tiên Dung và Ngọc Hoa thường soi xuống lòng giếng chải tóc, bịt khăn. Ngày nay, do du khách đến đây thường thả những tờ bạc xuống lòng giếng để cầu phúc cầu tài người ta phải đặt một tấm gương trong suốt bên trên, e rằng sự giao hòa giữa Trời-Đất , Âm-Dương đã phần nào bị hạn chế.

Trước đền Giếng là một hồ sen. Bên ngoài hồ sen vòm cổng đưa ta trở về cùng cõi đời thường sau khi đã gởi lòng theo dấu chân dĩ vãng. Ngoái lại, thấy bốn chữ Trung sơn thiên bửu , đôi câu đối, hai trụ biểu nổi trên màu cây lá.

Hình như tại đây ai ai cũng bâng khuâng dừng bước, đưa tầm mắt nhìn tận xa xa. Cả cõi kinh đô Phong Châu bao la hùng vĩ Ấy nơi Bạch Hạc hợp dòng Thao giang , gồm cả Phú Thọ, Vĩnh Phúc và một phần Hà Tây hiện nay (Sơn Tây). Một ngàn năm trước, bốn ngàn năm trước đứng ở đây vẫn là ngọn núi ấy, dòng sông ấy, Tổ tiên để lại cho con cháu. Bên trong trang lịch sử vinh quang thời Hùng Vương còn có những trang tình sử. Và một cảnh rất đẹp, rất thơ là cảnh My nương Ngọc Hoa hạ giá cùng Sơn Tinh :

Quý lạy cha già bên kiệu bạc
Thương người thương cảnh xót lòng đau
Nhìn quanh, khói tỏa buồn man mác
Nàng kêu : Phụ vương ôi! Phong Châu !

(Nguyễn Nhược Pháp)

Khóc như nữ tử vu quy nhật. Công chúa không khóc, chỉ kêu lên, hẳn là tiếng kêu nho nhỏ, nghe như tiếng chim rùng Nghĩa Lĩnh.

* * *

CHIỀU LAM KINH

Từ Thanh Hóa theo QL 47 đi về hướng tây. Ruộng đồng và xóm làng nối tiếp. Núi Vọng Phu xa mờ in màu xanh đậm hơn lên nền trời có dáng người mẹ dắt con rõ hơn núi Mẹ Con ở tây bắc Khánh Hòa, đi trong đồng Tuy Hòa (Phú Yên) thấy hai đỉnh cao thấp liền nhau, đúng nghĩa Mẹ/Con chứ không hề bông bế, ngóng trông.

Đã đến Lam Kinh. Trời chiều đầy mây xám âm u. Một vài tia nắng loé lên rồi tắt ngấm. Không gian thật tĩnh mịch. Ở đây có dấu vết như một khúc mương rộng. Người hướng dẫn bảo nguyên là con sông đào, tên là sông Ngọc. Ông Lê Hối, tiên bối ba đời của vua Lê Lợi từ Ngọc Lặc đưa gia đình về đây xây dựng cơ ngơi. Sông dẫn nước về cái hồ gọi là Hồ Tây. Bắc qua sông có cầu Bạch Ngọc, thượng gia hạ kiều. Năm 1433 điện Lam Kinh được xây dựng, sau đó là những bia, mộ các vua Lê, nay thuộc xã Xuân Lâm huyện Thọ Xuân, huyện nằm ở vị trí trung tâm tỉnh Thanh Hóa. Qua khỏi sông đào thấy một hố trũng sâu, được biết xưa là một giếng nước lớn.

Cung điện Lam Kinh còn lại là một bãi cỏ rộng. Rải rác khắp bãi cỏ, xếp hàng ngay ngắn là những đá tảng chân cột, phần dưới hình vuông mỗi cạnh chừng 6 tấc, phần trên là khối viên trụ nội tiếp, màu đen xám, nhẵn láng. Vài ba con rồng đá không còn đủ hình dạng, con thì vỡ đầu, con thì mất thân, con thì rạn nứt. Nhìn những chân cột có thể hình dung được bề thế nguy nga của cung điện Lam Kinh. Nền phía trong cao hơn, và để chống đỡ sự đổ nát lúc ấy chất một dãy bao cát mà phần lớn đã mục rách, trông thật thảm thương! Một vài người dân nói: Cho đến năm 1960 cung điện Lam Kinh còn khá tốt, sau đó mới bị dỡ phá. Chúng tôi nhìn chung quanh, nhận biết khá rõ ràng dấu tích chân thành. Ở một góc là cây đa già tua tủa rễ phụ. (Mấy năm sau, xem truyền hình thấy Lam Kinh được trùng tu, tôi mừng lắm. Không phải mừng việc trùng tu mà mừng mình được đến Lam Kinh khi còn là phế tích hoang tàn, khỏi phải chứng kiến một Lam Kinh mới toanh, chẳng biết chỗ nào thật chỗ nào giả). Trong nhà bảo tàng có trưng bày mấy viên gạch xây thành, khối chữ nhật có hai lỗ vuông để đóng chốt lại với nhau, ghi số đo: dài 75cm, rộng 20cm, cao 15cm, nặng 43kg. Gạch nền cung điện lớn hơn, dài 85cm, rộng 40cm, cao 15cm, nặng đến 85kg.

Vào trong nữa là mộ vua Lê Thái Tổ. Qua khỏi hàng trụ biểu đến vòng thành thấp. Nền sân lát gạch. Bốn con voi quay đầu vào mộ. Hai bên mỗi bên một hàng các con vật: kỳ lân, tê giác, ngựa, cọp. Rồi hai vị quan văn võ. Tất cả đều bằng đá, nét chạm khắc có phần đơn sơ. Mộ vua hình chữ nhật, xây gạch, không có hoa văn, họa tiết. Một bệ nhỏ hình chữ nhật để cắm nhang. Dẫu là mộ thật hay mộ giả thấy cũng rất giản dị, hết sức giản dị.

Bia Vĩnh Lăng dựng ở phía trước, góc ngoài thành nơi có cây đa già. Nhà bia mới xây lại, phía trước thêm còn dấu hai chân cột cũ. Bia thì người hướng dẫn nói vẫn là bia xưa, cao 2,97m, rộng 1,94m, dày 0,27m. Chân rùa đội bia có 6 móng, móng cuối bị khuyết, nhỏ hơn. Hình rồng chạm trên bia trông giống con rắn, nhỏ và dài, uốn lượn gấp khúc nhiều đoạn, chân có 3 móng. Tại Bảo tàng lịch sử Hà Nội có một bia Vĩnh Lăng phục chế, đường nét còn mới, sắc sảo.

Bên kia đường đi Ngọc Lặc là lăng mộ của các vua Lê Thái Tông, Thánh Tông, Hiến Tông, Túc Tông và bà Ngọc Dao hoang vu hơn. Có chỗ bia đã mất chỉ còn con rùa và con rùa cũng không có đâu!

Chiều đang xuống nhanh. Trên tàn cây những con ve sầu réo dài từng khúc ca buồn. Bãi cỏ sẫm màu lại, gần với màu của những khối đá chân cột. Vài ba con bò vừa bước đi chậm chạp vừa nhón nhờ gặm cỏ. Rừng núi Lam Kinh dần dần chìm ả trong màu sương đang dần dần hiện lên. Người già nhất trong nhóm chúng tôi, ông Ba Nhữ, mắt mơ màng đọc hai câu thơ Thanh Quan:

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương

* * *

NGỌC LẶC: RƯỢU NGON VÀ CANH LÁ ĐẮNG

Văn thư, sách vở, bản đồ ghi là Ngọc Lặc, nhưng đến nơi nghe gọi và thấy các bảng hiệu ghi là Ngọc Lặc. Cả hai tên cùng tồn tại.

Các xã trong huyện Ngọc Lặc đều có tên hai chữ Hán: Thạch Lập, Phúc Thịnh, Mỹ Tâm, Ngọc Sơn, Ngọc Khê vv Các làng thì một số có tên hai chữ Hán như Lập Thắng, Điền Sơn còn hầu hết là tên một chữ : Làng Ngán, làng Chạy, làng Nhớ, làng Quên, làng Thi, làng Mới, làng Mỏ, làng Móng, làng Chả, làng Thượng, làng Hạ, làng Vải, làng Mốc, làng Mí, làng Beo vv Nghe rất vui nhưng tìm hỏi xuất xứ không ai biết rõ. Cũng như mọi người nói về vua Lê một cách kính cẩn, gọi là cố Lê Lợi , nhưng những chuyện xưa năm tề năm tặc chỉ còn truyền khẩu một cách mơ hồ. Những khe Sóng, đồng Chó người nói thế này, người nói thế nọ, rất khác nhau.

Thị trấn Ngọc Lặc nằm giữa cánh đồng, bốn bên là những dãy núi đỉnh nhọn đâm lên trời cao dáng vẻ trông thật hùng vĩ, đường bệ hơn hết là núi Sắt. Trung tâm thị trấn là chợ Phố Cống. Từ chợ đi ra có phố Lê Lợi rồi phố Lê Lai. Gọi là phố nhưng đường không rộng lắm, hai bên đường nhựa vẫn là bùn đất, rơm rạ vương vãi. Tuy vậy cũng đủ các mặt hàng: tạp hoá, quần áo, giày dép, xe máy Và có dịch vụ trang trí nội thất, trang điểm cô dâu, quán cà phê vang tiếng nhạc. Thức ăn bày bán khá nhiều trong chợ là những thúng nhộng tằm, con nhộng lớn, màu xanh nhạt.

Nhiều loại nhà cửa xen lẫn nhau: nhà gác, nhà ngói, nhà lợp lá cọ - là thứ lá gồi trong thơ Tú Xương Nhà gỗ năm gian lợp lá gồi . Lá cọ làm kỹ lợp đến 20 - 30 năm chưa hư, sơ sài thì cũng phải 10 năm. Khi các bác sĩ đang làm cho chương trình Y tế cộng đồng tại đây đề nghị đồng bào cho biết về ngôi nhà mà họ mơ ước thì câu trả lời là những nhà ngói bằng - tức là nhà đúc. Giới thiệu kiểu nhà ngói ở miền xuôi, họ cười cười bảo: Nhà xây mà có mái, lợp ngói thì đâu có hơn gì lợp lá cọ? Ra khỏi trung tâm thị trấn vào các bản đồng bào Mường là nhà sàn với những cột bằng cây luồng, một loại cây họ tre, lớn hơn, dài hơn, suôn hơn tre. Cửa lên nhà cũng ở phía chái nhưng không chính giữa như nhà sàn Tây Nguyên mà dịch qua bên trái.

Sau lưng phố là ruộng chia thành nhiều luống nhỏ, luống này chín vàng, luống kia tươi xanh, luống nọ đã gặt. Trong một cánh đồng có thể thấy nhiều giai đoạn thời vụ trên những mảng màu khác nhau, nổi bật bên nhau. Vài ba con trâu đi trên đường phố, chiếc mõ mang ở cổ kêu lóc cóc lóc cóc, gặp đoạn trống chưa có nhà trâu rẽ xuống ruộng.

Buổi sáng mùa đông ấy dứt mưa đã mấy hôm, trời chợt có gió hong khô và nắng lên ấm áp. Đường vào bản đã ráo, bước trên mặt đất mềm thấy bàn chân êm êm. Mặt hồ Đầm Thi gọn từng nếp sóng lăn tăn. Bãi sỏi bờ suối màu vàng sậm, hoa pháo nở đỏ từng xâu dài. Không khí thờ hít nghe thật nhẹ nhàng. Phong cảnh có nét gì đó rất thoảng và rất lạ giống như những truyện đường rừng của Lan Khai. Thỉnh thoảng có tiếng còi xe cũng dịu dàng. Trẻ em sạch sẽ, xinh xắn và lễ phép, gặp chúng tôi chào hỏi vui vẻ. Chỉ còn một ít người già mặc y phục dân tộc Mường, nam nữ thanh niên đều mặc Âu phục. Phụ nữ bới tóc cao, con gái để tóc dài, xòa ra hoặc kẹp lại bỏ sau lưng.

Ở đây rượu rất ngon và hình như người nào cũng sành về rượu. Ngồi uống rượu bỗng nhớ chuyện xưa. Thời Lê Lợi khởi binh lực lượng nòng cốt ban đầu hẳn là đồng bào vùng Ngọc Lặc, Thọ Xuân. Biết bao nhiêu là gian khổ, khi Linh Sơn lương hết mấy tuần, khi Khôi Huyện quân không một lữ đã cùng chia nhau chén rượu nghĩa tình.

Đầu giao hưởng sĩ phụ tử chi binh nhất tâm Nguyên bản Bình Ngô đại cáo như thế và các dịch giả đã diễn nôm thành Gắn bó một lòng phụ tử rót rượu ngọt để khao quân hoặc Mở tiệc khao quân chén rượu ngọt ngào, khắp chiến sĩ một lòng phụ tử Đầu giao hưởng sĩ Đem rượu được biếu đồ xuống lòng suối để ba quân cùng nếm, rượu hoà nước lã bỗng hoá ra chén rượu ngọt ngào

Buổi tối đến Ngọc Lặc chúng tôi được thưởng thức ngay món canh lá đắng. Hôm sau có dịp nhìn tận mắt loại cây ấy. Lá đắng là tên gọi đúng vị của nó, mọc từ thân ra, có hình dạng giống như lá sắn mì. Từ cuống chính tỏa thành chín cuống phụ, mỗi cuống phụ một lá, thân lá dài từ 5, 6cm đến 20cm, rộng độ 4-5cm, chỗ gần cuống tròn hơn, thân lá nhọn, hai mặt lá đều màu xanh đậm. Lá đắng nấu với thịt nạc băm nhỏ. Mới ăn vào đắng lắm. So với canh lá đắng thì canh khổ qua (không luộc chần) chẳng thấm thía gì. Vậy mà khi đã nuốt xong, vị đắng tan hết, còn lại vị ngọt. Ăn lần thứ nhất có thể chưa cảm nhận được canh lá đắng ngon thế nào, sau lần thứ hai đã thấy nhớ, lần thứ ba và những lần tiếp theo sẽ không quên món canh độc đào này của Ngọc Lặc

* * *

DẤU ĐÁ CHƯA MỜ

Hơn sáu mươi năm trước, Nguyễn Văn Cẩn có bài thơ Nước tôi, thể song thất lục bát, trừ hai khổ mở đầu và kết luận, còn lại mỗi khổ bốn câu nói về một nhân vật quan trọng trong lịch sử hay một di tích, thắng cảnh nổi tiếng đã đi vào văn học nghệ thuật nước nhà. Đoạn ca ngợi Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành như sau:

Ngọn cờ lau mờ thời vương bá
Động Hoa Lư dấu đá chưa mờ
Nước non có tự bao giờ ?
Đinh Tiên Hoàng dựng cõi bờ mấy phương ?
Quân nhà Tống tìm đường chiếm cứ
Lê Đại Hành chống giữ giang sơn
Tranh phong những trận mê hồn
Quân thù khiếp sợ dám còn vãng lai

Hôm ấy, chúng tôi từ Ngọc Lặc, Lam Kinh xuống Hoa Lư. May mắn là thời tiết đổi thay, trời mùa đông đang se lạnh bỗng nhiên ấm áp. Trong khi tâm trí tôi nhâm lại mấy câu thơ trên thì mơ hồ văng vẳng như có tiếng ai hát: Anh hùng xưa nhớ hồi là hồi niên thiếu. Dậy binh lầy lau làm cờ . Thế hệ chúng tôi là học trò và thế hệ học trò của chúng tôi bài hát này được phổ biến rộng rãi, thường là bài hát chính thức của các Liên đội mang tên Đinh Bộ Lĩnh, đứng nghiêm hát khi vừa vào lớp, sau đó là hiệu lệnh Học sinh ngồi! . Chúng-tôi-học-trò và học-trò-chúng-tôi thường thích thú khi đóng vai Đinh Bộ Lĩnh:

Khác thường từ thuở còn thơ.
Rủ đoàn mục thụ mở cờ bông lau

để rồi :

Hiệu xung Vạn Thắng anh hùng ai qua.
Bốn phương thu lại một nhà.
Mười hai sứ tướng đều là quét thanh
(Đại Nam quốc sử diễn ca).

Cái đẹp của vị anh hùng niên thiếu này là cái đẹp đơn giản trong không gian hoành tráng và tinh thần tự tại, lồng lộng nắng gió trên đồi rộng, dưới trời cao để khiến lòng ta say sưa. Ai lúc tuổi thơ chưa có một lần say sưa cùng Đinh Bộ Lĩnh hãy thử xem lại: Có phải là thiếu sót không ?

Trên đường rẽ vào đền hai vua Đinh Lê bên trái là núi Yên Ngựa. Mộ vua Đinh trên đó. Chúng tôi rất tiếc là không trèo lên được, đành đứng ngược nhìn, cũng như lúc ở Thanh Hóa đứng bên quốc lộ nhìn mộ Bà Triệu tận lưng chừng ngọn núi cao xa. Khung cảnh Hoa Lư trông thật rực rỡ. Từ những ngọn cỏ dưới chân đến những tàn cây trên đỉnh đồi tròn đều một cùng màu xanh và điểm thêm chút vàng để giống như màu lá mạ, chỗ này mạ non, chỗ kia mạ già. Hoa Lư có cái thế đặc địa xứng đáng với 42 năm là kinh đô nước Đại Cồ Việt trẻ trung, tiếp nối và xây dựng căn bản vững chắc cho thời đại tự chủ do Ngô Quyền mở đầu (chỉ có sáu năm, còn lại là cát cứ tao loạn). Hoa Lư xinh xinh như mộng ban đầu, như tuổi đôi mươi để khi đất nước vào độ trưởng thành già dặn dưới thời vua Lý Thái Tổ có một Thăng Long ngàn năm văn vật.

Đền thờ vua Đinh ở làng Trường Yên Thượng.
Trường Yên đầu dựng đô thành.
Cải nguyên là hiệu Thái Bình từ đây
(ĐNQSDC).

Cổng ngoài (Ngọ môn quan) có ba gian lợp ngói, mặt trong cổng ghi bốn chữ Tiên triều phụng khuyết. Qua một sân ngắn vào đền cổng trong (Nghị môn) với bốn trụ biểu, hai trụ bên ngoài cao hơn hai trụ bên trong, hai bên là cây cao bóng mát, là hồ sen. Hết chính đạo đến sân rồng, giữa sân có một long sàng bằng đá xung quanh chạm nổi. Nhưng tôi thích nhất là hai con nghê bằng đá xanh nguyên khối, tác giả đã tạo cho nó bộ mặt rất vui, không trịnh trọng như rồng, không đài các như phụng, nó có vẻ thật hồn nhiên, thật

dễ thương, như tuổi thơ của chúng ta, của mọi người - trong đó có cả Đinh Tiên Hoàng đế.

Bái đường năm gian bàn giữa thờ vua Đinh. Một bên là tượng Đinh Liễn quay mặt về nam, một bên là Đinh Toàn và Hạng Lang quay mặt về bắc. Tượng đồng vua Đinh với chòm râu dài và thưa. Tôi mong tìm thấy ở một bên tường hay đầu đó nếu có bức tranh hay cụm tượng cờ lau tập trận thì sẽ hay hơn biết bao!

Trong khu vực này còn có một phần bảo tàng di tích Hoa Lư dưới hồ sâu. Thú thật là với con mắt phàm trần nhìn xuống chúng tôi chỉ biết đó là dấu vết chân thành với gạch đá, viên hồng viên xám

Đền thờ vua Lê cách đây khoảng nửa cây số, thuộc làng Trường Yên Hạ, nhìn xuống sông Hoàng Long, có núi Đền trước mặt, núi Địa sau lưng. Kiến trúc cũng tương tự : gian nhà dài, trụ biểu, vườn hoa, cây cỏ, hai dãy nhà vọng, non bộ Phụng ấp và non bộ Long mã. Cổng vào đề chữ Trường Xuân linh tích. Ở sân rồng gần gian giữa của bái đường cũng có long sàng bằng đá. Tượng Thái hậu Dương Vân Nga bên trái tượng vua Lê, bên phải là tượng Lê Long Đinh. Đệ nhất công thần Phạm Cự Lượng thờ ở tòa Thiêu hương.

Nhớ lại lời các tác giả Đại Nam quốc sử diễn ca nói về vua Đinh:

Nội đình năm vị nữ quân.

Nặng tình kiêm ái quên phần di mưu

mới thấy rằng Dương Vân Nga thật có phúc. Bốn vị nữ quân kia tên tuổi, số phận thế nào chắc không ai biết. Để qua một bên những lời xưa nay khen chê phần nhiều đánh giá Dương Thái hậu qua địa vị, để qua một bên chuyện chính sự và chuyện miệng đời, cái hơn người của bà là đã yêu và được yêu bởi hai bậc anh hùng vĩ đại. Trong lịch sử nước ta bà là người duy nhất có hai đời chồng làm vua. Hai ông vua đều sáng danh. (Chuyện bà Ngọc Bình chỉ là chuyện kể, hơn nữa bà Ngọc Bình không thấy sử sách ghi danh phận).

Điều khác nhau giữa hai đền thờ là đền vua Đinh có tượng đôi rồng chầu trên nóc, đền vua Lê thì không. Người chủ trương việc này suy nghĩ thế nào mà cho xây dựng như vậy? Lê Đại Hành Hoàng đế cũng là một vị vua, tuy rằng nổi nghiệp Đinh Tiên Hoàng đế nhưng vẫn có chiến tích lẫy lừng, công lao chống ngoại xâm phương Bắc và tạo dựng uy thế với lân quốc phương Nam, đâu kém công lao trừ nội loạn? Lời Phạm Ngự Lượng khi tôn phò (theo sử chép) thiết tưởng đã đánh giá đúng về con người Đại Hành.

Rời Hoa Lư, một lần nữa ngẩng trông núi Yên Ngựa, riêng tôi một lần nữa nhớ đến bài hát Anh hùng xưa, thêm vào đó Với tiếng gió Hoa Lư ơi, với tiếng gió Hoa Lư ơi . Quả thật trời Hoa Lư đang đây ắp mệnh mang nắng và gió

* * *

VỀ TÂY GIAI

Băng nhạc trong xe đang phát một bản tình ca về một mối tình dang dở. Nay anh về chôn xưa ngõ ngang, nuôi tiếc. Điệp khúc ấy nhắc đi nhắc lại khiến tôi có cảm tưởng như là chuyện lòng của tôi. Đây là quê tôi và nay tôi về chôn xưa ngõ ngang bao nhiêu hoài niệm.

Đường đi Vĩnh Lộc đất sỏi rộng rãi, có đoạn trải dài một màu đỏ khá tươi. Hai bên đường nhìn tận xa xa những ngọn đồi thấp, phẳng nhấp nhô nối tiếp nhau, thỉnh thoảng xen vào một mặt hồ, một vũng đầm. Gần sát là mía và sắn. Mía xanh mượt lá, sắn cao hơn đầu người. Buổi sáng trời âm u, gió se se khô, thoáng lạnh. Đứng ở Cầu Kiều nhìn xuống dòng Sông Mã thuyền đậu san sát. Nơi chân trời dãy núi màu lam với những đỉnh nhọn kỳ vĩ.

Sách Sử ký Giáo khoa thư lớp Sơ đẳng có hình vẽ thành nhà Hồ. Nhớ lại, trong trí tưởng thấy nó nhỏ nhoi. Nhưng giờ này tôi thật sự ngạc nhiên, bởi không có một sự chuẩn bị trước cho tâm lý, chẳng hạn một cánh đồng rộng để nhìn thấy từ xa. Vừa mới hết xóm nhà thành xưa đã sừng sững trước mắt. Màu rêu phong đen sẫm phủ lên mặt đá khiến cho phế tích vừa uy nghi, đường bệ vừa lạnh lùng, hoang vắng.

Sử gia Lê Thần viết : Quý Ly định dời kinh đô vào Thanh Hóa cho dễ đường thoán đoạt, bèn sai quan vào xây thành Tây Đô ở động Yên Tôn, xã Yên Tôn, huyện Vĩnh Lộc, tục gọi là Tây Giai. Đến năm Bính Tí (1396) Quý Ly bắt Thuận Tông phải dời kinh về Tây Đô

Chúng tôi bước vào Cửa Nam, có ba cổng. Hai cổng hai bên chỉ thấp nhỏ hơn cổng giữa một ít, độ chín với mười. Cổng thành xây cuốn, xếp đá theo hình múi cam. Từ Cửa Nam một con đường chạy thẳng ra Cửa Bắc. Người đi honda, người đi xe đạp, có tốp phụ nữ gánh gồng, có tốp học sinh đồng phục. Giữa đường, hai con rồng đá không còn nguyên vẹn. Chỗ ấy là bậc thêm cung điện xưa

Cửa Bắc chỉ có một cổng. Chúng tôi trèo lên mặt thành quan sát. Tường thành xây bằng đá, cao chừng 5 mét, rộng chừng 3 mét, một phần đã bị sụt lở. Mỗi tảng đá xây có kích thước một bề độ 0,8 m đến 1m, một bề độ 1,5m. Kích thước ấy dễ làm ta choáng ngợp. Trong các cổ thành Việt Nam như Cổ Loa, Hoa Lư đều xây bằng đất, chỉ có Tây Giai là xây bằng đá. Chúng tôi thông thả đi trên mặt thành từ Cửa Bắc sang Cửa Tây. Mặt thành kín cỏ, có những lối mòn. Hiện tại nó là một con đường.

Tôi lại nhớ trên Giáo Dục tạp chí, chuyên san của Nha Học chính Đông Dương có truyện Thành Tây Giai với Bình Khương nương kể rằng : Lúc Hồ Quý Ly cho xây thành thì có một Cống sinh được cử vào chỉ huy công việc. Vợ của Cống sinh, bà Bình Khương theo chồng vào đây, ngày đêm nhỏ nhẹ khuyên chồng : Ta là người của nhà Trần, không nên tận lực phò tá nhà Hồ? . Từ đó Cống sinh xao lãng công vụ và bị kết án tử hình để làm gương. Bình Khương nương chạy đến bên thành than khóc, phản đối, hai bàn tay bà lún sâu vào mặt thành đang xây. Để tránh những tác động vào dân phu bất lợi cho công việc vua nhà Hồ hạ lệnh chôn sống bà vào thành. Truyện dẫn thêm câu ca dao :

Chàng về Hồ, thiếp cũng về Hồ.

Chàng về Hồ Hán, thiếp về Hồ Tây

và chú thích Hồ Hán : trở Hồ Hán Thương, Hồ Tây : trở (kinh đô) nhà Trần .

Chúng tôi đến Cửa Tây. Phần mặt bằng ngay trên cửa không còn, chỉ còn phần vòm cong. Bên ngoài thành là đồng ruộng khá màu mỡ, những mái nhà xa xa màu ngói mới. Sát chân thành nhiều khối đá ngổn ngang, hai cây cau vươn cao. Phía trong vòm cong có hai đường rãnh, có lẽ dùng lắp các cánh cửa. Từ Cửa Tây chúng tôi đi qua Cửa Đông bằng con đường thẳng góc với trục Nam-Bắc lúc này thành chữ thập. Trong vòng thành ruộng xen lẫn với những ao nước tưới. Những luống cao trồng bắp, giữa các luống là rãnh sâu xuống, trồng đủ loại rau. Tất cả một màu xanh hiền lành, dễ thương

Cửa Đông cũng chỉ có một cổng và chỉ còn phần vòm cong như Cửa Tây. Có chỗ sườn đất thoải thoải do mặt thành đổ xuống, dưới chân thành một đàn gà con bươi tung

tóc mớ rơm mới. Vài cậu bé chăn bò, vài phụ nữ quang gánh họ chỉ cho tôi đền thờ Bình Khương nương.

Đền thờ, hoặc là ngôi miếu nhỏ, dưới tàn cây không cao lắm. Mái ngói cũ đầy xác lá, tường loang lổ, cửa khóa, hai cột trước giả làm trụ biểu thấp. Có một điều gì đó rất lạ trong niềm xúc động. Không ngờ hôm nay được đứng trước nơi hội tám tuổi đọc thấy trong sách, xa lắc xa lơ, một tuần lễ trước chưa hề nghĩ là mình sẽ đến đây. Tôi đang ngỡ ngác thì thấy sát trên mặt thành sau đền có tấm bia, rộng đội ba tấc, cao độ năm tấc, mặt đá đã rạn, phần nhô lên có dòng chữ Trần triều công sinh Bình Khương nương đại quân chi, chữ cuối cùng bị đất lấp, chắc chắn là chữ mộ. Chúng tôi phân vân : Tại sao nương mà đại quân ?

Phải nhờ đến sách của cụ Vệ Thạch. Trong Hán Việt từ điển cụ giảng chữ quân ấy là : Vua - Làm chủ - Người đồng bối gọi nhau là quân - Vợ gọi chồng - Thiếp gọi thê. Phải chăng sau khi nhà Hồ thua trận, rồi nhà Lê lấy lại giang sơn, một người thiếp của Công sinh đến dựng bia nơi Bình Khương nương bị chôn sống vào thành, gọi bà là đại quân ?

Quay lại nơi đôi rỗng đá nghi chân trò chuyện về Hồ Quý Ly, nhân vật xuất chúng trong lịch sử, nhưng đương thời không được toàn dân quý trọng, yêu mến. Có lần ông đã bỏ chạy khi vua Trần Duệ Tông tử trận ở Đồ Bàn, có lần ông đã giả dối khóc lóc với vua Trần Nghệ Tông để che đậy chủ tâm và loại trừ Đê Hiền. Trên bình diện chung thì ông đã có những sách lược lớn, cải cách lớn về hành chính, kinh tế, quân sự để mong đưa đất nước tiến lên. Tiếc rằng Khoản nhân Hồ chính chi phiên hà, trí sử nhân tâm chi oán bạn (Bình Ngô đại cáo) nên nhà Hồ đã thất bại. Đến giờ phút cuối Quý Ly còn giết Ngụy Thúc. Cho nên khi vua tôi bị giặc bắt ở núi Cao Vọng có tương truyền là do một con cáo trắng chỉ đường. Sau đó khi Bình Định vương bị vây khốn thì có tương truyền nhờ một con cáo trắng đánh lạc hướng giặc Vương mới thoát được. Ngày nay trong đền thờ vua Lê ở Lam Kinh có bàn thờ Bạch y thần nhân. Dân gian đã đưa quan niệm ơn đền oán trả vào dã sử và bổ sung cho chính sử.

Bây giờ trời bỗng nắng, nắng vàng đậm, đẹp và ấm. Những chiếc bóng của chúng tôi hiện ra, đổ dài trên đường đi, trên mặt ruộng cùng với bóng những người qua lại. Chợt ai đó đọc lên câu đó :

Nắng ba năm ta không bỏ bạn
Mới mưa một ngày bạn vội bỏ ta

Và giảng là : Cái bóng của ta.

Tôi hiểu Hơn một tuần trong chuyến du khảo này chúng tôi chỉ gặp mưa và thời tiết âm u. Làm sao không mừng được. Hôm nay giữa lòng Tây Giai, được nhìn thấy tận mắt thành lũy của một triều đại qua bao lớp lớp phé hưng, đền mộ của một bậc liệt nữ tuy ngày thơ ấu chỉ được xem qua trên sách báo còn đọng lại ấn tượng sâu xa trong ký ức và trong buổi chiều mùa đông bỗng nhiên hứng nắng, chúng tôi gặp lại bóng mình như gặp lại cố nhân Thật thú vị biết bao. Tôi muốn nói vậy với đôi rỗng đá xương cốt thịt da đang rạn nứt theo thời gian vẫn cố gắng tồn tại

* * *

NHẬT LÁ BÀNG

Ở nơi nào nhi của Hà Nội, tác giả Đôi bạn đã nhìn xuống để chăm chú quan sát những đứa trẻ nhật lá bàng vào một tối mùa đông?

Bây giờ là mùa hè nhưng Hà Nội chợt dịu lại. Mặt trời lặn bên kia Hồ Tây một khối hồng xinh xắn. Rồi cơn mưa nhỏ làm cho chân trời bàng bạc màu sương khói.

Mịt mù khói tỏa ngàn sương

Nhịp chày An Thái, mặt gương Tây Hồ

Thật tình cờ ở quầy sách tôi bắt gặp tập Ngược đường Trường Thi (tái bản) của Nguyễn Triệu Luật. Cuốn sách tôi đã đọc đúng 50 năm trước *, đã quên hết nội dung, chỉ còn nhớ mang mang về cái phép tính của ông giáo Nguyễn Lý Viên - mà sau đó một tác giả khác bảo rằng ông đã lầm trong phương pháp, đã làm tính sai.

Lần này tôi không quan tâm nhiều đến phép tính mà theo dõi những nổi trôi của dòng họ Lý - Nguyễn với con đường lều chõng, vông lọng hiển hách từ Bến Cỏ, khứ hồi.

Theo Nguyễn Triệu Luật, thưở ấy chúa Trịnh Căn thấy quá nhiều con nhà dân ít được theo đòi sách vở bút nghiên nên đã cho người sang Trung Quốc học cách làm giấy, làm mực. Rồi biến một phường trong 36 phường của thành Thăng Long làm nơi sản xuất giấy. Phường đó là phường An Thái. Phường Liễu Chàng thì biến làm xưởng khắc bản in và in các loại sách.

Tôi chợt nghe ra tiếng chày An Thái. Phải chăng không là tiếng chày lo cho cái ăn - tiếng chày giã gạo, hay là tiếng chày lo cho cái mặc - như tiếng chày đập vải, mà là tiếng chày lo cho chữ nghĩa: tiếng chày giã bột giấy?

Tôi cũng đã có lần tạm trú bên bờ hồ Giảng Võ, đã đến Văn miếu, dạo quanh hồ Hoàn Kiếm, đã qua qua lại lại trên con đường trường thi của người xưa và cảm thấy trong mỗi nét mới của Hà Nội đều ẩn giấu một chút hồn muôn năm cũ. Phía sau những ánh điện rực rỡ, phía dưới những âm thanh ồn ào của Hà Nội hôm nay, chúng tôi có thấy và nghe một cách mơ hồ nhưng rất rõ ràng hình bóng và tiếng nói cổ nhân. Đài Nghiên, tháp Bút. Bảng vàng bia đá. Mũ áo vinh quy. Và một mặt, lặng lẽ hơn nhưng không kém phần cao đẹp, các bậc đại ẩn ẩn thành thị, như Kiếm Hồ Ngự Ân.

Buổi chiều, buổi tối đi tìm chút hương vị Hà Nội. Nguyễn Tuân miêu tả chuyện ẩm thực cầu kỳ quá, trang trọng quá. Cách ăn theo như Thạch Lam nhẹ nhàng nhưng vẫn nghe ra đài các, khép kín cùng bạn bè. Món ngon Hà Nội qua nỗi nhớ của Vũ Bằng đời hơn, gần hơn, ta có thể bắt gặp dễ dàng. Thật là dễ thương khi bà cụ bán bánh cuốn ngăn không cho cô bé vắt nhiều chanh vào mắm, sợ mất đi cái đậm đà của nguyên vị. Mang sách vở đi tìm sự thích khẩu, e rằng là chuyện vẽ ngựa tìm ngựa, sự thích thú tự nhiên sẽ giảm đi chăng?

Hàng chả cá Lã Vọng khách có cả Tây đầm. Rượu gạo nồng nàn. Bánh tôm, ốc chung ở Tây Hồ. Ngồi mỗi nơi ngắm một đoạn hồ, nhớ một đoạn sử. Từ tình cô bán chiếu đến nơi vương phủ rồi các bài phú tụng và chiến của các đại gia. Các quán thịt chó Nhật Tân không cần giấu mình dưới những cái tên khác như: Mộc tòn, Cờ tây, Nai đồng quê. Và cũng đặc biệt: khá đông khách là nữ giới, nhiều đôi bạn trẻ đi với nhau như dân Miền Nam đi uống cà phê, khác với Miền Trung phụ nữ không được làm thịt chó, thậm chí không được bàn đến thịt chó.

Trở về Hồ Gươm uống tách trà đậm, nghe nhiều chuyện đời thường. Tôi tự nghĩ bây giờ chắc Hà Nội không còn những đứa trẻ nhật lá bàng. Nhưng phần tôi, phải cố nhật cho

được, càng nhiều càng tốt những lá bàng trên mọi nẻo đường quê hương để sưởi ấm những trang viết của mình.
(* Bài này viết năm 2000).

* * *

THEO DÒNG THUẬN QUẢNG

Tiên kiết nhân tâm thuận. Hậu thị đức hóa chiêu.
Đó là hai câu đầu trong một bài ngũ ngôn của một vị tham mưu trình chúa Sãi khi đề cử hai hồ tướng Thuận Nghĩa hầu và Chiêu Võ hầu cầm đầu một chiến dịch an dân. Khởi nghiệp từ Thuận Hóa, sách lược của chúa Tiên ban đầu là Thuận và Hóa, từ đó cũng có thể lực trên nền tảng Quảng Đức và phát triển theo chiều hướng Quảng Nam. Với quyết tâm tạo lập cõi Nam Hà thành một giang sơn vạn đại, các chúa kế nghiệp giữ đúng đường lối: thu phục nhân tâm, giáo hóa dân trí và mở mang bờ cõi. Đất Thuận Quảng này phía bắc có Hoành Sơn và Linh Giang hiểm trở, phía nam có Hải Vân Sơn và Thạch Bi Sơn bền vững, núi sẵn vàng sắt, biển nhiều cá muối, thật là một nơi trời để dành cho người anh hùng dựng võ. Vậy ta phải thương yêu nhân dân, luyện tập quân sĩ để gây dựng cơ nghiệp muôn đời. Lời chúa Tiên dặn dò chúa Sãi trước lúc lâm chung đã thể hiện rõ ý chí ấy.

Trên đường thiên lý Thuận Hóa - Quảng Nam các đoàn lưu dân người Việt phải vượt qua nhiều chướng ngại thiên nhiên. Mỗi khi dừng chân đứng lại trên đỉnh cao trông vời họ lại thấy mờ ra trước mắt một khung cảnh trời-non-nước bao la. Tiếng gọi của gió lành nắng ấm phương nam đầy màu sắc rực rỡ và cuốn hút như nam châm.

Từ đó Những vùng đất màu mỡ dần dần được thuận thực. Những con sông bốn mùa đầy nước ngọt, tấp nập thuyền bè xuôi ngược. Những vũng vịnh, cửa biển thật thuận tiện cho việc xây dựng các ngư trường và giao dịch với bên ngoài. Thế hệ sau nối tiếp công trình của thế hệ trước. Ước vọng của chúa Tiên: một cõi Nam Hà với cột mốc Thạch Bi Sơn đã thực hiện được. Vùng đất này đã hoàn thành nhiệm vụ Quảng Nam được định danh Phú Yên. Chặng tiếp theo, bên kia đỉnh Đại Lãnh ngát trời là Thái Khang (Bình Hòa) rồi Bình Thuận, là công huân của chúa Sãi và các hậu chúa nối ngôi

Hơn nửa thế kỉ sau khi Phù nghĩa hầu Lương Văn Chánh tiến vào Cù Mông, Bà Đài, Bà Diễn Hùng Lộc hầu có đủ thiên thời, địa lợi, nhân hòa từ Phú Yên thi hành sứ mệnh lịch sử Thuận Thành. Đồng Nai chỉ còn là gang tấc. Nối tiếp truyền thống phụ thân, Nguyễn Hữu Cảnh -con của Chiêu Võ hầu- mở đất Sài Gòn:

Nhà Bè nước chảy chia hai
Ai về Gia Định Đồng Nai thì về

Tâm mắt người dân Thừa tuyên Quảng Nam bây giờ rộng mở với một cõi Nam Hà không phải chỉ giới hạn từ Hoành Sơn đến Thạch Bi Sơn mà :

Rồng châu ngoài Huế. Ngựa té Đồng Nai

Cùng với cả cõi Nam Hà, cả Xứ Đàng Trong những người dân theo dòng Thuận Quảng đến Phú Yên từ đây góp nhiều công sức, cả máu đào, tâm trí, mồ hôi cho đại cuộc của Tổ Quốc từ Nam Quan tới Hà Tiên

* * *

MÂY TRẮNG ĐÌNH PHOAN

Hầu hết sông ở Phú Yên có chung đặc điểm, nhập dòng lại và chảy ra biển bằng một cửa. Biệt lệ chỉ có sông Cái. Là hợp lưu của sông La Hiên, sông Kỳ Lộ, sông Trà Bung, sông Cô và mấy nguồn suối nhỏ nữa, về tới hạ bạn nó lại chia ra nhiều nhánh, chảy ra hai nơi: vịnh Xuân Đài và đầm Ô Loan. Những nhánh sông như những ngón tay trong bàn tay châu thổ xòe rộng níu giữ phù sa, mỗi mùa mưa lụt lại bồi đắp cho thêm màu mỡ. Nơi đây là vùng đất xưa, từ thuở Lưu thủ Văn Phong vâng lệnh Chúa Tiên Nguyễn Hoàng lập phủ Phú Yên, coi như hoàn thành cái ước vọng xây dựng cõi Nam Hà từ sông Linh Giang đến núi Thạch Bi, để Trấn thủ Nguyễn Phước Vinh tiếp tục củng cố sự ổn định vững bền cơ nghiệp. Nơi đây là đất lành, trên bước đường thiên di tìm nắng ấm đàn chim Việt dừng lại khá lâu để xây tổ vầy đàn. Và từ nơi đây hơn bốn mươi năm sau Hùng Lộc hầu đem quân vượt qua đèo Hồ Dương mở mang dinh Thái Khang.

Đời Tự Đức, Bồ chánh Đình Nho Quang tâu vua rằng địa cuộc nơi đây là bạc nhất của Phú Yên nên ngôi làng trung tâm mang tên Long Uyên, nghĩa là Vực Rộng. Chung quanh thành quách phủ lỵ, trấn lỵ nơi Vực Rộng/Vực Sâu Xa là những cánh đồng màu mỡ quanh năm lúa bắp tốt tươi. Những ngọn núi thấp rải rác yên nằm, đọc tên lên dù chưa rõ nghĩa nghe như có chút gì băng khuâng nhớ tiếc: núi Sơn Chà núi A Man... Mỗi địa danh mang dấu ấn một nghề thủ công tinh xảo: từ Phường Lụa qua xóm Lò Gốm xuống Hàng Dao một cảnh trí thiên nhiên hữu tình: đây là bến đò Cây Dừa, kia là bầu Cửa Tả hoặc một điểm sinh hoạt đông đảo: buổi sáng chợ Mai, buổi xế chợ Chiều, ngày tàn có chợ Hôm, thay đổi nhau phiên Thành, phiên Giã Qua đền thờ vua Lê Thánh Tông nghĩ về cội nguồn người dân Phú Yên đặt thành câu hỏi: Giang sơn khai thác hà niên ? . Núi sông này khai thác tự năm nào, không phải sử sách không ghi, không phải chỉ có phụ lão tương truyền, không phải thế hệ hôm nay không biết. Câu hỏi đặt ra là muốn được trả lời rằng công ơn tổ tiên vô cùng to lớn, mãi mãi dài lâu, luôn luôn trường đối với núi cả sông sâu.

Nơi đây cũng là đất của niềm tin nhân ái, của lòng ngưỡng vọng hướng về sự siêu thoát cao minh. Năm 1641 Linh mục Đắc Lộ đã đến làm lễ rửa tội cho giáo dân, trong đó có người sau này được phong Thánh chân phước là Thầy giảng André Phú Yên. Thiên sư Liễu Quán, người rất có công trong việc Việt hóa Phật giáo xứ Đàng Trong, mở ra một thiền phái mang tên ngài, xuất gia quy y tại chùa Hội Tôn khoảng năm 1672. Có phải đây là ngôi chùa xưa nhất của Phú Yên, mặc dù trước đó đạo Phật đã phát triển? Cũng như nhà thờ đầu tiên của Phú Yên tại Măng Lăng mãi đến năm 1892 mới được Linh mục De La Cassagne xây dựng? Bên ngoài và thật gần với nhà thờ hiện nay còn những chứng tích của một thời tôn giáo song song phát triển. Một ngôi tháp xưa, thân tháp tuy bị trầy tróc nhưng còn khá nguyên vẹn, phần dưới bị đất bồi lấp. Tấm bia phía trước chỉ đọc được ba chữ rời rạc cách quãng nhau: hóa - tự - mẫu. Theo các vị chức sắc Phật giáo thì ngày xưa chùa Hội Tôn bao gồm hết cả khu vực rộng lớn, bây giờ là nhà thờ và khu dân cư, kiểu kiến trúc này là tháp Hòa thượng, nhưng không biết tháp của ngài nào. Bên cạnh ngôi cổ

tháp là một khu mộ của một dòng họ với nhiều kiểu mộ. Hai ngôi lớn xây thành chung quanh, chính giữa đắp cát, là mộ ông cố, bà cố của một gia đình ở gần, họ cho biết an táng cách nay khoảng 100 năm. Mấy ngôi mộ xưa kiểu kiêu kiêu ngựa, nơi chân sát mặt đất đắp hoa văn bông sen, phía trước lờ mờ dấu hình chiếc lư hương. Mấy ngôi mộ hình chữ nhật xây cao, phía trước có đắp hình thánh giá cũng đặt trên lư hương. Mấy ngôi nữa thành mộ thấp, bên trên xây kín có đắp hình thánh giá. Chúng tôi đoán, ngày xưa dòng họ này là người theo phong tục thờ cúng tổ tiên hoặc quy y Phật giáo (mộ kiểu kiêu kiêu ngựa, hoa văn bông sen), sau đó chịu rửa tội theo Công giáo (mộ hình chữ nhật xây cao, thánh giá phía trước) và tiếp tục đến nay (mộ xây thánh giá phía trên và hai ngôi mộ đắp cát).

Cách nhà thờ Măng Lăng khoảng nửa cây số, có núi Sơn Chà, một ngọn núi thấp nằm trong châu thổ Tuy An, sỏi sạn khô cằn, cây cối xơ xác, màu xanh đang thành phơi bạc trong cái nắng nung của tiết tiểu thử. Đây là di tích chùa Cổ Lâm, do chùa Hội Tôn từ Măng Lăng dời về. Từ chân núi lên khu tháp không xa, khoảng trên 50 bậc đất đá cao thấp (không phải xây hay chắt ngay thẳng) hơi quanh co và tiếp một đoạn ngắn. Khu tháp có 10 ngôi, 6 tháp Hòa thượng, 1 tháp Đại đức và 3 tháp Ni cô. Trong đó qua một tấm bia tân tạo biết được tháp của Hòa thượng Diệu Thiện đời thứ 40 phái Lâm Tế, so với ngài Liễu Quán đời thứ 35. Nhưng không rõ có phải ngài là vị khai sơn chùa Cổ Lâm? Còn 5 tháp kia không rõ là của ngài nào. Dưới chân núi còn có 2 ngôi tháp nữa. Những người nghiên cứu lịch sử Phật giáo Phú Yên cũng chưa tìm được câu trả lời. Khu mộ tháp này với lối kiến trúc tương tự, có vẻ như xây dựng một lượt, phải chăng là từ Hội Tôn cùng cải táng qua. Nếu như vậy tại sao một ngôi tháp vẫn còn ở Hội Tôn?

Trong vùng này có nhiều chùa, nhiều nhà thờ, nhà nguyện. Đi dọc sông Phưong Lụa sẽ đến chùa Châu Lâm, nơi nhà văn Võ Hồng gợi cảm nhiều kỉ niệm trong tác phẩm Mái chùa xưa. Dòng sông chảy sát xóm nhà, gần đường đi. Phía trên đường là nhà Người Bác của Võ Hồng, nhân vật chính của tác phẩm Người về đầu non, người đã nuôi Võ Hồng ăn học lớn khôn. Phía dưới là nhà cha mẹ Võ Hồng. Có thể hình dung ra nơi mé sông ấy, buổi sáng mùa đông thời thơ ấu Võ Hồng đã nhìn thấy và tri hô lên cho cả bọn trẻ cùng biết cái tin sốt dẻo: nước đã lên, nước đang lên, lụt rồi, lụt rồi. Chùa Châu Lâm trên lưng chừng núi A Man, phía trước là cánh đồng rộng mang tên Đồng Mạ, vì vậy dân chúng quanh vùng gọi là chùa Đồng Mạ. Chùa mới được trùng tu, vách sơn màu lam, một cây mít tơ cao chắt chùng dất dít nhiều trái đang độ nở gai già dạn. Ngôi dưới góc mít nhìn thấy bao quát từ Đồng Mạ ra xa hơn nữa. Nhà văn Võ Hồng đã viết nhiều về quê kiểng Phú Yên. Điều nhiều người cảm thấy là dưới ngòi bút của ông nông thôn Phú Yên lúc nào cũng xanh biếc cỏ non, ngát thơm hương lúa, xinh đẹp như những bức tranh màu nước trên lụa, những bức tranh phần tiên trên giấy nhưng, như những bài thơ tiền chiến, con người dẫu thất tình thất thế cũng dịu dàng lịch sự. Hình như ông không muốn đào sâu xói kỹ hơn, sợ sẽ bật tung lên đất đá khô cằn. Một người ở thế hệ nối tiếp viết về Phú Yên những mong lục lợi phơi bày ra một bên những đắng cay chua chát mỉa mai, tiếc rằng chưa đủ duyên nghiệp và thời vận.

Từ buổi ban đầu không biết ai đã chủ trương gọi là Phú Yên thay vì Phú An như thường lệ. Nhưng thoạt nhìn mặt chữ thì người ta đọc ngay là Phú An. Vì vậy trên nhiều bản đồ xưa các giáo sĩ Tây Phương ghi vùng này là Dinh Phuan, tức là Dinh Phú An = Dinh Phú Yên. Gọi là Dinh Phú An nghe dài các xa lạ, Dinh Phú Yên gần gũi thân mật hơn, còn Dinh Phuan có cái dễ thương của người ngoại quốc bập bẹ tiếng Việt, cũng như những em bé lên ba lên năm đang tập nói. Từ dưới gốc mít tơ chùa Châu Lâm ngẩng lên,

gần sát bên là mấy đỉnh tháp, có thể hình dung ngay chỗ kia là gác chuông nhà thờ. Trời mùa hạ xanh thật xanh, mây dày đặc và trắng nõn khắp cả Dinh Phoen.

* * *

XUÔI DÒNG ĐÀ RẰNG

Về tới Phú Yên, sông Ba chảy song song với quốc lộ 25. Nhưng từ ranh giới tỉnh Gia Lai hai bên còn cách nhau khá xa. Tuy vậy, đi giữa những đồi tranh, giồng để bát ngát, những rừng măng lẳng đến mùa lột vỏ để lộ lớp da non xanh xám, những đám vừng đến mùa khoe lá đỏ rực mặc dù không thấy, chúng ta vẫn biết, đâu đó ở phía nam dòng sông Ba đang hăm hở về xuôi.

Ở đoạn này sông Ba không có đò dọc, chỉ có những bển đò ngang. Lâm sản từ thượng nguồn đưa về kết thành chiếc bè bông bênh cùng sóng nước. Những bạn viết, nào ai có dịp xuôi dòng sông Ba để cảm nhận hết cái kỳ vĩ của nó? Người có dịp xuôi dòng thì chỉ vì mối lợi, đâu biết đến cái đẹp. Thằng hoặc cũng có người biết thì trong khoảnh khắc gió bay ấy, đâu có ghi lại được, nói lên được.

Cho đến ngang đỉnh dốc Đá Đề, ta chợt nhìn thấy Mặt Hàn hiện ra. Đá đen và bọt trắng. Đập Đồng Cam một vạch chắn ngang. Qua khỏi chỗ này sông mang tên Đà Rằng, là thủy lộ huynh đệ với quốc lộ 25.

Quá mệt mỏi với thác ghềnh Tây Nguyên mà sông Đà Rằng trầm tĩnh hơn chăng? Đâu phải. Là bởi với sức lực ngàn xưa đào bới vun đắp, lòng sông thành quá rộng, lượng nước lại chia phần cho hai con kênh Nam Bắc đem tưới cho hai mươi ngàn mẫu ruộng Tuy Hòa.

Chắc bạn đã có lần thấy cả một đoàn thuyền trên Đà Giang buồm căng lộng gió? Đã là thuyền, dù thuyền vượt biển hay thuyền xuôi sông, là phải có buồm. Không có buồm, con thuyền dẫu tô vẽ sặc sỡ đến mấy cũng thiếu đi nửa vẻ đẹp, nó như con chim không cánh, con công không đuôi. Phải có buồm. Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng (Té Hanh). Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu (Nguyễn Bính). Hay cánh buồm rách nát tả tơi trăm mảnh Cánh buồm trên biển phải nhìn xa, thật xa. Cánh buồm trên sông cho chúng ta nhìn ngắm gần kề. Bao giờ nó cũng mang trong đó đường nét và màu sắc thái bình yên ổn. Bây giờ sông Đà Rằng hình như không chảy nữa. Có chỗ lán sang bờ bắc, con đường như con đê, sát liền là lòng kênh và chân núi. Có chỗ nghiêng về bờ nam. Cát không trắng, cát hơi vàng, hơi đục. Con nước tự nhiên, êm ả theo nhau, lớp sau tiếp bước lớp trước.

Xuôi dòng Đà Rằng, buổi sáng ta thấy mặt nước có màu xanh lẫn với màu hồng. Ánh nắng đổ xuống, xuyên sâu, tạo thành những lằn sáng chói chang. Vào buổi trưa nước không còn màu sắc. Thật trong, trong vắt, nhìn thấy tận dưới đáy. Vào buổi chiều ánh nắng lại tạo những lằn sáng nhấp nháy nhưng không bằng buổi sáng, nắng có màu vàng, pha với màu nước xanh thẫm hơn. Nhìn thật kỹ, nước sông Đà Rằng hai buổi đều có màu tím thoang thoảng. Ban mai tím nhẹ và tươi, lúc xế tím pha chút sẫm.

Ngày mưa nhỏ có cái thư thái của mưa. Bây giờ tất cả một màu xám đục. Cả trời, cả mây, cả nước, cả gió, cả rừng cây thấp thoáng và nhà cửa ẩn hiện trong đồng.

Trong cơn bão lụt, sông Đà Rằng còn thừa sức chứng tỏ sự cuồng nộ hữu hiệu. Nước đục ngầu phủ kín hết lòng sông, suốt hai mươi một nhịp chân cầu, dài hơn cây số, bọt bèo cuộn cuộn. Nước dâng lên đồng ruộng, lên làng xóm. Sông Đà Rằng cười reo :

Ta vẫn còn đây, mãi mãi sự mạnh mẽ trẻ trung . Nhớ lại chuyện xưa trong dã sử, con ngựa tượng của Pô Klong Garai, vị anh hùng của Vương quốc Chăm Pa hồi thế kỉ thứ XIII đã lún sâu ở đây khi hộ tống ông vua này từ đông quận Panduranga ra Vijaya làm lễ đăng quang. Đoàn voi đã mất một nửa số lượng khi vượt qua dòng sông hùng vĩ này.

Nếu chưa một lần xuôi dòng Đà Rằng xin bạn hãy dùng chân ghé từng chặng bến, nhìn từng đoạn sông, như nhìn những phân cảnh. Từ bên đò Quy Hậu, bến đò Lò Giấy, bến đò Phong Niên sông Đà Rằng chảy giữa châu thổ nên thoát khỏi cái cảnh lạnh lẽo, đìu hiu của những bến đò ngày mưa Miền Bắc trong thơ Anh Thơ. Những bến bãi của Đà Rằng bao giờ cũng rộng và sáng.

Từ đây về cửa Đà Diên nơi hội lưu với hai dòng sông đàn em là sông Chùa và sông Bàu Hạ đường đi tuy có tách rời, ta hẹn gặp lại đại giang nơi chiếc cầu dài 1.101m. Trước kia, một người bạn nói với tôi cái ước mơ : Mai sau khi đất nước thanh bình ta sẽ có những đêm ngồi với nhau, với thơ với nhạc, trên các quán nổi liền giữa hai chiếc cầu, tương tự như các kapia trong nhịp cầu trên sông Drina.

Mới đây, bạn nói : Ước mơ đó mãi mãi vẫn là ước mơ. Đối với một con người, ai cũng có một quê hương. Và quê hương bao giờ cũng gắn liền với một dòng sông. Có thể là nơi mình sinh ra, lớn lên, cũng có thể là nơi mình tự nhận. Con sông Đà Rằng, với tôi, đã trở thành quê hương của đời sống, tình yêu và cũng là nhân chứng của tình yêu, đời sống

* * *

NGHĨ VỀ NHỮNG THÀNH XƯA

Từ 1471 đến 1597, đâu có gì là lâu lắc, thế nhưng lịch sử vùng đất quê tôi đầy những dấu tồn nghi. Nội cái tên tiêu vùng đã làm nhiều nhà khảo sử phân vân. Theo TS Nguyễn Văn Huy, một nhà dân tộc học có nhiều công trình nghiên cứu về các dân tộc thiểu số ở Việt Nam thì Phú Yên là đất Aryaru cũ. Vậy thì thành ấy là cái thành gì chứ. Sao lại Thành Hồ. Chúng ta gọi theo Đại Nam nhất thống chí. Rõ ràng là các vị sử quan nhà Nguyễn đã áp đặt tên Việt cho thành Chăm, bảo rằng: Tương truyền thành này do người Chiêm xây đắp, tục danh là Thành Hồ. Thuở đầu khai quốc, triều chúa Nguyễn, Lương Văn Chánh phạt phá thành này, nay nền cũ vẫn còn .

Cái tục danh này do người Việt đặt ra, nhiều sách viết là Hồ vương thành. Gọi như vậy có hai điều chưa ổn. Thứ nhất, đây nào phải vương thành. Thứ hai, dấu vương ta cũng chỉ coi đây là Hồ vương mà thôi. Ta bắt chước lối Tàu xưa, kỳ thị, cho mình là văn minh hơn, các dân tộc lân bang chẳng qua là những: Hồ, Phiên, Nhung, Địch, thậm chí là Man, Di . Hơn nữa, cái năm Lương Văn Chánh phạt phá thành này là năm nào cũng không được chép rõ ràng. Lóp hụp thế đành kết hợp tư liệu suy đoán là năm 1578 để sau đó năm 1597 Lương Văn Chánh nhận lệnh của chúa Nguyễn Hoàng đưa lưu dân vào khai khẩn vùng đất sau này mang tên Phú Yên.

Nhưng đã thành nếp quen rồi, xin cứ gọi là Thành Hồ. Những trang sử đã lật qua, nay thành chỉ còn dấu vết thì có bận tâm phân biệt làm chi, Thành Hồ, Thành Phiên, Thành Chiêm, Thành Chăm, Thành Chăm suy cho cùng chỉ là hư văn. Sau cái lần Lương Văn Chánh phạt phá , biết bao thế hệ con cháu ngài tiếp tục cũng là phạt phá để đáp ứng việc phát triển kinh tế như làm ruộng, làm kênh, làm mương, vừa phá vừa khen. Báo cáo của Sở Thủy nông thuộc Nha Tổng Thanh tra công chánh Đông Dương về việc

xây dựng đập Đồng Cam năm 1932 có viết: Dưới thời Chăm vùng này đã được phồn vinh. Hiện tượng phồn vinh này đã được xác nhận bằng các công trình còn di tích ngay tại Tuy Hòa và bằng Thành Cổ mà nền móng được tìm thấy trong quá trình đào đất .

Đứng trong lòng thành đã có thể tưởng tượng ra quy mô ngày xưa, những hào, những lũy, những tháp canh, vọng gác Nhưng muốn hình dung rõ hơn hãy trèo lên dãy núi phía tây, là phần thành vững chãi nhờ vào địa thế thiên nhiên, có nơi gọi là Sân Cờ . Ngọn cờ treo nơi đây đúng là ngọn soái kỳ, lừng lẫy trên đỉnh non cao, in lên trời xanh mây trắng. Dù muốn dù không cũng cứ nhớ thơ Tố Hữu:

Ngàn xưa độc lập cờ hoe nắng
Thành quách huy hoàng rộn bước voi
Đồng nội binh yên hơi lúa bốc
Ca thanh lạnh lạnh bốn phương trời.
Ai hay mấy độ tràn binh lửa
Bỗng xóa mờ Chiêm dưới máu rơi?
Đổ nát cơ đồ dân tộc ấy
Bơ vơ còn mấy tháp mồ côi
Những người lính bảo vệ thành đã chiến đấu thế nào?
Còn chi để lại đất Hồ?
Nắng chiều tê tái nắm mồ xanh xanh?

Không có. Đã trên 400 năm. Không có một nắm mồ nào và nắng chiều không tê tái. Ruộng đồng lúa bắp tốt tươi, lòng kênh đầy áp nước bạc và nay thì chỗ này san bằng chỗ kia ủi phẳng, rộn ràng tấp nập cho cuộc sống mới

Như lâu nay nhiều người vẫn nghĩ Thành Hồ của người Chăm là một cứ điểm quân sự, một đồn lũy phòng thủ. Nhưng nếu Phú Yên là tiểu vùng Aryaru (cũng như các tiểu vùng Vijaya, Kauthara) thì phải chăng Thành Hồ là thủ phủ, là nơi đặt bộ máy hành chính cai trị, mới có bề thế như vậy. Các cứ điểm quân sự của người Việt ở đây phần nhiều dưới hình thức các đồn, các堡 (堡 Hội An,堡 La Thai,堡 Phước Sơn), còn thành là nơi làm việc của các quan đứng đầu dinh, trấn, đạo, tỉnh.

Tại Phú Yên, qua dòng lịch sử có 3 nơi từng được gọi là thành: thành Hội Phú, thành An Thổ và thành Long Bình. Thành Hội Phú dưới thời các chúa Nguyễn và vua Gia Long. Năm 1832 vua Minh Mạng chia lại các đơn vị hành chính trong nước, Phú Yên được thăng thành tỉnh. Sau đó, tỉnh đường dời từ Hội Phú về Long Uyên, cũng trong tổng Xuân Sơn huyện Đồng Xuân. Rồi Long Uyên chia làm 2 thôn Long Uyên và An Thổ, thành nằm trong phạm vi An Thổ, do đó tùy thời điểm, giai đoạn trước gọi là thành Long Uyên, giai đoạn sau gọi là thành An Thổ.

Thành Hội Phú bây giờ là Thành Cũ, và thành An Thổ là Thành Mới, xây theo kiến trúc Vauban, tên một kỹ sư người Pháp, tác giả các kiểu thành xây ở Việt Nam thời Gia Long, Minh Mạng. Nhiều tư liệu cho biết thành có 4 cửa Tiền, Hậu, Tả, Hữu. Cửa Tiền ở hướng đông, cửa Hậu ở hướng tây, cửa Hữu hướng nam và cửa Tả hướng bắc. Phía ngoài mỗi cửa có miếu thờ Thổ Thần. Gần cửa Tả có một cái bàu, gọi là bàu Cửa Tả.

Thành bao giờ cũng giữ địa vị quan trọng tại địa phương nên từ nó có thêm những địa danh khác như Chợ An Thổ mang tên chợ Thành, vì không họp hàng ngày mà họp phiên nên tên được cụ thể là chợ Phiên Thành . Mặt cửa Hữu còn có một chợ nhỏ (chợ chòm hòm) họp mỗi buổi sáng, một số ít người mua bán, đó là chợ Cửa. Theo hướng từ Phú

Mỹ, Bình Hòa đi xuống, qua khỏi chợ Phiên Thành, chưa tới chợ Cửa có một lối đi rộng rẽ bên trái sẽ gặp hai đoạn tường thành còn lại, cách nhau bởi một cửa thành, có hai trụ cửa cao xây hình vuông. Đi vào trong, nhìn phía trái còn một nền cao, mặt đất, chung quanh xây đá, nhìn thẳng vào là dãy nhà nay dùng làm trụ sở Hợp tác xã, miếng đất sau trụ sở đã là đất vườn. Phía cửa Tả có mấy ngôi nhà dân, cửa xây ra hướng bắc. Những người lớn tuổi nói rằng nơi trụ cổng thành hồi trước trên cao có chòi canh, và đây là phần thành bên trong. Thành đất bao bọc bên ngoài và lúc ấy đường đi nằm hẳn bên ngoài. Chỉ có vậy. Lần ấy tôi bắt gặp vài cộ chỡ gạch con bò bước đi thông thả ung dung. Một bầu không khí bình lặng, không có gì biểu lộ niềm vui hay nỗi buồn. Nếu không có một chút tâm sự nào đó, thì đi qua thành hay vào thành ta có thể dừng dừng quay gót trở về. Thành An Thổ từ đời Minh Mạng đến đời Thành Thái, là tỉnh thành nó là niềm hãnh diện của nơi đây. Thơ cụ Đồ Chiểu có câu tả cảnh:

Huyện thành ngắm kiềng coi người
Kiềng xinh như vẽ, người tươi như đời

Đó mới là cỡ huyện thành, tỉnh thành còn sang hơn nữa. Sau hơn 60 năm An Thổ (từng đoạt địa vị của Hội Phú) nhường lại địa vị cho Long Bình để làm phủ thành, rồi lại nhường địa vị cho Chí Thạnh và ngày nay là cấp hợp tác xã thành . Một câu đối xưa có đoạn Tráp tải hậu tang thương đa biến cuộc . Mới sau 20 năm đã nhiều cuộc tang thương biến đổi, Thành An Thổ mất địa vị hơn một thế kỉ rồi, cái thế kỉ 20 một trời biến cuộc nó trở thành thân nhiên là phải. Đừng tìm ở đây lối xưa xe ngựa, nền cũ lâu đài, không có những bóng tịch dương hồn thu thảo đầu. Thành xưa đã cùng với con người chịu đựng quá nhiều rồi, không còn dấu tích nhiều cũng đúng, khỏi có những giây phút của đêm tàn:

Theo trăng bóng vạc về rừng
Sương thu phủ kín mấy từng thành xưa
(Nam Trân)

Nay cả Thành Hồ và Thành An Thổ đều được công nhận di tích lịch sử văn hóa. Thật là điều đáng mừng. Hai thành ấy sẽ được đối xử sao đây? Chỉ giữ nguyên hiện trạng với mấy cái hồ đào bới tìm hiện vật và hai đoạn thành loang lổ rã rời chẳng? Hay trùng tu và trùng tu như thế nào? Chẳng lẽ như mấy ngôi tháp cổ bây giờ thành ngôi tháp tân . Ai nhìn cũng thấy lạ hoắc lạ huơ. Nhưng cũng không sao. Để dành cho những thế hệ chào đời từ thế kỉ 21 coi đó là kỉ niệm ấu thơ của họ.

* * *

TUY HÒA THỨC GIÁC

Có thể nói cả Tuy Hòa đã thức dậy trong lúc cả Tuy Hòa còn đang ngon giấc. Cổ văn bảo rằng Dương quý phi càng đẹp bội phần lúc ngái ngủ. Tuy Hòa cũng vậy. Đáng yêu biết bao cái thành phố nhỏ này lúc nửa tỉnh nửa mơ.

Một góc nào đó của Tuy Hòa quả là không ngủ suốt đêm, nhưng lúc này, hầu hết phố phường nội thị đến xóm làng điền dã còn đang say sưa hôn mộng. Vài ba tiếng gà

gáy lúa thưa. Khung trời đầy sao. Nhẹ nhàng cơn gió chuyển sang ngày. Từ các làng vùng ven, Ngọc Lãng, Phú Lễ, Phú Lâm, Phước Hậu, Ninh Tịnh, Liên Trì rau và hoa khắp ngả đổ về. Không có một tiếng nói lớn. Bởi trong lúc tinh sương tĩnh túc này những lời nhỏ nhỏ đã đủ nghe. Hay là do trần trọng thiên nhiên, chẳng ai nỡ phá vỡ cái không khí bình yên đạt đạo? Cả tiếng móng ngựa kéo xe gỗ trên đường dường như cũng không gõ mạnh. Lóc cóc, lóc cóc đều đều, trầm trầm điệu nhạc.

Những ngọn đèn vàng không đủ soi sáng hết lòng đường rộng. Chỗ này, chỗ kia bóng cây che khuất. Nào ai nhận ra được màu nhung đỏ đậm đà, màu trắng trinh bạch, màu vàng đài các, màu tím trầm lặng, màu xanh xinh tươi trong những cảnh huệ, cảnh layon đang nép bên nhau, trong những bó cúc khô thoáng, những bó vạn thọ chất phác hiền lành, những bó đồng tiền mảnh mai, những bó hồng cần được nâng niu, những cảnh liễu trông ẻo lả mà mạnh mẽ

Thế nhưng:

Áp ủ hương xuân tình đất nước

Từ xưa chưa lỗi hẹn bao giờ

(Đông Hồ)

Mỗi chớm bình minh hoa vào nội thành để sáng ngày niềm vui nở khắp mọi nhà. Hoa trên ghé thờ. Hoa trên bàn viết. Hoa trong phòng khách. Hoa gửi tặng nhau. Hoa lễ nghi, hoa tình cảm và hoa ơn nghĩa.

Bên cạnh đó, nối tiếp xe rau, kiosk gánh rau. Những cây xà lách tươi non mượt mà. Những bụi hành lá dài, củ trắng nõn. Mùi thơm hoặc nhẹ hoặc đậm hoặc nồng của ngò, của ngổ. Cải bắp nặng trĩu, cải cay hăng hăng. Ế quế, ngò tàu trông quê kệch vụng về mà không thể thiếu bên cạnh món phở, món lẩu. Và các loại quả: cà chua, cà dĩa, cà pháo, cà chình, mướp hương, mướp đất, khổ qua, dưa gang, dưa leo, dưa hấu, các loại bầu, bí đao, bí đỏ Tất cả cùng vào thành trên những nẻo đường khuya. Tuy Hòa không thiếu một thứ rau xanh nào. Dầu muốn kê một thức đơn theo kiểu cầu kỳ của người xưa Tuy Hòa vẫn có:

Cà dái dê ăn mắm cá cơm

Bầu cặc tượng nấu canh tôm gạo

Thế nhưng chắc không ít người Tuy Hòa suốt đời cắm hoa, ngắm hoa, tặng hoa, ăn rau, ăn dưa mà không biết là hoa ấy, rau ấy xứ mình trồng ở nơi nào, đem vào đây lúc nào để tránh cái nắng gay gắt mùa hè và nhất là để khi Tuy Hòa thức dậy hoa và rau đều có sẵn.

Những người sinh ra và lớn lên ở Tuy Hòa hay từng sống lâu năm tại đây mỗi dịp đi xa, lúc trở về đến chân núi Chóp Chài, đến đầu cầu Đà Ràng chợt biết lòng mình đang lắng đọng. Tàu xe dừng lại, bước xuống, đi trên đường phố Tuy Hòa càng cảm thấy sự bình yên thân thuộc, tin cậy, bao dung.

Một lần nào đó, bạn hãy dậy thật sớm, khi mọi cánh cửa còn im lìm đóng kín, những người tập thể dục chưa có mặt trên đường, các bác xích lô còn thưa vắng lắm, để gặp hoa và rau từ các vùng ven vào thành. Đừng vội vàng gì hết, cứ thong thả đếm bước trên lề, bạn sẽ nhận ra trong không khí trong lành của buổi đêm chưa hết ngày chưa lên có thoang thoảng chút hương ngậm của hoa tươi, quả mượt, rau xanh để khi thường

thức càng hiểu rằng hoa đẹp hơn, rau quả ngon hơn, bởi khi dâng hiến thân cành cho cuộc sống con người, thực vật cũng đồng thời dâng hiến cả linh hồn hoa thảo tinh thần thuần khiết.

Đâu riêng một buổi sáng nào. Suốt bốn mùa xuân hạ thu đông, ngày mưa cũng như ngày nắng, Tuy Hòa trọn vẹn có những buổi chưa chớm bình minh hoa thắm và rau tươi âm thầm vào thành

* * *

MỘT THOÁNG SÔNG CẦU

Xe đang bon bon trên đường nhựa nóng bỏng, lòng ta bỗng nhẹ xuống khi nhìn thấy từ xa những rặng dừa xanh. Dừa xanh dọc theo bờ biển xanh: Sông Cầu.

Người Pháp chọn Sông Cầu làm tỉnh lỵ Phú Yên phải chăng cho hợp với kinh đô Huế? Phải chăng, coi việc đi cai trị Đông Dương là được đi an dưỡng, tắm biển, phơi nắng, thở hít không khí trong lành? Để tạo cho Sông Cầu một bề thế, trong phạm vi nhỏ hẹp này họ đã phóng nhiều con đường ngang dọc, trồng cây, trồng hoa. Sông Cầu có sông, nhưng sông nhỏ quá nên không được để ý đến. Người ta chỉ biết có biển với những bãi thấp, cát mịn. Sông Cầu cũng đáng gọi là một Beau Rivage nhưng cái tên ấy đã bị đàn anh Nha Trang giành mất. Công sứ Phú Yên A. Laborde viết trên tạp chí Đô thành hiệu cổ (BAVH số 4 quý 4/1929) lời vị tiền nhiệm của ông năm 1890: Sông Cầu là một trong những cảng đẹp nhất thế giới với sức chứa hàng trăm con tàu. Nó được coi như cảng chính của Trung Kỳ và đưa ra nhận xét: Có thể ông Công sứ này hơi cường điệu nhưng phải nhận thấy rằng vịnh lớn này với những đáy từ 5 đến 15m có thể trở thành một cảng an toàn và còn thuận tiện hơn cảng Qui Nhơn nơi mà lối vào ngày càng trở nên khó khăn. Chắc chắn là sau khi hoàn thành những quốc lộ và đường địa phương đi lại thuận tiện thì Sông Cầu được ưa chuộng hơn Qui Nhơn vì nó thuận tiện hơn trong việc đi đến La Hai, và nhất là Củng Sơn, cánh cửa thông thương với Kon Tum và Đắc Lắc.

Tỉnh, nơi các quan Nam triều làm việc đóng ở phía tây, trong thành, thâm nghiêm kín cổng cao tường. Bây giờ dinh Tuần vũ, dinh An sát trợ trợ nền sân, một đoạn tường ngăn, hành cung còn lại mấy trụ biểu đắp hình rồng châu. Tòa, nơi các quan bảo hộ Pháp làm việc ở phía đông với những kiến trúc mới hoàn toàn không để lại dấu vết. Lứa học trò trường tỉnh hồi ấy, tuy mới lớp nhất đều lớn tuổi, lớn xác, vẫn giữ một chút ngợ ngác nhà quê, đi trên con đường râm mát ngợ ngác nhìn dinh ông Sứ, ông Phó sứ, hàng hoa rực đỏ mùa hè. Cũng từ chút nhà quê ấy, trong mắt họ, con gái Sông Cầu, người đẹp xứ dừa sao mà đoan trang đài các.

Dấu sao, sau An Thổ và Vũng Lắm, Sông Cầu cũng có hơn 50 năm là tỉnh lỵ, từ đời Thành Thái đến tháng 8/1945. Cho nên khi nhường địa vị cho Tuy Hòa, Sông Cầu vẫn cố giữ vững tư thế của mình trong nét trang nghiêm đạo mạo. Một chút trầm tư trước biển dâu của một người từng trải. Không như Vũng Lắm, khi nhường địa vị cho Sông Cầu là nhường tất cả.

Bây giờ dáng xưa của Sông Cầu đã chôn vùi theo vàng son quá khứ, nhưng trong xu thế phát triển mới Sông Cầu đang hồi sinh. Nhiều công sở, nhiều nhà cửa được xây dựng, phố xá đông thêm, Sông Cầu thành chật chội hơn, bớt đi vẻ quý phái ngày nào. Bây giờ Sông Cầu không còn loại tương ngon của chùa Thiên Thai đã đi vào ca dao:

Rủ lên Đá Trắng ăn xoài
Muốn ăn tương ngọt Thiên Thai thiếu gì

Tuy vậy khi đến Sông Cầu ta vẫn được hưởng không khí mát lành, được nếm nhiều món đặc sản biển và những chiếc bánh phu thê bằng bột mỳ ngọt và giòn trong chiếc hộp vuông vức, nhỏ nhắn hai nắp úp lại, có người nghĩ là tượng trưng âm dương kết hợp.

Thật ra tìm trong phạm vi phổ phùng thì Sông Cầu chỉ có vài nét xinh xinh thôi. Cũng như đầm Ô Loan, cái đẹp của Sông Cầu là cái đẹp tổng thể. Tất cả một màu xanh. Trời xanh. Núi xanh. Biển xanh. Dừa xanh. Mùa hạ nắng xanh. Mùa đông mưa xanh. Cái đẹp ấy phải đứng ở tầm cao xa phóng mắt nhìn xuống. Qua khỏi đèo Gành Đỏ ta đã bắt đầu cảm nhận và tới đỉnh đèo Đốc Giang ta thấy hiện diện đầy đủ sự thanh thoát của Sông Cầu xưa và nay, cũ và mới

* * *

BUỔI SÁNG TRÀM TĨNH

Trời bỗng bắt chợt mưa. Không phải cơn mưa giông ào ào xối xả mà giống như mưa vào thu, những giọt nước nhẹ nhàng lất phất chỉ đủ ướt vuông sân. Ngày mưa, nếu không phải làm những công việc bên ngoài mà loay hoay trong nhà thì thường khiến ta nhớ về những năm tháng cũ. Mưa theo cung cách mùa thu này càng dễ khơi gợi lại thời gian đã mất, nó lục tung dĩ vãng, xáo trộn quá khứ, nó bắt ta mong nhớ băng khuâng. Mở rộng cánh cửa trên căn gác nhỏ một mảng nền trời xám biếc hiện ra với mấy con chim sẻ riu rít, dây hoa leo dọc lan can long lanh những chấm nước tròn nơi đuôi lá. Buổi sáng hè bỗng nhớ những câu thơ mùa thu của Kiều Thệ Thủy:

Mùa thu đan áo cho ai nhỉ
Có rộn ràng không những mền thương?

Bây giờ đủ loại áo bốn mùa bán khắp thị trường không còn ai ngồi đan áo nữa chẳng? Những thiếu nữ đan áo cho người yêu, những người vợ đan áo cho chồng, mỗi mũi kim đan đều có điều âu yếm nhắn gửi. Cả người cung nhân trong Tình sử may áo ngự hàn gửi ra chiến trận cho các chiến sĩ chưa biết ai là người nhận cũng ắn tình khâu chỉ nhật, ngụ ý độn bông dày. Mất đi hình ảnh người phụ nữ đan áo, thi sĩ mất đi một số tứ thơ. Và không còn chiến tranh, thi sĩ đương thời không có những bài thơ bi tráng: kiêu hùng và đau khổ. Nhân loại đã bị điều đứng quá nhiều vì chiến tranh, ai ai cũng cảm hận chiến tranh, nhưng bởi chiến tranh có tác động, ảnh hưởng lớn đến tình yêu nên chính nó là mảng đề tài lớn của văn học nghệ thuật
Yên lặng, tĩnh tâm tôi nhớ câu thơ Xuân Hiên :

Nằm nghe dĩ vãng đi nhè nhẹ
Gác cũ, hiên xưa, trận lá rơi

Thật hiền lành và dễ thương. Nhưng đến Tô Thùy Yên mới thấy thâm thía:

Tình xưa, như tuổi già không ngủ
Thức trọn khuya từng nổi xót xa

Dĩ vãng không đi nhẹ nhẹ một cách rụt rè khiêm tốn, dĩ vãng cũng không ồn ào lớn lối khiến ta bực mình, dĩ vãng với âm vang chỉ vừa đủ nghe nhưng nó khua động khắp không gian, đánh thức thời gian, nó như con én chiếc, một mình bay ngang bay dọc, bay cao vút bay la đà, không bỏ sót một ngõ ngách nào trong lòng ta, không cho ta còn bình thản được nữa. Mỗi lúc như vậy tôi thường lan man nhớ đến những nơi tôi đã sống, tôi đã đi qua, có thể chỉ một lần và biết không bao giờ trở lại

Hôm nay kí ức tôi dừng lâu với Nha Trang vì tôi vừa trở lại Nha Trang, mà cũng trở lại trong chớp nhoáng. Đã khá nhiều năm tôi không về thăm thành phố đầy ấp kỉ niệm này, mà có cách trở gì đâu, trong khi những thành phố khác xa xôi hơn gấp bội thì thường có dịp đến. Trở lại Nha Trang mà không đi đâu hết, vào ở ngay trong chùa Cát, bởi lời mời trân trọng và nhiệt tình của thầy trụ trì.

Trước đây tôi chưa có dịp bước chân vào chùa Cát mặc dù chùa Cát đối với tôi không phải là xa lạ. Vào thời tuổi trẻ mỗi khi vào đây tôi thường ở nhà ông bác đồng hương ngay trước cổng chùa, đêm đêm nằm nghe tiếng chuông chùa ngân nga tưởng như tận một nơi xa xăm nào vọng lại. Hồi ấy ông bác có kể cho tôi nghe qua lịch sử của chùa đã gần 300 năm, nguyên là một am cỏ đơn sơ mang tên Phước Am trên Núi Một giữa rừng mai Phước Hải. Mai nhiều và đẹp nhưng không phải để cho con người thưởng thức vì cọp Đồi Bò cũng thường ra đây kiếm mồi, như lão nho Thuần Phu vịnh cảnh:

Mả Vòng đêm vắng ma trên nguyệt

Phước Hải rừng xuân cọp thường mai

Núi Một còn có tên là Hoa Sơn, tổ khai sơn Phước Am là Thiền sư Phật Ấn và Thiền sư Tịch Viễn người Trung Quốc đến đây trên con thuyền nhỏ vào khoảng năm 1680. Ngài Phật Ấn năm 114 tuổi tự lên đàn hỏa hóa thân (gọi là trà tỳ). Đệ tử thu xá lợi lập Liên Hoa tháp, nay tháp vẫn còn trên núi. Hoa Sơn là một trong bốn cảnh địa thắng của Nha Trang, các nhà phong thủy gọi là Kim Quy, từ khi có tháp Liên Hoa thành ra Kim Quy đối tháp. Đến đời tổ thứ tư là Thiền sư Đại Thông chùa dời xuống chỗ hiện nay, trên động cát trắng thuộc làng Phương Sài, mới có tên chùa Cát. Theo Quách Tấn thì khoảng năm 1930-1935 một ngôi nhà thờ vừa cổ kính vừa tân kỳ, uy nghi và nghiêm khắc được xây dựng ngay trên lưng con rùa vàng, kiến lập là Linh mục Vallet, một nhà truyền giáo người Pháp. Đó là nhà thờ chánh tòa Nha Trang, dân gian cũng gọi là nhà thờ đá, nhà thờ núi, nhà thờ lớn. Như vậy nơi này cũng là Đông Tây gặp gỡ, tôn giáo hòa đồng.

Bữa cơm ở chùa thanh đạm và thân tình. Thượng tọa trụ trì ngôi nơi đầu bàn dài, các thầy, các chú ngồi hai bên không hề có sự ngăn cách, phân biệt như tôi có thấy ở một số chùa khác. Điều tôi chú ý là khi nghe tiếng kiếng báo giờ ăn mọi người y phục chỉnh tề rồi mới ngồi vào bàn. Thượng tọa đang mặc áo ngắn liền mặc thêm áo dài. Là để bày tỏ lòng kính trọng với thức ăn đã cho ta sự sống, xa hơn là bày tỏ lòng kính trọng với đấng thiêng liêng đã tạo ra cơm gạo.

Hình như chùa nào cũng có trồng khế. Nhà văn Võ Hồng có tả cảnh chùa Hải Đức trong truyện Hoa khế lưng đồi. Khi chiều, nhìn qua cửa sổ tôi thấy một chú tiểu trẻ dắt chiếc xe chali lại gần gốc khế, đứng lên yên xe hái trái. Tôi thích việc ấy, rất hồn nhiên, rất đời, cái đời thanh thoát khác hẳn cái đời phức tạp ngoài kia, chỉ cách một đoạn hẻm ngắn.

Tôi nằm nhìn ra những cảnh khế đong đưa dưới ánh điện màu sáng nhạt coi đó là ánh trăng. Thấm thoát đã hơn mười năm không có đêm ở lại Nha Trang. Thật là lâu lắm đời

với thành phố thân yêu! Lại nhớ, tuy nhớ không chính xác lắm mấy câu thơ Tô Thùy Yên:

Đêm chưa khuya quá hỡi trăng tà ?

Mười năm chớp bể mưa nguồn đó!

Người thức mong buồn tận cõi xa

Tôi gọi Nha Trang là thành phố thân yêu bởi nơi đây tôi được mẹ mang trong lòng, lúc gần ngày mới về Tuy Hòa chào đời trong một nhà bảo sanh tư dưới chân núi Nhạn Tháp. Do chiến tranh ngăn cách, mười tám tuổi tôi mới biết Nha Trang. Để đền bù lại Nha Trang cho tôi nhiều bạn bè hơn bất cứ thành phố nào, trong số này có người nếu cha mẹ tôi vẫn tiếp tục ở Nha Trang, tôi sinh ra tại đây thì đã thành người bạn láng giềng. Nhắc chuyện cũ thì phải nhắc tên những con đường cũ: Những buổi sớm thật sớm với Hoàng tử Cảnh, Bá Đa Lộc, Phước Hải Hiệu sách ở đường Phan Bội Châu, quán cà phê Kỳ Ngộ, quán phở Hợp Lợi. Rồi Đồng Đế, Hòn Chông và Diên Khánh Ngày chủ nhật nhà bạn ở Núi Một biết bao thân tình, tự nhiên như ở nhà mình, tìm lại thuở thiếu thời khi tình cờ gặp bạn cùng quê là chủ nhân hiệu Tố Nữ, bãi biển dọc đường Duy Tân buổi trưa mưa rục rịch và đêm trời động gió lùa hun hút Bây giờ họ phân tán ra nhiều nơi, mỗi khi gặp lại ai liền bắt chước người xưa kêu lên: Bất diệc lạc hồ!

Vài người còn đang ở Nha Trang, như người đáng lẽ là người bạn láng giềng Tôi tin chắc như vậy, cho nên lần này trở lại ý định đầu tiên của tôi là tìm thăm bạn cũng ngay trên đường Hoàng Văn Thụ, cách chùa Cát không xa. Nhưng chỗ nhà bạn giờ là một tòa lầu cao. Nhà của bạn, hay bạn đã chuyển đi nơi khác? Tôi đứng tần ngần giây lát rồi bước đi vì không muốn phải thất vọng. Đêm ấy tôi cũng lăm bấn khoăn, nhưng lâu nay lười biếng trong những quyết định đã thành một con bệnh trì trệ, tôi tự hỏi: tìm thăm một người này, còn những người khác? Thôi thì năm đây dưới mái chùa mới được tái thiết, nhớ về mái chùa xưa và rất nhiều những bạn cũ

Buổi sáng thức dậy nơi Thiền môn cũng là một buổi sáng trầm tĩnh như hôm nay

* * *

TRÊN ĐỈNH HÒN BÀ

Trời bữa ấy thoát buồn mưa vui nắng

Đường chúng mình vào ẩm ướt màu quê

Sau bữa ấy anh ta đã làm thơ như vậy. Cũng dễ hiểu, vì trong mỗi con người chúng ta đều có một nhà thơ. Hơn nữa, nhớ lại một kỉ niệm vừa được xếp vào kỉ niệm sao khỏi hồi cảnh sinh tình Năm đó anh ta mới hai sáu, đã vượt qua cái tuổi hai lăm còn non nớt nhưng chưa tới tuổi ba mươi chín chẵn. Anh ta và người bạn gái đến thăm nơi Yersin an nghỉ. Đúng hai mươi năm sau ngày vĩ nhân nằm xuống. Qua khỏi Diên Khánh, từ quốc lộ 1 rẽ vào Suối Dầu, vài cơn mưa nhỏ vụt đổ vụt ngưng, họ che chung chiếc áo mưa. Con đường rải rác những vũng nước đọng, hai bên là vườn cao su, cây vươn lên thẳng tắp, dòng nhựa trắng ôm theo thân thể chảy vòng. Thơ lại nên vần:

Cành cao lá cô đơn niềm bất biệt

Sâu không tìm máu kiêu mọc buồng dài

Họ ngồi xuống bên mộ Ông Năm, nhìn di ảnh ông, ôn lại sự nghiệp ông. Chút triết lý Đông phương thoáng qua tâm thức, họ quên luôn là chỉ có hai người.

Ngồi xuống cạnh nơi người xưa an nghỉ

Chúng ta còn chỉ một chữ NHƯ thôi

Cả vũ trụ trôi xa về vạn kỉ

Ngày hôm nay e cũng đã quên rồi.

Họ chợt thấy một loài cỏ dại không biết là cỏ gì, một cây hoa dại không biết là hoa gì. Và họ đứng lên khi trời hừng nắng.

Phút từ già hiu hiu chòm dị thảo

Chiều mong manh đóa hoa lạ mong manh

Người bạn gái chợt chạnh lòng quay về cõi thực:

Còn đâu nữa những lần che chung áo

Trời đã tạnh mưa rồi, em mất anh!

Thế rồi họ xa nhau. Còn lại và lắng sâu xuống trong lòng mỗi người là một chuyện tình lãng mạn, đẹp để góp phần vào những chuyện tình lãng mạn và đẹp để của thế gian.

Hơn bốn mươi năm trôi qua

Nhân dịp đến Nha Trang ông ta lại lần tìm dấu vết của Yersin, lần này leo lên tận đỉnh Hòn Bà. Bây giờ ông ta đã gần bảy mươi, theo chân một Tỳ kheo và mấy người đàn ông xấp xỉ sáu lăm cũng đủ gọi là lão niên, từng trải lao đao lận đận với những năm tháng thế sự dôi dôi. Xe qua một đoạn đường bằng, đây là hương lộ số 4 mở từ thời Tây đến chân núi, sau đó từ từ trèo dốc. Những khúc quanh rất ngặt, vừa quẹo phải đã lập tức quẹo trái, đèo Ngoạn Mục, đèo Mang Yang chẳng thấm vào đâu. Những biển chỉ dẫn cao độ 100m rồi 200, 300 cứ thế tăng dần, có khi hơi cách quãng, có khi vừa 700m đã thấy 800m, 900m ngay, rồi 1.000m, trên 1.000m và dừng lại với 1.500m.

Vị thiền sư năng động đã đi nhiều nơi, đọc nhiều sách, cho biết: Vùng núi này có tên chữ là Bích Sơn (Núi Vách) là một đám quần sơn như bức trường thành chạy theo hướng bắc nam, Hòn Bà đứng chính giữa, dân chúng cung kính gọi vậy vì tin đây là hành cung của Thiên Y A Na. Từ năm 1914 về trước hầu như không một ai đến đây. Năm 1914 vì cần nơi thí nghiệm giống cây quinquina để bào chế thuốc trị bệnh sốt rét, Bác sĩ Yersin và nhà vạn vật học Kremfm mới tìm cách lên đến tột đỉnh. Khi thấy thổ nghi Hòn Bà thích hợp với giống cây này, Bác sĩ bèn mở trại lập vườn thí nghiệm. Ngoài ra Bác sĩ còn đặt một đài xem thiên văn và một trạm vô tuyến điện. Hồi ấy Hòn Bà hoàn toàn chìm trong sương khói đá cây. Tuy chỉ cách Nha Trang có 50km, cách vườn Suối Dầu 30km, nhưng đường đi lại vô cùng khó khăn, Bác sĩ Yersin phải trở một con đường nhỏ từ Suối Dầu lên chân núi và từ chân núi tới đỉnh. Nhờ giải thưởng của Viện Hàn lâm khoa học cấp đúng lúc và sự ủng hộ của đồng bào dân tộc thiểu số ở đây Yersin đã hoàn thành công việc trong năm 1917. (Sau đó chính quyền đương thời cho tu bổ đoạn đường từ Suối Dầu đến chân Hòn Bà, còn đường quanh co lên núi thì đến nay mới mở mang). Tháng 9/1917 cây quinquina trồng trên Hòn Bà, ban đầu rất tốt, nhưng vài ba năm sau chậm lớn, vì lớp đất màu trên Hòn Bà không đủ để nuôi cây, nên năm 1923 Bác sĩ đem trồng thí nghiệm trên cao nguyên Lang Bian, Dran, Djiring.

Theo một số tư liệu thì rừng núi Hòn Bà có cây sồi, cây phong, cây tô hạp, một ít cây tòng, cây bá. Chen cùng cỏ thụ là những tảng đá ngổn ngang đóng rêu xanh xám, trên cành cỏ thụ ký sinh trăm thức phong lan. Chung quanh trại của Bác sĩ Yersin hoa hồng và dâu tây trồng thành luống, thành đám. Ở đây có rất nhiều chim lớn nhỏ đủ loại đủ màu và khi sống từng đàn. Lũ chim rừng đặc biệt ưa thích trái dâu tây, chúng chiếm dụng nhiều, đồng thời đem hạt rải khắp đỉnh núi và nhờ thích hợp nên không cần chăm bón dâu tây tái sinh dễ dàng, ra hoa kết quả. Bây giờ đến Hòn Bà không thấy chim, không thấy khi, tất

nhiên làm gì còn hoa hồng và dâu tây, muốn tìm một giò phong lan chắc phải lặn lội vào xa. Rừng núi vẫn bạt ngàn, nhưng dưới gốc cây vương vãi bao nhựa, chai nhựa, những vật thừa thải khách du lịch quen thói vất bỏ lung tung hay vì không có một bãi rác cần thiết?

Điều may mắn là còn dấu vết nền nhà Bác sĩ Yersin, mấy đoạn chân tường, một căn hầm bên trên tranh để phủ cao. Bông tranh mịn màng phớt trắng, bông để màu tím nhạt. Bước lên một đoạn, ngón ngang những mảnh gốm vỡ vụn, có lẽ là những chậu trồng hoa. Bể cảnh khô làm gây chông bước lên một đoạn nữa còn mấy cái máng xây xi-măng, nơi đây là chuồng nuôi ngựa lấy huyết thanh thí nghiệm điều chế vac-xin cho Viện Pasteur. Dấu di tích còn lại không nhiều nhưng nhìn con đường lên, nhìn đỉnh núi đủ thấy sự quyết tâm, lòng dũng cảm của Bác sĩ Yersin trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn gần 100 năm trước để có những thành công lớn lao cống hiến cho nhân loại.

Trong một truyện ký, Bác sĩ Noel Bernard có miêu tả cảnh trí khi đứng tại sở thí nghiệm Yersin trên đỉnh Hòn Bà nhìn xuống chung quanh. Phía đông chân trời chạy dài với mặt biển màu thủy ngân, cùng tuôn xuống tận đồng bằng và duyên hải mà hoa màu và cát trắng chia thành những ô bàn cờ là những dãy núi xanh lục lải đải. Vào mùa thu, mùa đông khi rừng núi chìm ngập trong mây trắng chỉ có Hòn Bà và vài đỉnh nữa nổi lên như trên mặt sóng chờ vờn.

Thật ra bức tranh thiên nhiên thế ấy thường gặp ở nhiều nơi. Chẳng hạn trên đường tùng Yên Tử lên tháp Điều Ngự hai bên cũng núi cao tuôn dài, chính giữa là một vùng thung lũng rộng. Hoặc như trên đèo An Khê, Bình Định lên Gia Lai. Và nhỏ hơn, khi đứng trên dốc Súc, Phú Yên nhìn xuống cánh đồng Hoa Đa, nhìn ra biển từ đầm Ô Loan đến vịnh Xuân Đài. Ở đâu, nhất là khi bóng chiều đã ngã, lòng ta cũng thấy nhớ đến công lao khai sơn phá thạch của những người muôn năm cũ.

Do chuyến đi hơn bốn mươi năm trước, kết hợp hai danh từ Yersin và Nha Trang, người bạn gái có biệt hiệu Yết Trang. Buổi tối, ở khách sạn ông ta nhắc điện thoại lên định gọi cho bà Yết Trang, kể chuyện lên đỉnh Hòn Bà hôm nay, nhắc chuyện ngồi ở Suối Dầu ngày nào, cùng liên quan đến Yersin-NhaTrang, nghĩ rằng bà sẽ có một chút vui hoài niệm. Nhưng mới bấm được 3 con số ông ta ngưng lại rồi gác máy.

Ông ta sợ bà sẽ mượn câu thơ TTKH trả lời: Từ nay anh hãy bán thơ anh .

* * *

NHỚ VỀ SÀI GÒN

Hồi học tiểu học, tôi có đọc những cuốn thơ bình dân của nhà xuất bản Phạm Văn Thịnh ở Chợ Lớn (có bạn nói là Phạm Văn Thịnh?). Nay còn nhớ bốn câu thơ, không biết ở tác phẩm nào:

Này sự công chúa Quỳnh Nương
Trên lầu bước xuống thăm thương nhiều bề
Buồn đi dạo cảnh vườn lê
Sớm nương cội liễu tối về cội thung

Nơi trang bìa bốn các cuốn thơ này thường là một bài thơ quảng cáo. Như bài thơ quảng cáo cho tiệm Thanh Thanh, giới thiệu khá nhiều mặt hàng, có cả thuốc lò Cẩm Lệ và nước mắt nhĩ Liên Thành, nhưng trước hết là giới thiệu sách báo với quyển Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh:

Tiệm Thanh Thanh, tiệm Thanh Thanh
Góc đường De La Somme - Pellerin
Sách vở báo chí Trung Nam Bắc
Hán Việt từ điển Đào Duy Anh

Lại nhớ những buổi trưa bị bắt buộc ngủ mà không ngủ được, nằm nhìn lên trần mừng bồi bằng giấy báo, trong tầm mắt tôi là một mẩu tin chiến tranh Trung - Nhật và ô quảng cáo dầu khuy nh diệp Viễn Đệ với hình người mang chai dầu lớn bằng cái gùi trên vai.

Bước vào tuổi trưởng thành tôi mới biết Sài Gòn. Đến Sài Gòn trong một chuyến máy bay đêm. Từ trên cao nhìn xuống, Sài Gòn là một vùng rộng lớn nhấp nháy những ánh đèn. Về nghỉ tại nhà một người quen ở đường Da Bà Bàu (Chợ Lớn - sau đổi là đường Nhật Tảo), sáng thức dậy vẫn là trên cao nhìn xuống, từ bao lon tầng ba thấy Sài Gòn thật nhiều cây xanh. Cái ấn tượng đầu tiên của tôi với Sài Gòn là một đô thị đêm nhấp nháy đèn và sáng mượt mà xanh. Việc đầu tiên của tôi là đi tìm tiệm Thanh Thanh.

Lúc này De La Somme đã thành đại lộ Hàm Nghi, Pellerin đổi là Pasteur. Tôi, một cậu trai nhà quê xa lạ ngại ngùng không dám hỏi ai, không biết cái tiệm Thanh Thanh trong bài thơ quảng cáo ở phía nào của góc đường De La Somme và Pellerin cũ?

Từ đó, tuy không ở Sài Gòn nhưng tôi có nhiều dịp đến Sài Gòn, mỗi lần lưu lại mười ngày, nửa tháng, đi xe lam, đi xe đạp và đi bộ len lỏi khắp các ngõ hẻm của Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định - Bến Vân Đồn nhà số chông lên số, đường Lão Tử khuất lấp, Bình Hòa, Cây Thị còn thừa thớt dân cư. A, cái ngày ấy sao tôi đi khắp cả. Có rất nhiều chỗ bây giờ không còn hình dung ra được.

Bao nhiêu ngày tháng trôi qua. Bây giờ thường lấy mười năm làm một đơn vị tính. Sài Gòn rộng rãi hơn và đông đảo gấp bội. Bởi nó vốn là hai thành phố và một tỉnh: Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định. Đi qua Xóm Mới (Gò Vấp) không còn những khoảng ruộng xanh. Sài Gòn xe cộ kín đường và tốc độ choáng ngợp. Sài Gòn tất bật, vội vàng làm cho những người có tuổi sống ở các tỉnh nhỏ khó quen.

Cho nên khi ở xa nghĩ về Sài Gòn tôi vẫn nuôi giữ hình ảnh của một đô thị nhấp nháy sáng - mượt mà xanh của tuổi trẻ, một mình nhàn nhã len lỏi tìm tòi. Và mỗi lần qua đường Hàm Nghi tôi vẫn chưa quên câu hỏi: Cái tiệm Thanh Thanh xưa ấy ở phía nào của góc đường De La Somme - Pellerin ?

* * *

CẢNH VÀ NGƯỜI TỪ THUỞ ẤY

Có những nơi ta chỉ đi qua một lần, suốt đời không trở lại, mà suốt đời nhớ mãi. Tôi đã nghĩ như vậy vào một buổi chiều trên con đường cát bụi từ trang trại Quán Tre của người bạn đi ra, không rõ ở hướng nào, hai bên là những khóm tầm vông lá xanh, rục rờ nắng vàng. Và một buổi trưa trong rừng cao su thân thẳng cành cao, những đường dao rạch xiên xiên, những dòng máu thảo mộc rung rung chảy trắng. Tôi đã chú ý quan sát phong cảnh cố ghi nhận từng chi tiết vào tiềm thức. Đúng như tiên liệu, tôi chưa có một lần trở lại nơi này.

Có những nơi, mới thoát nghe trong một hoàn cảnh nào đó lòng ta đã dành sẵn những cảm tình và ôm ấp mãi cái cảm tình ấy, nuôi dưỡng cho nó mỗi ngày một thêm lớn, chăm chút nó cho mỗi ngày một thêm đẹp.

Dòng địa chỉ ngắn gọn ghi ở bìa 3 cuốn lịch tay nhỏ: Số nhà Đông Hòa, Dĩ An Ghi địa chỉ nhưng nài nỉ đừng tìm đến. Người không đến nhưng thư từ, sách báo đến và có hồi âm, mong muốn mai sau thành một Dược sĩ Tất nhiên là những vần thơ được hình thành, dù hay dù dở, vì trong mỗi con người đều tàng ẩn một nhà thơ

Ta thuở ấy áo xanh màu cỏ mật.

Chiều bâng khuâng hồn bách thảo ngẩn ngơ

Thế nhưng những biến cố này rồi những biến cố khác liên tiếp liên tiếp, đường càng xa khi bóng đổ ngược chiều, đến một ngày nhìn lại như xa lắc xa lơ

Nhớ thuở ấy lòng ta đầy mộng ảo

Nửa mai sau người áo đỏ khăn vành

Lối cỏ dại là con đường phương thảo

Nhịp cầu tre là nét vẽ đan thanh

Cuộc đời nếu toàn những thuở ấy thì vui sao được, vì đằng sau những thuở ấy luôn luôn là những nét buồn.

Thuở ấy một lần đọc thơ Mạc Phong Luân:

Mà thấy chênh vênh mấy nhịp cầu

Ngõ về Tân Trụ ngõ về đâu?

Hỡi ôi, Bình Lập buồn xa vắng

Thương nhớ ngày qua của buổi đầu!

Cái buổi đầu này nào phải của tôi, thế nhưng với sự đồng cảm trong thơ, tự nhiên tôi yêu hai tiếng Tân Trụ, hai tiếng Bình Lập, mong ước có ngày đặt chân lên vùng đất này, tưởng tượng rằng đây là nơi cảnh trí phong quang, con người thuần hậu.

Muôn hoa hàm tiếu xinh tươi nụ

Sông núi lừng hương nhụy rõ ràng

Phải tích tụ bao nhiêu căn rễ có được duyên Đêm ngồi ở nhà người bạn vừa quen tại Tân An tôi mới vỡ lẽ rằng đang ngồi trên đất Bình Lập thưởng thức món đặc sản cháo cá rau đắng. Hôm sau có dịp đến cầu treo Nhật Tảo, phía đông xa xa được biết là nơi Nguyễn Trung Trực đốt cháy tàu Pháp, lửa hồng kinh ngạc đất trời. Đi phà qua sông Vàm Cỏ Tây. Chiếc phà nhỏ, chạy êm êm hiền lành như sông nước. Sân bóng trên ruộng vừa gặt xong, vừa đốt, màu tro đen cả những đôi chân cầu thủ và làm rõ thêm lẫn vôi rắc trắng. Rải rác trong đồng từ Tân Trụ qua Tâm Vu nhiều vườn dứa, vườn thanh long, nhiều ngôi mộ xưa xây bằng đá ong nhuộm màu sương gió. Vì những câu thơ Mạc Phong Luân chăng mà tôi có cảm tưởng như về lại quê mình sau bao nhiêu năm xa cách, lòng bình thản nhẹ nhàng, lâng lâng như đi vào cõi thanh hư. Dòng sông, nhịp cầu, bến phà, những ngã đường, ruộng đồng, vườn tược, cây trái tất cả đều gần gũi thân thiết

Nhà ông Bảy An ở Tâm Vu, có lẽ là tiêu biểu cho kiểu nhà nông thôn Nam Bộ. Rộng và thoáng, chạm trổ ở đầu cột, đầu kèo. Trong sân có cây tùng, cây bá, hoa mai, hoa trang, chung quanh là vườn, ngoài nữa là ruộng. Ông Bảy An hỏi tôi nghe nói đến Tâm Vu từ lúc nào? Tôi nói: Từ câu ca dao Gái Tâm Vu một xu ba đũa. Ông Bảy cười: Lạ, ai cũng nghe từ câu đó. Nhưng mà ông Tám nên lưu ý: Trai Thủ Thừa cỡi ngựa xuống mua Cỡi ngựa xuống, đâu phải đi bộ. Ông Bảy chỉ cho tôi xem cảnh đào sau tết nở lúa hoa thứ nhì và bảo :

-Đây chính là hoa đào năm ngoái còn cười gió đông Không phải những hoa đào còn sót lại từ năm ngoái mà là cây hoa đào năm ngoái nay lại nở hoa, mấy bữa nay tôi thấy thú vị với ý nghĩ này mà chưa biết nói với ai

Nghe ông Bảy An nói vậy tôi không khỏi nhớ đến bài thơ tuyệt diệu của Thiền sư Mãn Giác về một cánh mai đêm qua nở trước sân, lại nhớ đến truyện Nhị Độ Mai, nghĩ rằng đây là nhị độ đào.

Tôi trở lại Đông Hòa, Dĩ An Đường đang mở rộng, xe cộ chen chúc ngược xuôi đầy bụi bặm. Nhà cửa xây mới tầng tầng bên nhau. Biết bao nhiêu nước chảy qua cầu từ thuở ấy:

Em thánh thiện cô học trò chủ nhật

Yêu thần tiên và chữ nghĩa đại khờ

Con số đó có phải là con số cũ, người ở đây có phải là người xưa? Mười nụ hoàng lan có còn tròn trĩnh, hay như thi sĩ Lam Giang hỏi:

Đâu về phù dung ửng mặt hoa?

Búp măng thoi cũng héo tay ngà?

Tôi trở lại Sài Gòn làm một cá nhân nhỏ bé không ai biết đến trong dòng người qua cầu Bình Lợi

Ôi, cái hồn của Xứ Sở, cái ý nhị thâm trầm của một Vùng Đất càng làm cho ta yêu quý hơn khi nơi đó có một Con Người, có một Tấm Lòng thông cảm cùng ta. Và mỗi ngày ở, mỗi đêm nằm ta sẽ nhận biết thêm một chút để hiểu hơn về chính ta cái thời thanh xuân thuở ấy

Mạc Phong Luân viết:

Bài thơ tâm sự buồn cho mấy

Chỉ đổi người ta một nụ cười !

Đối với tôi, luôn luôn đi tìm một sát na đốn ngộ, mỗi khi đứng trước ngã đường không khỏi phân vân thầm hỏi: Ngõ về Tân Trụ? Ngõ về đâu? Lại mong môi những dòng tán mạn này nếu có được một nụ cười xa vắng thì thật là thiên triệu hạnh phúc

* * *

HOA VÀ TRÁI

Trên dương trần có bông không trái. Dưới âm phủ có trái không bông. Đó là một câu đố, không cần nói thêm “xuất mộc” trẻ con thôn quê cũng giải được: cây đậu phụng. Hạt đậu phụng rắc xuống, nảy mầm, mọc lên, trái lá xanh tươi. Hoa đậu phụng chen chúc nở đầy tươi thắm. Nhưng chẳng bao lâu hoa héo tàn, cuống vươn dài ra, đâm dài xuống đất kết thành trái đậu phụng.

Có những loài hoa không bao giờ kết trái. Hoa nở để rồi tàn. Trong giai đoạn nở ấy ngoài cái chức năng thực vật, nó đem lại niềm vui cho con người trong tình cảm và lễ nghi, đem lại cho phong cảnh thiên nhiên vẻ mỹ lệ. Không ít trong số những loài hoa này đã được con người thuần dưỡng, lai tạo, trở thành hoa vườn để phụng sự con người. Số phận của nó cũng khá đáng thương. Khi đang nở trên cây, khi còn tươi cảm trong bình, là hoa, nhưng khi đã rụng, đã tàn, là thứ rác cần quét dọn, vứt bỏ.

Có những loài hoa trong chức năng thực vật là giai đoạn chuyển tiếp cho việc kết trái. Lúc cánh tàn, nhị rữa thì nụ lớn dần rồi trái lớn dần. Trước đó, khi cùng đua nở, nó nở đông đảo, dễ dàng, mạnh mẽ, nhiều màu sắc, về hương thơm có loài chỉ thoang thoảng, có loài rất đậm đà. Không ai gọi hoa lúa, nhưng cò bấp

thì có mấy thi sĩ đã viết là hoa bắp. Mùi lúa trở phảng phất nhẹ nhàng khắp không khí ruộng đồng. Cờ bắp quỳên rũ bầy ong tìm mật. Trong sân, trong vườn hoa cau, hoa bưởi, hoa mận màu trắng đục. hương cau, hương bưởi nồng nàn. Nhớ lại trước nhà bạn có mấy khóm lựu, trong một bức thư, thi hữu Đỗ Chu Thăng viết: *Mỗi ngày tin tức mỗi xa. Bây giờ chắc lựu nở hoa đỏ cành.* Sim và ôi chịu đựng được chất đất khô cằn và tiết trời nóng bức. Hoa ôi trắng, hoa sim màu tím. Cả đồi sim tím trong ban mai mờ sương là một cảnh tuyệt vời. Đi qua rừng ôi hoa ôi thơm ngào ngạt, những trái ôi chín mọng càng thơm hơn.

Đậu muông, đậu gạo, đậu xanh, đậu ván đều có hoa đẹp. Thời trước, đậu muông được trồng nhiều hơn hết. Nguyên chất dân gian nhất là những đám đậu muông nơi vùng đất đá, chung quanh là bờ đá, con đường đi trải đá. Hết thời thơm hoa đến thời thơm trái, những trái đậu già phơi khô nứt vỏ trong nong, thân đậu khi mục rã vẫn còn níu chút dư hương ngây ngất.

Hoa bầu ít được chú ý bằng hoa bí ngô. Có thể nói bí ngô là loại trái “bụi đời” nhất, lẫn lóc ra đó mà lớn, chỗ được che khuất có màu xanh vũng chải, chỗ bị nắng hóp ngã màu vàng lợt cũng vũng chải. Lũ chim chào mào với chiếc đuôi đóm đáng thường quần tụ từng đàn đông đảo ở các đám bí, đám đậu. Buổi sáng, trời vừa chớm nắng ra hái những hoa bí đực về luộc và nấu canh. Có thể hái bớt những ngọn bí và đôi khi lỡ tay hái cả những trái bí non mới tượng hình lớn nhỏ hơn nắm tay. Múc tô canh ra, hoa bí màu vàng, ngọn bí màu xanh đậm, trái bí non màu xanh nhạt trông khá vui mắt. Bây giờ hoa mướp, ngọn mướp cũng thành món ăn được ưa chuộng.

Thi hữu Tường Linh có một bài thơ dài ca ngợi màu vàng của hoa cải, nhưng hầu hết cải được nhổ làm thức ăn khi chưa kịp ra hoa. Người ta chỉ giữ lại một ít cho nó nở hoa, kết trái để lấy hạt làm giống. Cây thuốc lá cũng có hoa màu tím đẹp, sờ lên thấy chất nhựa hơi rin rít trên tay. Hạt thuốc lá cũng giống như hạt cải. Cả cây con mới đúc cùng giống nhau.

Hoa khoai lang cũng đẹp, hơi giống hoa bìm bìm, hoa loa...nhưng nó bị quên lãng vì nở lúc vòng lang không còn sự chăm sóc. Hoa rau muống được ca dao nói đến: *Chờ anh đã quá sức chờ. Chờ cho rau muống lên bờ trở bông. Trở bông rồi lại trở hoa...* Trở bông và trở hoa là một chuyện, nói vậy là cách thăng hoa, nghe tưởng như thời gian dài hơn cả bao mùa trăng tròn lại khuyết...

Trong đồng ruộng hoa súng đứng lẻ loi nơi ao đìa. Trên tạp chí Thanh Nghị ông Đinh Gia Trinh cho rằng hoa súng là hoa đơn lập, ca ngợi đó là loài hoa tiên tử, nở lặng lẽ, âm thầm, không ồn ào, không yếm anh ong bướm. Bên cạnh nó thường có những chòm rau chóc. Lá xanh hoa tím, dày dặn, cứng cáp.

Nơi rừng già, rừng rậm không có hoa, có hoa cũng khó thấy được vì những ngọn cỏ thụ vươn cao xa ngút tầm nhìn. Mùa xuân chỉ thấy ba tầng sắc lá. Đi tìm hoa núi phải đến những nơi rừng thưa, những triền đồi, những trảng, những bằng, tranh để xen trong cây thấp. Những cội sơn mai năm nào cũng bị đốn chặt, trên cành còn lại lác đác hoa vàng. Hoa mằng lẳng có dáng dấp như hoa ngọc lan, từ trên cao rụng bay theo gió. Hoa lành ngạnh, hoa cỏ rùa nhỏ nhoi lấm chấm. Hoa

nhím chìm trong bóng rập, mùi hăng hăng. Hoa dáy có khi chiếm cả một vạt đất lớn. Nó là loại tiểu mãn đình hồng hoang dã.

Nhắc đến hoa rừng có thể nói hoa nhím là hoa của đất, hoa găng là hoa của trời. Khấp cả mặt gò, những bụi găng thấp ngang tầm người đứng, dáng tròn, lá xen gai nhọn. Đã có những trái găng lớn bằng ngón tay, vẫn còn rất nhiều hoa găng màu vàng tươi sáng. Trên cao là trời xanh thật xanh, mây trắng thật trắng. Há một đóa hoa găng, úp ngược lại trên đầu ngón tay, giống như chiếc mũ có chóp nhọn của vị quan võ cao cấp ngày xưa. Chợt nghe một tiếng chim rừng đầu đây mách lẻo... làm thức dậy trong lòng người hồi hương những cảm nghĩ băng khuâng:

*Đất vẫn hương nồng nụ nhím
Trời vàng chóp mũ hoa găng
Mùa xuân núi ba tầng sắc lá
Lời chim gọi sáng sương giăng...*

* * *

THƯƠNG NHỚ ... Ơ HỜ

Thương nhớ... ơ hờ... thương nhớ ai...

Thoạt tiên ta có cảm tưởng đây là một câu hỏi, nhưng rồi kịp thấy chính là một lời cảm thán. Thi sĩ chẳng biết thương nhớ ai và e rằng thi sĩ cũng chẳng biết là mình chẳng biết.

Vâng, cuộc đời không bắt buộc ta điều gì cũng phải có “mục đích yêu cầu” rõ ràng, nhất là cái anh thương nhớ.

Dân gian nói: Ông Tư biểu cái nhớ, bà Nguyệt bày cái thương, đó là nói kiểu dân gian. Ông Tư bà Nguyệt là do con người sáng tạo ra để có chỗ đỡ thừa chuyện yêu đương duyên số. Bạn bè cùng phái thì dễ nói hơn: *Ta nhớ người xa cách núi sông. Người xa xa lấm nhớ ta không?* Nhưng thương nhớ không phải chỉ dành cho người yêu và tri âm tri kỉ... *Băng khuâng nhớ cảnh nhớ người... Nhớ nơi kỳ ngộ...* Trong cảnh có người, người luôn luôn nổi bật trên nền cảnh và cảnh càng dễ thương dễ nhớ nếu là nơi kỳ ngộ. Nhưng nghĩ cho cùng thì nơi kỳ ngộ cũng không cần là sơn thanh thủy tú mà do ta cảm nhận đó là một nét lạ, một nét mới, tự nó ghi khắc sâu đậm vào lòng ta.

Con người hay thương nhớ vào những lúc buồn chán hay ít nhất là thấy lòng trống trải. Có khi nghĩ đến cái chết. Như người xưa bảo: *Mày sẽ làm thân chuột bỏ ngựa heo gà chẳng? Nhữ vì trùng tị thù can. Tỉ thân vì mã vì đàn vì kê.* Thảm quá! Lại sợ không được như thế mà nằm trong cõi tối tăm đen đặc cho con trùn con dế đục khoét thân thể, trong khi cuộc sống nơi thế gian vẫn ngày ngày tiếp tục, những lúc rảnh rỗi bạn bè vẫn ngồi lai rai vài ve chuyện trò rôm rả do anh nào đó làm chủ xị. Ôi thật là tiếc đời!

Những lúc như vậy, hoặc là không đến nỗi như vậy. mà cũng đã đủ buồn nản trống trải, tôi thường nhắm mắt lại và nhớ.

Đâu phải nhớ một cái gì to lớn. Nhớ tuổi thơ ấu buổi chiều bên mẹ đốt rác nơi góc rào. Khói lên trắng đục, màu nắng vàng chanh, cái lạnh len trong cái ấm. Cũng màu nắng ấy, nhớ những con đường phương nam... rừng lùm vông lá sắc, rừng cao su cây cao vươn thẳng. Nhớ những nơi ta chỉ đi qua một lần, biết rằng suốt đời không bao giờ trở lại, nhớ

những người biết rằng ta chỉ gặp một lần, một nụ cười vô tư, một nét nhìn khác lạ, một cử chỉ săn sóc ân cần, bữa ấy đêm biển động ào ào sóng vỗ, bữa ấy khuya cao nguyên hơi lạnh núi rừng làm bạc ánh trăng, buổi sớm từ làng quê ra đi sương còn ướt đầm ngọn đé quất nhẹ vào người. Nhớ những buổi trưa thơ thân, sự cô đơn dâng lên đến cùng tột. Nhớ cả con chim chóc mào tập bay chập chững, đôi sóc đỏ dạ đuổi nhau trên cành, tiếng con ngựa sừ sừ đòi cỏ. Biết bao nhiêu chuyện vớ vẩn mà thành *kỉ niệm sâu sắc* rồi sao? Bởi vì nếu không thành sâu sắc chắc hẳn đã quên. Kỉ niệm không tắt, nó là ngọn đèn dầu vụn nhỏ chong nơi khuất vắng của lòng ta suốt đêm dài.

Nhớ và thương là một cặp bài trùng. Hễ nhớ là thương và thương là nhớ. Bây giờ thường phân tích thương và yêu có chỗ khác nhau, ngày xưa thương và yêu như chung một nghĩa. Có người trong khoảnh khắc ấy ta yêu thương họ, yêu thương trong khoảnh khắc. Có người càng nhớ lại càng thấy yêu thương hơn. Năm tháng trôi qua, phiêu bạt, xa cách. *Khôn hỏi người xưa đâu tá?* Có người cùng đi tìm nhau và gặp lại, có người chưa gặp lại, có người tuy mong ngóng mà không dám đi tìm bỗng tình cờ gặp lại. Cảm như môi cười mắt ngó hồng nhan tri kỉ vẫn là nét thanh tân ngày cũ. Lòng dạt dào xúc động, nhưng câu thơ viết ra vẫn là câu thơ buồn.

Thiên hạ nói sợ nỗi buồn. Tôi thì không. Tôi lớn lên trong nỗi buồn, chung sống với nỗi buồn, yêu thương và trân trọng nỗi buồn, nuôi dưỡng nỗi buồn, làm thơ buồn và chỉ thích thơ buồn, nhạc buồn. Người nhạc sĩ nâng cây đàn lên, *bốn dây chảy máu năm đầu ngón tay*, lời ca như con gà cơm cát kêu vang những tiếng xé lòng... mới là đáng nhớ. Cho nên ngay cả khi vui, ngêu ngao năm ba câu riêng để riêng mình nghe, tôi cũng chỉ biết thơ buồn.

Vào những lúc tưởng như *đêm nay họa có mình ta, đốt lò hương cũ chờ ma dạo đàn*, tôi thường đọc mấy câu của Lê Phương Nguyên - một bạn chí thân: *Cành mộng rung sương hương vẫn tỏa. Nõn nà hoa trắng dáng hoa tươi. Mà ai đã biết ta thương nhớ. Đã biết yêu em đến tuyệt vời...*

* * *

THÁNG BA, MÙA HOA ĐỎ

Tháng ba rồi. Nói như ông Vũ Bằng : Trời trong như ngọc. Đất sạch như lau. Mây tụ nhiều hơn, trắng hơn, cây lá đậm đà. Tất cả những lộc non nhô màu đỏ vào dịp tết nguyên đán nay đã chuyển sang màu xanh mạnh mẽ, xếp thành một tầng dày bên trên lớp lá già sẫm. Lúc này thường có những trận mưa. Nắng sau mưa bốc nhẹ hương thơm, chiếu những vạt hồng lan rộng trên đầu núi, làm rục rờ những chòm rừng.

Ai đi trên đường làng mà không dừng chân đứng lại? Không phải với cái bao la của Trời-Non-Nước mà với một tán bàng, một ngọn sào đầu, một cội vông đồng. Lượm trái vông đồng khô làm chiếc bánh xe đẩy đi khắp xóm và bắt chợt nhận rõ màu đỏ của lá bàng. Thuở ấy, chưa có một suy nghĩ gì, nhưng tôi bắt đầu biết cảm cái đẹp của lá bàng từ đó, để sau này trưởng thành bâng khuâng ngắm những cây bàng ở Võ Miếu, nghĩ về thôn xóm

Sầu xưa héo trên ngọn bàng héo đỏ
Lòng hoang mang thêm chạnh tưởng hương phần

Bàng ở làng Vân Hòa quê tôi là loại bàng chính thống, cành chia ngang cho tán lá xòe ra, có vẻ như già trước tuổi, trịnh trọng, bao dung.

Trên đường làng còn có hoa dầu trảo nhỏ nhoi rắc trắng lẫn cùng hoa sấu đầu màu tím. Buổi chiều, mỗi nhà đều quét sạch đoạn đường trước ngõ, đất trần màu nâu sẫm hơi bóng lên. Qua một đêm, sáng ngày hoa dầu trảo và hoa sấu đầu lại phủ kín mặt đường, bàn chân ta bước lên lớp thảm hoa.

Tháng ba, mùa hoa đỗ. Hoa đỗ đủ màu, xanh vàng tím, đều nhạt cả, quyen rũ từng bầy chim. Bầy chào mào mũ nhọn, cánh mượt, dưới đuôi đỏ tươi. Bầy quành quạch ẩn lớp lông vàng đất. Con chim khách đen tuyền chững chạc, con chác là lớn tiếng ồn ào. Gài bầy chim ngay trong đám đỗ, trên tầng hoa đỗ, mỗi nhữ là chùm ớt chín mọng hay chiếc hoa bí nở vàng. Chim bị dính nơi chân nên bao giờ ta cũng có cái thú là bắt được con chim còn sống. Nhiều khi vừa chạy đến vừa nghe tiếng chim kêu la, ngậy ngậy trong mùi hoa đỗ, men rượu cũng chẳng sánh bằng. Ngày nay, nhiều khi buổi trưa nằm nhắm mắt tịnh tâm, định thần, tôi vẫn nghe như mùi hoa đỗ thoang thoảng chung quanh.

Lại những buổi sáng thật sớm đi hái bông bí. Lá bí còn ướt đầm sương đêm. Những trái bí non mơn mớn, lẫn lóc, ngổn ngang. Người phụ nữ quê tôi hát ru con :

Thương chồng nấu cháo le le

Nấu canh bông bí, nấu chè đỗ đen

Tháng ba, mùa hái đỗ. Mùi trái đỗ già tự nứt vỏ trong nong, rồi mùi thân đỗ ngã xuống, khô cùng rom rạ, mùi đất ẩm lâu ngày giờ lộ mặt ra phơi nắng, lẫn vào nhau, âm áp, nồng nàn.

Tháng ba, mùa gặt chính trong năm, cả ruộng rộc và ruộng gò. Mỗi sân nhà là một sân lúa. Sân nào đất bụn thì quét lên một lớp mỏng phân bò. Tháng ba đi nơi nào cũng nghe ngào ngạt hương thơm. Khi thóc lúa vào bồ cả rồi, lũ chim đồng dộc bay xa, bỏ lại chiếc ô treo tòn teng trên ngọn tre cao, màu sợi để khô vàng, cùng nhau vào suối tát cá. Bữa ăn trưa bên lòng suối, ngồi bệt lên đá, thác nguồn phun trắng rì rào.

Và đã quá xa những tháng ba trồng xuân kỳ thời thúc rộn đình làng. Tế xuân có hát làng. Bồng nhiên phía ngoài rạp trở thành phường phố. Quán xá dựng nhanh. Già trẻ trai gái cùng tụ về. Xem tề, xem hát rồi ra quán. Rượu không say, rượu chỉ tăng phần hưng phấn cho các chàng trai khi đứng trước bạn gái. Đôi má rúm hồng buổi nắng chuyển sang hè, ôi, cũng đủ làm quán đồ rạp nghiêng

* * *

SAY GIÓ

Không phải Tuy Hòa chỉ có mỗi thứ gió cay nghiệt, ngang tàng phóng túng
Ngọn gió quê hương thật tình đã khiến ta say.

Vâng, ai đã từng say say rượu, say trà, say cà phê, thuốc lá, cái say mong tìm khoái cảm và cả cái say bị bắt buộc phải gánh chịu như say nắng, say sóng chắc hẳn đều công nhận : chỉ có say gió là cái say tuyệt vời Nó tạo cho ta sự lâng lâng, thật nhẹ nhàng nhưng không kém ngất ngậy, nói là say mà hoàn toàn tỉnh. Phân tích thật chính xác là có một giọt say trong cái tỉnh, có một giọt ngủ trong cái thức, một giọt buồn trong cái vui, có một giọt nhớ thương xưa cũ trong cái hoan hỉ hiện tại, có một giọt xôn xao trong cái bình lặng. Những tác động của ngoại cảnh vào tâm hồn ta qua lối gió cứ lần lượt

rất trật tự, tạo ra từng gợn nhẹ lẫn lẫn hòa tan cùng nhau tựa như khi ta nhỏ một giọt trà đậm xuống ly nước trong, trà cứ thế len lõi vào nước, chậm chậm đổi màu.

Tất nhiên không ai say gió bắc, thứ gió hung hãn cuồng nộ quét những làn roi lạnh buốt lên mọi sinh linh. Cũng không thể say vì gió nồm. Mát mẻ quá, yếu ớt quá, sắc hồng do nắng chiếu cũng mong manh quá.

Cái gió làm cho ta say, tạo cho ta cái cảm giác say ấy, chính là những cơn gió nam đầu mùa, khi hè vừa đến. Vào thời điểm này ngày bắt đầu sớm hơn, thức dậy ta đã thấy trời xanh mây trắng, rồi nắng cũng có chút phần gay gắt, đã gây ra nóng bức, hơi hơi khó chịu. Một cơn gió nam bất chợt thổi, bõ ngỡ như từ nơi xa về lại cố hương. Chưa có tiếng xạc xào trên tán lá, chưa có cát bay bụi nổi, những cơn gió trẻ trung ấy có lúc khiến ta tự hỏi đó là nồm hay nam, và khi đã xác định là nam ta hiểu ra trời đất đang chuyển mùa, lòng ta như cũng dự bị sẵn sàng để đón tiếp sự đổi thay của Tạo Hóa.

Những buổi sáng thiếu niên, gió nam non trên đồi cỏ. Sương đã tan hết để rừng sim rực tím. Đám chim chiến chiến từ trên cao sà xuống thấp, bay là là rồi cùng vút lên. Tiếng chim ríu rít tan vào mây và gió. Bóng cây đổ dài tĩnh mịch. Hãy nằm xuống nệm cỏ nghiêng mắt mà nhìn lớp cỏ tai bèo. Mỗi cánh bèo bằng miệng ly con, từ đó ngọn hoa nhỏ nhô lên, cánh hoa tròn bằng hạt tằm, nõn nà xanh nhạt. Gió đi trên cao nhưng chân gió rơi đùa khẽ rung ngọn cỏ, chỉ khẽ rung thôi không buộc cỏ phải nép mình xếp ngã. Lòng ta cũng khẽ rung theo gió, theo cỏ, theo hoa. Trong tai ta văng vẳng tiếng chim chiến chiến trên cao. Mắt ta lim dim nhắm lại. Cơ hồ ta quên hết, những công thức hình học, những bài toán phân số tạp số, những tên đất tên biển xa xôi của bài địa lý. Cái nhìn nghiêm khắc của thầy giáo, nụ cười tán phục hay chế giễu của bạn bè. Tất cả tuy mới hôm qua đã quá xa xôi. Hôm nay là chủ nhật, ngày thứ hai chưa hề có trong dự định.

Những buổi sáng tuổi hai mươi. Tiếng chim chiến chiến đã thành vang vọng trong quá khứ. Không còn cái hồn nhiên nằm trên cỏ mượt tản mạn ngắm xem có bao nhiêu cánh tai bèo. Gió nam đưa lòng ta bay bổng về phương trời. Hôm nay là mùa cỏ tranh trên đồi vừa kín lá. Những giòong tranh xám nhạt nối tiếp nhau chạy đến nơi xa tắp. Gió vẫn ở trên cao và nhẹ nhàng đùa giỡn ngọn tranh, từng gợn từng gợn tạo ra làn sóng nhấp nhô. Ta cũng thấy giòong tranh thoi thóp như lúa thành (xưa cũ) bên cồn, nhưng liền nhận ra hai chữ thoi thóp sao mà già nua u trệ, không hợp cảnh hợp tình. Trên mấy đỉnh núi tròn tranh chảy dài như suối tóc. Cái say của gió nam bây giờ như có vẻ gì như nhắc nhở, không giục giã vội vàng nhưng hàm ý thôi thúc lên đường. Đi đâu và về đâu, ta như thăm hỏi gió. Gió không trả lời nhưng chỉ cho ta thấy: đó, trông vời trời biển mênh mang

Diễn tích Trung Hoa có nói đến giống ngựa Hồ phương Bắc thường được cống nạp về Trung Nguyên mỗi lần nghe gió bắc thổi hí lên những tràng thê thiết não nùng, có con bỏ ăn mà chết. Những con người của quê hương chúng ta đâu không chút gì là đa sầu đa cảm, là giàu óc suy tưởng, làm sao không có ít nhất một lần trong tuổi trẻ tuổi trai được ngọn gió nam đầu mùa lùa vào tim óc để hiểu rằng đó là cái phong vị đặc biệt của quê hương. Trên mỗi bước đi xa, thành công hay thất bại, được hay thua, vui hay buồn chợt nghe gió chuyển sang mùa lại nhớ về quê hương với bao nhiêu kỉ niệm.

Đối với lớp người vào tuổi xế chiều, mắt phai xanh, đầu ngả bạc, lúc ngọn gió nam sau một năm cách xa trở về tái ngộ, đó ai khỏi bàng khuâng? Một cái gì đó mơ hồ, huyền hoặc, nhưng nó sừng sững ngự trị, tồn tại đây ắp trong lòng. Những lúc giữa buổi sáng, thời khắc nhiều thoải mái nhất, nhiều thích thú nhất để làm được mọi công việc, nhưng nếu như dựa người trên xích đu nhìn ra bốn hướng, màu xanh của trời, màu trắng

của mây, màu hồng của nắng trong hương vị gió nam chắc chắn là cứ muốn nằm yên đó tận hưởng cái bình yên trong hiện tại, nhớ về cái bình yên trong ký ức.

Minh ta với gió bên nhau

Ta muốn bắt chước thiên hạ viết đôi câu thơ, nhưng chữ nghĩa của thi sĩ Bùi Giáng khắp cả bốn bên :

Mà hương quan vắng xa màu mây trôi

Sim ngàn đở lá buông rơi

Cảnh nam ước hẹn sai lời tử sinh

(Bùi Giáng)

Gió nam, ngọn gió trong trời ngọt ngào, cho nên ta say gió chân tình, hào sảng và tự tại. Còn như giông ngựa Hồ mỗi mùa đông ngẩng đầu nghe gió bắc chỉ có những thê thiết, nhớ thương

* * *

MÂY TRẮNG NGÀY KHAI TRƯỜNG

Đã là mây thì phải trắng. Mây xanh là ý nói nền trời, cao hơn hết thảy các tầng mây. Mây hồng, mây tím, mây vàng là mây được ánh nắng rọi chiếu vào tạo ra màu sắc rực rỡ. Mây đen là mây sắp biến thể, đổi đời theo kiếp luân lưu. Vậy chỉ có mây trắng mới thực là mây.

Có ai còn nhớ nhà văn nào đã đưa mây trắng vào buổi khai trường? Và, có thật không, buổi khai trường nào trời cũng đầy mây trắng?

Vào những đêm chờ sáng ngày xưa tôi đã thao thức, trông mong, hình dung ra khoảng sân trường rộng, mái trường cao vút trên nền trời. Thế nhưng khi gặp nhau ồn ào mừng rỡ gần như không thấy gì cả. Phải đợi tới buổi chiều, những câu chuyện rôm rả khi tay nắm mặt mừng lắng xuống, bất chợt nhìn lên. Quả nhiên là trời đầy mây trắng. Mùa thu đang già dặn, mây trắng chất đầy, xốp như bông và nền trời xanh một cách yên tĩnh đến ngẩn ngơ.

Những người tuổi trên 50 chịu ảnh hưởng nhiều các đoạn văn tả ngày khai trường của Thanh Tịnh. Nhiều người thuộc lòng và nhớ mãi dù xa trường đã bao nhiêu năm, làm những việc lao động chân tay không dính dáng gì đến chữ nghĩa. Mỗi dịp khai trường bài học cũ như ngọn lửa bùng bùng lên, cháy sáng, khiến lòng họ trẻ trung, hồn nhiên trở lại. Cái ấn tượng sân trường rộng, mái trường cao, trời xanh đầy mây trắng ấy ông Thanh Tịnh đã có công lớn với học đường vì đã vẽ ra, khắc đậm, in sâu vào tâm trí nhiều lớp học trò.

Tác giả Tâm hồn cao thượng (qua bản dịch của Hà Mai Anh) trong một lời người cha nói với con đã ví quả địa cầu như một tổ kiến khổng lồ và bảo đứa con hãy hình dung vào giờ phút ấy tất cả trẻ con trên thế giới đều đi học. Khắp mọi ngã đường năm châu lớp lớp kiến con đủ màu da trắng, vàng, đen, đỏ với đủ loại y phục. Cả một đội quân hùng vĩ để cùng xây dựng một thế giới tốt đẹp. Hãy hãnh diện vì con là một chiến sĩ có mặt trong đội quân ấy và hãy cố gắng chứng tỏ là một chiến sĩ kiên cường .

Sáng hôm nay có lẽ không phải là ngày khai trường của khắp năm châu - nhưng hãy thử tưởng tượng chỉ trên cả nước Việt thôi, từ đồi lũng cực bắc đến đất mũi cực nam. Hãy nhắm mắt lại để nhìn thấy thật rõ từng mỗi ngã đường dẫn đến cổng trường, thành thị và thôn quê, sơn cước và duyên hải để nghe rõ mùi thơm của giấy mới, mực mới tỏa

ra từ những tập vở mới, những quyển sách mới. Mùa thu vừa về sắp tròn một tháng. Tiết nóng đang nhạt dần. Ở nơi nào đó sương móc bắt đầu rơi.

Lớp học sinh thành thị bây giờ, mai sau nhớ lại có thể có những cái khác: ngôi trường nhiều tầng, những cầu thang mượt bóng tay vịn, tiếng chuông reo báo hết tiết, hết buổi nhưng chắc chắn hình ảnh trời xanh mây trắng vẫn giữ một chỗ đứng quan trọng trong tâm hồn họ.

* * *

TIẾNG TRỐNG TRƯỜNG

Lập thu đã mười hôm. Rải rác có những cơn mưa. Thời tiết điệu nghệ và đúng bài bản. Buổi sáng mát dịu. Ngôi trên vuông gác nhỏ, nhìn qua vuông cửa sổ khói bếp nhà bên bay là là trên mái ngói, tôi tưởng tượng đó là mấy vệt sương mù. Trong cái yên tĩnh ban mai này, chợt một hồi trống trường vang lên.

Đã lâu lắm tôi mới nghe lại tiếng trống trường. Bao nhiêu năm rồi sống ở thị xã với nhiều âm thanh hỗn tạp, tiếng trống trường thành nhỏ bé, bị chìm khuất, thỉnh thoảng có đó nhưng không gây cho tôi một ấn tượng nào đáng kể. Sáng nay khác hẳn, tiếng trống trường gọi nhớ cả một thời tuổi nhỏ.

Trống trường có năm lần đánh vào mỗi buổi học. Theo ngôn ngữ thời ấy là: trống đông hồi, một hồi dài ba tiếng. Hồi dài này chia làm hai đoạn, đoạn đầu thưa chậm, lại dài, rồi chuyển sang đoạn sau nhanh hơn, nhỏ dần; trống vô lớp, trống ra chơi chỉ có ba tiếng và trống xô lúc tan học một hồi ngắn không lại dài. Lại dài, tức là đang đánh chậm, nhỏ dần, bất ngờ đánh mạnh ba tiếng theo nhịp 2/1 trước khi xô.

Ở thôn quê im vắng thoáng đãng, tiếng trống trường vang thật xa. Nghe trống đông hồi người lớn nhắc nhở con em đi học. Bà con cũng nhờ tiếng trống trường liệu định thời gian cho công việc.

Tự đời thuở nào, việc đánh trống là niềm vui thích vô cùng của tuổi học trò. Các bạn to đầu lớn xác thường được ông cai giao cho việc ấy. Đám nhỏ bé như chúng tôi khó mà tranh giành. Không đủ sức giật dùi trống, nếu giật được cũng bị cướp mất. Nhiều khi phải hạ mình ăn nỉ hoặc đưa điều kiện hối lộ, hứa sẽ làm toán, vẽ, làm thủ công giúp. Muốn được đánh trống có bữa chưa kịp ăn uống gì lo đến trường sớm, lên lấy cái dùi trống đem giấu. Nghe ông cai nói đông hồi đi, bạn bè còn ngờ ngác tìm hỏi, thỉnh thoảng ta phóng đến, nện một tiếng thùng. Trống đông hồi đánh rất lâu, ở đoạn đầu ta có thể chạy một vòng quanh trường mới đánh tiếp tiếng thứ hai. Cũng là một cách tránh bị tranh cướp.

Vào lớp, học được một bài giờ tay xin phép thầy ra ngoài. Trờ vào, cái dùi trống trong áo, bộ dạng hơi khúm núm lom khom, nhưng nét mặt ngăm tự đắc, yên trí đặt nơi ngăn bàn. Thấp thỏm chỉ mong nghe thầy nói đánh trống ra chơi là lập tức chạy ra.

Nhớ lại tiếng trống trường, đồng thời nhớ lại bao nhiêu kỉ niệm ở trường làng. Những kỉ niệm không đâu, vật vãnh, chuyện cãi nhau, đánh nhau, phá phách bị thầy phạt. Hình như những điều vật vãnh không đâu ấy dễ thành kỉ niệm hơn.

Còn chuyện học hành? Nhà thơ Thanh Tịnh có viết:

Sau ba năm học ở trường làng
Tôi thấy lòng tôi đã mở mang
Tôi biết con bò loài nhai lại
Và tin trời đất rộng thênh thang

Cuối bài thơ ấy, Thanh Tịnh kết:

Hôm nay thôi học ở trường quê
Nhớ lại lòng tôi cảm nặng nề
Những buổi sương thu buồn âm đạm
Trống trường vang dội phía sau đê.

Thật hạnh phúc.

Riêng tôi, sáng nay chợt nghe tiếng trống trường, phải mượn một chút khói bếp nhà bên làm vệt sương thu để băng khuâng nhớ về dĩ vãng học trò. Sao khỏi chạnh buồn!

* * *

NẮNG THÁNG CHẠP

Lại nhớ thơ của cố thi sĩ họ Bùi :

Khuya nay mùa động đầu canh
Đông xa lục nhạt vàng thanh lối gần

Khuya nay, cái lúc mùa động đầu canh, từ đông sang xuân, có phải là điểm giao thừa? Không đâu. Vì giao thừa là từ năm cũ bước sang năm mới. Còn tiết lập xuân đâu có trùng vào ngày mồng một tết. Nếu có chỉ thỉnh thoảng, họa hoằn

Thật ra sự chuyển động của thời gian chỉ nhìn thấy trên mặt đồng hồ và trên trang lịch. Cây kim nhích tới, một giây phút khác, tờ lịch xé đi, một ngày tháng khác. Thực tế thì dấu tưởng rằng ta là một triết nhân ngồi nhìn bước đi của thời gian như Nguyễn Tuân cũng chỉ biết được khi nó đã đến, không bao giờ biết được khi nó đang đến.

Xuân cũng như tết, không đến đúng ngay buổi giao thừa hay tiết lập xuân, như một bạn thân đến thăm bước vào cổng nhà ta. Nó từ từ thâm nhập vào cảnh vật và vào lòng ta từng tí một, từ nhiều ngày trước, từ tháng chạp, rõ ràng nhất là trong cái nắng tươi vàng. Ta nhận ra và nói : Mới độ mà tháng chạp rồi, còn (mấy) ngày nữa là tết.

Ở thôn quê Phú Yên nắng tháng chạp có màu xanh của lá chuối trong vườn đợi chờ gói bánh tét. Rồi có mùi thơm của bánh cúc bánh thuẫn lan tỏa khắp ngõ trên xóm dưới. Lúc này ngoài đồng phơn phớt màu xanh lục, cây mạ mảnh khảnh đã thành bụi lúa, kín ngọn giao nhau nhấp nhô theo gió. Ở vùng cao, người dân ngẩng nhìn dãy núi xa gần vào chân trời trở nên đậm hơn. Trên những tàn cây gần có lớp lộc non mới nẩy đâu vài ba hôm. Sau tết rừng sẽ có ba tầng sắc lá : màu xanh đậm ở dưới, màu xanh non ở giữa và màu đỏ tím trên cùng. Nơi hạ bạn các dòng sông sắp về tới biển lòng trải rộng đầy cát, mùa lụt đã qua, đôi ba lạch nước trong veo nhàn nhã

Tất cả cảnh sắc sẽ không còn là cảnh sắc nếu thiếu đi cái nắng nhiệm màu tháng chạp. Mặt trời mùa đông đáng yêu hơn mặt trời mùa hè. Nắng mùa đông bao giờ cũng được đón nhận ân cần.

Trong màu nắng ấy, người người đi tảo mộ, đông đảo nhất là từ rằm đến hai mươi. Các nắm đất được vun cao, đắp mới, không còn cỏ rác, tạo cho ta cảm giác gần gũi thân mật giữa hai cõi u minh.

Sách vở bảo rằng đêm đông chí là đêm dài nhất trong năm. Căn cứ vào chữ nghĩa thì tiểu hàn và đại hàn là hai tiết lạnh nhất. Dân gian cũng nói : Tiểu hàn, đại hàn trong màn ngoài chiếu . Thế nhưng chữ nghĩa lại bảo: Đông chí nhất dương sinh . Một hào

dương, một điểm khởi của dương từ đông chí, một mầm xuân, để sau này tam dương khai thái , cho nên tiểu hàn đại hàn không còn quá lạnh nữa.

Không còn quá lạnh chứ không phải không còn lạnh. Ở Phú Yên lạnh suốt tháng chạp, lạnh đến tháng giêng. Buổi sáng càng nhiều sương, buổi trưa càng nắng gắt thì chiều lạnh và tối khuya càng lạnh.

Thế nhưng, đi trong buổi chiều tháng chạp làm sao ta có thể mặc thêm chiếc áo ấm khi mà ánh nắng hiền lành như thế và tươi đẹp tựa vàng ròng, cho dầu có thêm cơn gió hiu hiu cũng chỉ nên khoanh tay trước ngực mà khoan thai chậm bước. Cái nắng lạnh bằng bạc dàn trải quyến rũ ấy sẽ xáo trộn biết bao kỉ niệm trong ta. Nó lục tung quá khứ, bắt ta phải nhớ nhung, phải suy nghĩ, dự định Vì chẳng còn bao lâu nữa là Tết, một năm mới đang chờ trước mặt

* * *

TIẾNG DẠ

Tự điển định nghĩa : Dạ là tiếng lễ phép đáp lại lời gọi, lời nói của người, tỏ rằng mình đã nghe - hoặc : tiếng mở đầu của câu nói lễ phép .

Vậy, dùng với nghĩa nào, gốc rễ của tiếng dạ vẫn là lễ phép. Cho dầu đôi khi không tâm phục dạ một cách hững hờ, hoặc tỏ ý phản kháng dạ một cách xằng xớm, thậm chí tệ hại hơn nữa chỉ dạ trước mặt thì cái hững hờ, cái xằng xớm ấy đã phải nép mình trong khuôn lễ phép và điều xác láo kia chỉ dám diễn ra sau lưng.

Một đạo, có người bảo rằng tiếng dạ mang tính phong kiến , phải thay bằng tiếng có. Được gọi, đáp có chứ không dạ. May thay, tiếng có khô khan ấy không đi được vào phong tục tập quán.

Trên sân khấu vị tướng lãnh giáp trụ uy nghi lớn tiếng gọi ba quân, lập tức trong hậu trường đồng thanh vang lên dạ . Tiếng dạ phản ánh sự đồng tâm nhất trí trên dưới một lòng của người chiến sĩ nơi trận mạc.

Cũng có khi tiếng dạ tuy đồng thanh nhưng gượng gạo, chỉ là chịu khuất phục trước quyền uy. Tác giả Túy Kiều phú (khuyết danh) vẽ lại cảnh khi Kiều bị bắt cóc về nhà Hoạn Bà :

Giường bát bửu một bà ngồi đó

Thét vang lưng bốn phía dạ rân

Quân ra oai tay tuốt gươm trần

Kiều khấp khởi hồn nương mây bạc

Ôi, trước một người con gái lạc lõng yếu đuối mà Thiên quan trừng tử phu nhân phải huy động cả đám nô bộc lăm lăm vũ khí trong ngoài dạ rân áp đảo thì rõ ràng tài và sắc đáng mặt cho quyền uy nể sợ.

Một tiếng dạ thôi đã cho thấy rõ tâm lý, tình cảm của người đời.

Đáng thương là tiếng dạ của hoàn cảnh người con gái :

Ai kêu ai hú bên sông

Mẹ kêu, con dạ - thương chồng phải theo

Miền Bắc phân biệt : Gọi - dạ, bảo - vâng.

Miền Nam tiếng vâng ít được dùng. Gọi - dạ, bảo cũng dạ. Thế nhưng qua cường độ âm thanh và tính cách lắng đọng trong đó ta phân biệt được rạch ròi. Tiếng dạ bình thường có

nghĩa là đã nghe, đang chờ sai bảo. Tiếng dạ hơi cao như ẩn trong đó một dấu hỏi, có nghĩa là chưa nghe rõ, xin nói lại. Tiếng dạ trầm xuống có nghĩa là đã hiểu, xin làm theo.

Người cha đứng hơi xa, gọi con :

-Tu ơi !

-Dạ . (Âm thanh trung bình, có nghĩa là đã nghe, đang chờ sai bảo)

-Vô nhà bếp lấy cái cốc đem ra đây.

-Dạ ? (Âm thanh hơi cao, có nghĩa là con nghe chưa rõ, xin cha nói lại).

Người cha lặp lại câu nói.

-Dạ ! (Âm thanh trầm xuống, có nghĩa con nghe hiểu rõ, làm theo lời sai bảo ngay).

Nhiều khi người nhỏ tuổi gọi, người lớn tuổi hơn vì lịch sự, vì tôn trọng học vị hay chức vụ đáp dạ, khiến người nhỏ tuổi áy náy, từ chối.

Có lần tôi nghe một vị trưởng cơ quan trẻ tuổi, người Bắc, gọi một nhân viên lớn tuổi : Bác Quyến ơi! . Ông Quyến đáp : Dạ . Vị trưởng cơ quan nói : Không dám, bác dạ Trời ạ . Thật là lễ phép và lịch sự.

Ở quê tôi không có câu nói văn vẻ ấy. Thường thì người trẻ tuổi xuýt xoa phân trần một cách thật thà : Trời ơi ! Bác dạ vậy cháu mang tội chết . Nếu xấp xỉ nhau mà dạ, có người nói : Không dám, trả cái dạ lại cho anh (chị) . Đôi người vui tính thêm ba tiếng nữa sau một giây ngập ngừng : để đong lúa . (Dân Phú Yên phát âm vâng dạ và gia lúa như nhau). Cái thật thà này tuy có quê mùa một chút nhưng vẫn hóm hỉnh, đáng yêu.

Thi sĩ Đỗ Huy Nhiệm người gốc Phú Yên, tác giả các tập thơ Khúc ly tao (1934), Thiên diễm tuyệt (1936) có bài thơ Quay về vườn ruộng tả cảnh đôi vợ chồng kia chán cảnh phồn hoa, trở về nơi thôn dã. Một hôm

Đêm khuya chồng gối lên tay vợ
Khe khẽ ngâm câu biệt thị thành
Rồi nhủ : Minh ơi, đời Tấn trước
Đào Tiềm hai bận dứt công danh
Quay về vườn ruộng như ta đó
Minh nghĩ gì không ? Nói thực mình !
Vợ dạ , trở mình cho bớt lạnh
Suốt đời em chỉ biết theo anh

Tiếng dạ và câu nói của người vợ, biểu hiện trọn vẹn niềm chung thủy thâm tình của lứa đôi hạnh phúc.

* * *

CHIM XA RỪNG

Một mai, mai một... ngó chừng. Ngó trông trông rậm, ngó rừng rừng sâu. Bây giờ ngẫm lại câu hát thật buồn, nhưng hồi tuổi nhỏ chúng tôi từng nghe ngao không biết bao nhiêu lần mà chẳng thấy buồn, cũng chẳng chú ý để nhận ra trông rậm rừng sâu.

Mồng bảy tháng giêng âm lịch hạ nêu, ba bữa tết - bảy ngày xuân đã đi qua. Mồng chín tháng giêng âm lịch cúng khai sơn. Sau đó mới quơ củi, chặt cây... làm những việc động chạm tới lâm sản. Trước ngày cúng khai sơn không một người dân nào vác rìu, vác rựa vào rừng. Chỉ trừ lũ trẻ chăn thả trâu bò được đặc miễn. Chúng vào rừng ngay sáng mồng một tết, tha hồ kêu hú réo gọi làm vang động khắp mọi nơi.

Cúng khai sơn tại gốc một cổ thụ, thường là cây da, nghiêm cẩn và trịnh trọng, bởi rừng núi nhuốm vẻ thiêng liêng hơn ruộng đồng, sông nước chẳng? Cúng xong, cái đầu heo được để lại. Không ai nói gì hết, nhưng ai cũng hiểu là để lại cho chúa sơn lâm và tưởng tượng một cách rất mơ hồ cảnh chúa sơn lâm về đây ngoạn lấy... cũng đủ cho một nỗi kinh sợ âm thầm len lỏi trong đầu óc.

Người dân nông thôn gọi chung công việc là “làm nhà quê”, có thể nói đó là bức tranh tứ bình “canh mục ngư tiều”: gồm cả trồng trọt - chăn nuôi - bắt cá - lấy cây, gần như nhà nào cũng có làm đủ và nhiều người biết làm đủ. Họ không phân biệt thành từng nghề, mà coi chuyện cày cấy, chăn nuôi, đánh lưới, củi thuốc... là công việc đương nhiên. Muốn nấu cơm nấu nước thì phải ra rừng quơ củi, muốn đong cái cây cái bừa thì phải ra rừng chặt cây. Ra rừng cắt tranh, ra rừng bút mây. Một khoanh dây kim cang để thắt rế, một đoạn dây mò tró cột giàn bầu giàn bí... cũng do rừng cung cấp. Rừng gần gũi và thân thiết với con người quá. Do đó không có tập tục gì khắt khe trong nghề rừng, cũng không thấy điều gì kiêng kị quá đáng. Kiêng kị thường có mục đích răn đe, có thể nói là hù dọa để ngăn ngừa. Ở đây không có gì phải ngăn ngừa, mỗi người đều nhận thức rằng rừng núi là chung của làng xóm, của đất nước ông bà, ai ai cũng sống trong làng xóm, trong đất nước ông bà, ai ai cũng có bổn phận giữ gìn. Cần bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu, tham lam mà chi, tích trữ mà chi. *Tham của rừng rừng nước mắt.*

Thời Nam triều, ở vùng rừng núi mỗi tổng có chức Phó tổng vệ lâm, mỗi làng có chức Hương lâm, bắt quá lâu lâu “cỡi ngựa coi rừng”, công việc xem ra thật lơ lửng. Nhiều nơi từ ngữ “cửa rừng” là từ ngữ hoàn toàn có ý nghĩa tượng trưng, bởi rừng núi và làng xóm thật gần gũi. Có khi rừng núi sát liền sau nhà, đứng ngay bên hiên, thú rừng và gia súc chỉ cách nhau một dây hàng rào. Không hề có cửa rừng như một cổng vào, hoặc nói một cách khác cửa rừng rộng mênh mông không giới hạn, bất cứ chỗ nào bàn chân con người đặt xuống để bước vào rừng chỗ ấy là cửa rừng. Cửa cái rừng núi là cửa cái trời cho. Có khi ta hái mà có, có khi ta lượm mà được. Cây, trái, hoa, củ... đã đành, gạc nai, mật ong, mai rùa... cũng là của rừng. Lắm lúc đã bao nhiêu người đi qua chỗ đó mà chẳng thấy, ấy là rừng núi để dành cho người đi sau.

Thế nhưng bên cạnh sự lơ lửng này lại có phần chặt chẽ. Rừng núi đâu ra đấy cả. Chỗ này là rừng cấm, có khi trong rừng cấm chẳng có một loại cây ra hồn, nhưng trong địa thế, trong phong thủy phải là rừng cấm. Chỗ kia là lâm phần quốc gia, chỗ nọ là lâm phần hương thôn. Nơi nào tuyệt đối không được động tới, nơi nào động tới phải xin phép, xin phép ai, nói miệng hay làm tờ, chỗ nào được tự do khai thác không cần phép tắc. Cứ như thế những quy ước thành văn và bất thành văn đều được tuân thủ bằng tinh thần tự giác, trách nhiệm và tiết kiệm. Ai khai thác nhiều hơn số lượng cần có để đủ dùng ắt sẽ mang tiếng tham lam, khó sống trong những lời bàn tán và những ánh mắt xa lạ của cộng đồng. Cho nên không có ông Tiều nào cả gan chặt hết cây rừng, cũng như không có ông Chài nào ra công bủa lưới bắt hết cá sông!

Bây giờ sau bao nhiêu năm chiến tranh tàn khốc, thần thánh ma quỷ xiêu tán, cạp beo trần sâu không còn, rừng núi mất hẳn vẻ thần bí linh thiêng, những đàn chim di thể hàng năm không trở lại, rừng núi thiếu đi sắc màu và âm thanh thơ mộng. Bây giờ luật lệ bảo vệ rừng với nhiều điều khoản nghiêm cấm khắt khe được ban hành, chỗ nào cũng dựng panô kẻ khẩu hiệu nhắc nhở “rừng là vàng”, cũng có bảng quy định chi chít chữ nghĩa, những cán bộ ngành kiểm lâm mặc sắc phục, mang vũ khí, đi xe phân khối lớn... Vậy mà rừng núi mỗi ngày một trọc trụi thêm, đường ngang lối dọc trong rừng vận chuyển gỗ, các loại lâm sản, dã thú quý hiếm một cách dễ dàng, thỉnh thoảng mới một vài

vụ chận bắt, tịch thu, những người lái xe chở mướn được gọi một cách cường điệu là “lâm tặc” bỏ của chạy lấy người, còn các “lâm vương” đang ung dung ở đâu thì không ai biết!

Tôi rời bỏ rừng núi làng quê hồi hai mươi tuổi để nhập đô thành. Trong giấc mơ nhiều đêm vẫn thường thấy cảnh núi rừng sông nước. Nhớ những trảng cỏ hoa sim màu tím, hoa ổi trắng ngà, hoa găng vàng rực trong nắng, cây vừng khoe lá đỏ, cây thiên tuế đơm lá nhọn, những đôi tre gai vôi măng cao vút, những vực suối bên trên cây quéo tàn cao che mát, bên dưới chòm dứa dại chen xanh. Những gốc da là chỗ dừng chân nghỉ ngơi phút chốc của người gánh tranh, vác củi, trẻ chăn trâu bò vẽ bàn cờ trên mặt đá, quân tướng là sỏi sạn bày ra dàn trận ăn thua. Nhớ lần cắm trại, một huynh trưởng ghi vào sổ tay lưu niệm: “Đối với anh em ở đây, em bé nhỏ như hạt cát nằm trong đồng sạn”. Thật tuyệt vời buổi trưa hôm ấy đứng trên đỉnh dốc cao nhìn suốt phương tây bao la rừng núi trùng trùng đến choáng ngợp. *Tôi hạt cát giữa đàn anh sỏi sạn. Giăng cánh đời xin được nhuộm rêu phong.*

Nay về lại làng quê, biết mình cánh đời rã mỗi rêu phong đã lấp đầy cát bụi, hỏi thăm sỏi sạn không biết trôi nổi theo dòng đời tụ tán nơi đâu? Cảnh cũ không còn, người xưa đã mất, nghe những câu hỏi: chú/bác/ông ngoại ở đâu tới đây, tìm nhà ai... cảm thấy bơ vơ như Từ Thức hồi trần. Bỗng thật sâu lắng từ trong tiềm thức mơ màng văng vẳng câu ca: *Chim xa rừng còn thương cây nhớ cội...*

* * *

VỀ MÁI CHÙA XƯA

Ngày xuân đi lễ chùa, đi viếng cảnh chùa, đó là chuyện từ xưa. Đi chùa bao giờ cũng trong mục đích hướng thiện, cho dầu mục đích ấy mang tính vị kỉ, như để tìm chút thanh thân, giải tỏa điều phiền muộn riêng tư, thậm chí để cầu xin lợi ích cá nhân. Bây giờ nhiều ngôi chùa khang trang lộng lẫy, cảnh trí thật đẹp đẽ, thơ mộng, khiến nhiều người càng ham thích đi chùa, ngày tết rất tấp nập. Riêng tôi, vẫn biết việc trùng tu hoặc xây dựng lại các ngôi chùa là chính đáng, song cứ cảm thấy ngói mới lợp đỏ quá, tường mới sơn vàng quá, hoa chăm cỏ xén, lối phẳng cây trồng chưa đúng cảnh chùa. Thật may mắn, tết năm ngoái tôi có cơ duyên về lại mái chùa tận làng quê. Ngày xưa tại đây có một trạm dịch, vì vậy dốc ở gần trạm mang tên Dốc Trạm và giếng làng ở gần trạm mang tên Giếng Trạm.

Từ Dốc Trạm vào chùa đi trên bờ cao, một bên là ruộng sâu, một bên là mấy cây da lớn thả những chùm rễ phụ chằng chịt. Tuổi nhỏ chúng tôi đùa nào cũng vậy, lỡ phải đi qua một mình gần như nín thở, không dám chạy, không dám đi nhanh mà bước chậm càng thêm sợ hãi. Yên tâm nhất là ngày tết theo cha mẹ đi chùa. Đi qua gốc da ta có thể tung tăng cười nói, nghêu ngao câu hát. Vào chùa rồi tha hồ dạo khắp trước sau trong không gian yên tĩnh và âm áp. Hòa thượng trụ trì là một vị chân tu đạo hạnh nhưng trông không khác một người nhà quê chất phác, vóc dáng mập mạp, tay chân thô kệch, cử chỉ vụng về, giọng nói rồn rảng. Dân làng tôi tôn trọng gọi là ngài, đồng thời gọi là ngài Hòa thượng mập. Từ mập không hàm ý bất kính mà do hồi ấy các loại thuốc do nhà thuốc Nhị Thiên đường sản xuất như căn cơ tán, tiêu ban lộ hay dầu cù là, dầu nhị thiên có

nhân hiệu Ông Phật Mập, dân làng thấy Hòa thượng giống như hình Ông Phật Mập mới hội là Hòa thượng mập.

Năm Ất Dậu 1945, tôi đang học lớp Ba, chuẩn bị đến mùa hè ra tỉnh lý thi bằng Sơ học yếu lược, thầy giáo có dạy cho năm ba chữ Pháp và cha tôi có dạy cho năm ba chữ Hán. Tết ấy đến chùa do trời mưa lay bay nên tôi không chạy nhảy chơi đùa ngoài sân, vào ngồi nơi góc phòng nghe lóm câu chuyện giữa Hòa thượng và cha tôi. Nhìn ra mấy đóa thực được gần hiên lấp lánh đọng những giọt nước mưa và mấy bông hương ngã nép theo cành mềm, hai vị nhắc câu thơ tức cảnh:

Hữu tình thực được hàm xuân lệ

Vô lực tường vi ngọa vân chi

(Hữu tình, hoa thực được ngậm giọt lệ xuân

Không có sức hoa tường vi nằm trên cành cõi yếu).

Hai vị cho rằng có những câu thơ trau chuốt quá, nhiều xảo mà ít thực, như:

Hương đạo trác tàn anh vũ lạp

Bích ngô thê lão phượng hoàng chi

Nếu một người bình thường sẽ viết:

Anh vũ trác tàn hương đạo lạp

Phượng hoàng thê lão bích ngô chi

(Chim anh vũ mổ hết những hạt lúa thơm

Chim phượng hoàng đậu già trên cành bích ngô).

Câu trước tôi hiểu được chút ít, nhưng câu này hoàn toàn tôi không hiểu. Một câu khác:

Vạn thọ hoa khai bồ tát diện

Tôn tư diệp tán dạ xoa đầu

(Hoa vạn thọ nở như khuôn mặt bồ tát

Tán lá tôn tư như đầu dạ xoa)

Hai vị cho rằng đem dạ xoa so sánh với bồ tát, sự đối nghịch là rõ, nhưng như vậy không được. Bỗng Hòa thượng nhìn tôi và hỏi: Con thấy thế nào? Không kịp suy nghĩ, hốt nhiên tôi thưa: Bạch thầy, thiếu thiện tâm. Thầy cười: Con giỏi lắm, con hãy đối thử câu này đi, không như thế thiết phải bây giờ, tết sang năm đọc cho thầy nghe.

Ai mà biết được, rồi không có chuyện sang năm vì bao nhiêu biến cố xảy ra dồn dập. Mẹ tôi mất. Rồi Nhật đảo chánh. Rồi khởi nghĩa. Làng tôi, như bao nhiêu làng quê khác bị cuốn hút vào cuộc diện chung. Cuối năm gia đình tôi rời bỏ quê hương, gần như cứ đi đi mãi.

Phải đến tết Ất Dậu 2005, 60 năm sau. Điều khiến tôi vô cùng ngạc nhiên là ngôi chùa vẫn còn, trong khi đình miếu đã đổ nát hết, cây da Dốc Trạm để lại dấu vết là những bạnh rề khô mục. Bây giờ chùa không có thầy trụ trì, chỉ có một thủ tự, vốn là bạn tôi, hơn vài ba tuổi. Anh cho biết vì chùa ngày xưa vách xây bằng đá với nước mật và nhựa cây ô dước nên giữ được độ bền chắc lâu năm. Hồi chúng tôi còn nhỏ anh ấy bắn ná cao su rất giỏi, gài bẫy đặt cạm thường xuyên bắt được gà rừng, chim cuốc, chim đất, nhen và sóc đồ dạ nữa. Sau 1975 ở tù cải tạo nhờ cái tài ấy khi đi lao động nơi rừng núi anh kết hợp gài bẫy, ngày nào cũng có được chút thịt cải thiện bữa ăn. Mãn tù về thấy cảnh chùa hoang vu chim trong cây cỏ hoang dại mỗi ngày anh đến phát dọn một ít, xin sửa sang lại nhưng không được cho phép. Rồi mẹ mất, vợ mất, các con vừa khôn lớn, anh xuống tóc ăn chay tu tại gia, khi xã hội có sự cởi mở hơn anh tình nguyện làm người thủ tự. Tiền bạc không có, anh chẳng làm gì hơn được ngoài việc xây lại mấy chỗ vách hư nền lở, chống đỡ chỗ xiêu vẹo, dấu vết giờ đây hãy còn. Nhìn lên mái ngói âm dương

thấy màu xi măng tô vá loang lỗ trên màu rong rêu đen thẫm. Những ngày tháng đầu chùa không có cả tượng Phật trên bàn thờ, có người hỏi anh: Chùa sao không có Phật? Anh đáp: Có chớ sao không? Chỉ tại ông không nhìn thấy, Phật ở trong trời đất và ở ngay trong tâm con người. Chắc là do ông còn thiếu Phật tâm. Chùa như thế nên những người đi lễ rất ít, chỉ có dân làng vẫn còn nghèo khổ nhiều bề, không ai cúng dường tiền bạc, mỗi người đem đến ít đồ đạc sẵn có để sửa sang và làm vật dụng. Ngôi chùa phảng phất không khí của cái thời các vị chân tu đầu trần chân đất, ăn hoa quả rừng, uống nước suối khe.

Anh bạn tôi hằng ngày tụng niệm cầu cho chúng sinh yên bình, đồng thời anh thành tâm xin lỗi linh hồn các loài chim hiền thú nhỏ anh đã sát hại để vui chơi hồi thiếu thời cũng như thân xác nó đã làm công việc dưỡng nhơn giúp anh bồi dưỡng cơ thể những ngày lao lý. Chung quanh hàng rào và sân anh trồng nhiều hoa, chọn toàn những thứ hoa ít tốn công chăm sóc mà lâu tàn, không chọn những thứ quá ẻo lả, đài các như con nhà vương giả giàu sang. Cổng chùa anh vẫn giữ như xưa, trồng mấy bụi hoa giấy hai bên, kết thành vòm cung, hoa đang nở rộ, đủ màu vàng đỏ tím chen lẫn trong lá màu xanh tươi. Sáu mươi năm mới gặp nhau, gặp ở chỗ khác chưa chắc đã nhận ra nhau, thuở ấy trên dưới mười tuổi, giờ đã trên dưới bảy mươi, chúng tôi ngồi nơi thêm chùa, nhìn kỹ khuôn mặt nhau để tìm lại đường nét ấu thời. Hình như chúng tôi quên hết sáu mươi năm tang thương biến cuộc, trong mùi hương thơm ngào ngạt mơ hồ cảm thấy như đâu đây bóng dáng ngài Hòa thượng mập, đôi mắt hiền từ của ngài đang nhìn chúng tôi cùng với nụ cười âu yếm độ lượng. Đã nửa buổi mai, nắng hồng rực rỡ làm cho hàng hoa vạn thọ thêm sáng ngời, tôi chợt nhớ câu đối ngày xưa thầy cho hẹn đến năm sau, tự nói thầm: Bạch thầy, con thật có lỗi, con đã quên mất trong sáu mươi năm qua, đến giờ vẫn chưa nghĩ ra!

* * *

MÙA XUÂN CÀO CÀO BAY

Tim trong tự điển không thấy con cào cào chữ Hán là gì. Tại sao thứ chữ phong phú ấy bỏ qua động vật đáng yêu này, trong khi con heo lại có nhiều chữ? Chữ Tây hình như cũng vậy, đánh đồng cào cào với châu chấu.

Cổ thi sĩ họ Bùi, người từng đưa bao nhiêu côn trùng nhỏ nhoi vào thơ, nào chuồn chuồn, châu chấu, bướm bướm, nào kiến, nào dế

Em nhớ chứ, ngày kia đi bắt dế

Bỏ học hành vì con bướm trên hoa

Con châu chấu nhớ chừng cây bén rễ

Bò loanh quanh thăm dò lá non già

(Từ nay)

Sâu riêng gác bỏ sau ghềnh

Năm xưa châu chấu mang tên chuồn chuồn

(Sâu riêng châu chấu)

Mừng là mừng như mía mừng là mía

Con chuồn chuồn đậu ngọn mía tên mừng

(Buồn thăm viếng núi)

Và trong nhiều bài khác (Trò chuyện, Thiếu phụ trở về) lại thấy chuồn chuồn, châu chấu, dế, kiến v.v Nhưng không có cào cào! Một thi sĩ luôn luôn lưu ý đến hoa đồng cỏ nội cảnh sắc quê hương mà lờ con cào cào đi, thật là không công bằng!

Trong truyện Kiều thi hào Nguyễn Du cũng chỉ nhắc đến chuồn chuồn, đem ví với thân phận nữ nhi:

Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn.

Khuôn xanh biết có vuông tròn mà hay!

Văn chương bình dân thì sao? Mới xem qua hình như chuồn chuồn thảng thể, có mặt trong nhiều câu ca dao. Nhưng xem kỹ thì phần lớn người ta mượn danh chuồn chuồn để nói chuyện khác:

-Gió heo may chuồn chuồn bay thì bão

-Chuồn chuồn bay thấp thì mưa

Bay cao thì nắng, bay vừa thì im

Ây là con người nói với con người, xem chuồn chuồn như khí cụ dự báo thời tiết. Hoặc mượn chuồn chuồn để nói về tình cảm của con người:

Chuồn chuồn đậu ngọn mía mừng

Em đà có chốn anh đừng vắng lại

*

Chuồn chuồn mắc phải nhện vương

Đã trót quẩn quít thì thương nhau cùng

*

Thân em như cánh chuồn chuồn

Khi vui thì đậu khi buồn thì bay v.v

Chỉ có một lần trong ca dao con người nói với chuồn chuồn:

Chuồn chuồn có cánh thì bay

Có thẳng ổng bụng bắt mày chuồn ơi!

Suy ra thì có thể là do ganh tị, sợ cái thẳng ổng bụng kia (hay cái thẳng bé bé, cái thẳng cu Tí gì đó) nó bắt được mà ta không bắt được, ta phá chơi.

Lên vùng cao nguyên, lội trong gò cỏ, nếu thích thì chạy nhảy nô đùa, sẽ thấy vô số cào cào. Cào cào không bay lượn như chuồn chuồn, chỉ tung lên đáp xuống như những con chim non tập bay chập chững. Bây giờ nắng sớm đang hồng, sương đang tan, lấp lánh qua những đôi cánh mỏng của cào cào đủ màu sắc xanh đỏ vàng tím ngai. Bắt lấy con cào cào. Hãy tha cho lũ cào cào áo lá chưa tới tuổi trưởng thành. Năm hai chân sau, tự nhiên cào cào sẽ giã gạo. Văn chương bình dân không thiên vị nên cào cào có mặt trong bài đồng dao ngẫu nhiên:

Cào cào giã gạo nhà quê

Quần điều áo đỏ phủ phê cào cào

Ta hối thúc giục giã và hứa hẹn:

Cào cào giã gạo cho nhanh

Mẹ may áo đỏ áo xanh cho cào

Rõ ràng các câu ca dao này chủ đích là nói với cào cào, nói về cào cào. Cào cào không bị lợi dụng như chuồn chuồn (để làm phong vũ biểu hay để con người nói chuyện con người, thương yêu nhau, xa cách nhau). Ở cào cào chỉ có niềm vui. Giã gạo là động tác

của cào cào, quần điều áo đỏ áo xanh phủ phê kia là của mẹ cào cào sắm cho. Cào cào hồn nhiên như trẻ con, không có điều gì phải bận tâm lo lắng. Các đại gia thi sĩ từ Nguyễn Du đến Bùi Giáng và nhiều thi sĩ nữa bị cuộc đời quăng quật tan tác, có thể chỉ nhớ thế giới đàn bà, không còn nhớ thế giới trẻ con, nên trong văn chương của quý vị đã không có bóng dáng cào cào. Điều đó không có gì lạ!

Hỡi người bạn trẻ! Hãy lên vùng cao nguyên, chạy nhảy trên đồi gò, lăn mình trên nền cỏ mượt mênh mông. Chỗ này, chỗ kia những tiếng búng chân lách tách thật nhẹ nhàng.

Cào cào giã gạo nhà quê

Quần điều áo đỏ phủ phê cào cào

*

Cào cào giã gạo cho nhanh

Mẹ may áo đỏ áo xanh cho cào

*

Cào cào áo đỏ áo xanh

Cào cào giã gạo cho nhanh mẹ về

Mùa xuân Cào cào bay

* * *

MŨ LÁ MÍT - NGỰA CHÀ TRE

Ở nhiều làng quê hai loại cây gần gũi nhất với con người là cây tre và cây mít.

Những hàng tre chạy dài dọc theo rộc làng, đến mùa lúa chín lũ chim đồng độc bay về kết ổ treo toong teng. Những bụi tre rải rác theo đường xóm, gió đây mo tre bay lông lóc, con chim chìa vôi khoe đôi cánh mượt trên ngọn măng vôi lác lay dưới màn mưa bụi xám.

Mít đứng chung với thơm thành vườn, vừa lấy trái vừa là cây che tàn cho thơm. Mít trồng chung quanh nhà, trồng trong sân. Gỗ mít màu vàng tươi thường dùng chạm khắc tượng Phật. Buổi chiều quét lá mít khô dồn nơi góc rào đốt rác, khói bay lên trắng đặc.

Trong sách Tập đọc cấp I hồi năm 1950-1952 có bài Về con nít của Nguyễn Đình: Con nít con nít. Thân hình nhỏ xíu. Đội mũ lá mít. Cỡi ngựa tàu cau. Đưa trước đưa sau. Đua nhau một lũ.

Trẻ con hái lá mít làm trâu bò chăn nuôi, làm tiền bạc mua bán và chăm những chiếc mũ đội đầu xinh xinh. Có khi còn chăm mũ bằng lá bàng như thi sĩ Khánh Linh thay lời chị viết cho em:

Chị sẽ đưa em đến viếng chùa

Có nhiều hoa sứ rụng đong đưa

Lấy cài mái tóc như hời bé

Hay nhặt lá bàng kết mào vua.

Mũ lá mít (hay lá bàng) thường chăm bằng gai thò lồ, một loại gai cứng, dài khoảng 5 phân, nhọn bén. Đồng dao nói về thằng Lía có những câu như:

Thằng Lía là thằng Lía hoang

Nào ai dám chứa hổ mang trong nhà

..

Thằng Lía là thằng Lía cò

Bè gai thò lồ chích đít thằng Lía.

Tương truyền Lía là chủ soái lục lâm thảo khấu từng làm quan quân khiếp đảm, dám bắt cả người thiếp yêu của Tổng đốc về son trại làm vợ, thế mà phải sợ gai thò lò chích đít, như vậy đủ biết giá trị loại gai này.

Đội mũ lá mít, cỡi ngựa tàu cau. Nhiều khi trẻ con dùng chà tre làm ngựa vì chà tre còn dễ tìm hơn tàu cau. Chẳng cần phải tra chuốt thêm thắt gì cho mất công, lấy một chà tre (cành tre) bút sợi dây bím bím ở hàng rào cột làm dây cương, ta đã có con ngựa. Cho con ngựa vào giữa hai chân người, đó là cỡi ngựa. Một tay cầm dây cương, một tay cầm roi, ta cho ngựa phi qua gò cỏ. Thật ra là ta phi, nhưng đôi chân ta đã hoá thân vào chân ngựa. Ba bốn bạn đua nhau, ai chạy giỏi là con ngựa ấy thắng cuộc. Trên đường đua có thể chung quanh ta là hoa sim hoa mua nở tím, hoa găng nở vàng, hoa trang rừng nở đỏ. Nắng hồng và gió mát làm ta ngây ngất say sưa. Tiếng chim bồ chao rộn ràng như tiếng nhạc thúc quân hòa theo nhịp chân ngựa. Ngựa ta là loại ngựa chạy chân reo, nước lớn nước nhỏ đều hay vô cùng.

Đọc Đường thi thấy trẻ con bên Tàu hồi xưa cũng cỡi ngựa chà tre. Thi hào Lý Bạch tả trong Trường Can hành:

Thiếp phát sơ phú ngạch

Chiết hoa môn tiền kịch

Lang kị trúc mã lai

Nhiều sàng động thanh mai.

Nhớ lại ngày còn nhỏ Tóc thiếp vừa mới rủ xuống trán. Thép bẻ hoa chơi trước cổng. Chàng cỡi con ngựa tre chạy lại, vòng quanh giòng nghịch cành mai xanh A! Té ra chàng thiếu niên này cỡi ngựa chà tre để đến với một nàng thiếu nữ cùng xóm, cả hai đều còn ngây thơ và sau đó không lâu, mười bốn tuổi nàng đã về làm vợ chàng, mặt thẹn thùng chưa từng hé mở.

Đồng cư Trường Can lý

Lưỡng tiêu vô hiềm sai

Thập tứ vi quân phụ

Tu nhan vị thường khai.

Thế thì trẻ con những ngôi làng miền quê của nước Việt Nam bé nhỏ đâu có khác gì trẻ con của nước Trung Hoa rộng lớn mênh mông với những thời Xuân thu chiến quốc lầy lừng thanh sử, với những bài Đường thi tuyệt tác rực rỡ sáng ngời đầy kho tàng văn học .

* * *

MƯỜI MỘT BẾN SÔNG

Sông Ba từ Tây Nguyên về biển, tới huyện lỵ Sơn Hòa (tỉnh Phú Yên) đang xuôi dòng về hướng đông nam thì gặp núi Lá phải quành ngược lên đông bắc, tạo ra một đường vòng cung. Làng Củng Sơn nằm trải theo vòng cung ấy, chia ra nhiều lỵ. Bờ Trung lý có huyện đường, trường học, nhà thương và nhà dây thép (bưu điện)..

Nơi này chắc chắn phải được quy dân lập ấp sớm, ngay từ buổi đầu, năm 1597, khi những lưu dân được Lương Phù Già đưa vào định cư tiếp tục khai khẩn cõi Trấn Biên, hoặc nếu muộn hơn cũng chỉ một vài năm sau. Bởi vì nhiệm vụ của Lương Công là kết lập gia cư địa phận trên từ đầu nguồn dưới tới cửa biển, vậy trước hết ngài phải lo cho nơi đầu nguồn này được ổn định mới có thể giữ vững sự ổn định ở vùng đồng bằng hạ bạn Bà Đài, Bà Diên.

Tên cũ của Củng Sơn là Phước Sơn, là nơi tiếp cận giữa người Kinh và các bộ tộc Nam Bàn, sau này là Thủy Xá, Hỏa Xá. Các sứ bộ của hai tiểu quốc phiên thuộc này mỗi khi xuống tỉnh thành Phú Yên để về kinh đô Phú Xuân tiến cống đều dừng lại Phước Sơn. Phước Sơn là nơi giao thoa tập tục của nhiều sắc tộc, mỗi bên đều chịu ít nhiều ảnh hưởng của nhau. Và một trong những tập tục ấy là việc uống nước sông.

Đồng bào các dân tộc thiểu số luôn luôn sống gần các bến nước. Bến nước là linh hồn của buôn làng. Họ bảo rằng nước sông suối luôn luôn chảy, luôn luôn vận động nên sạch và hiền. Nước giếng đọng một chỗ nên không sạch và không hiền.

Củng Sơn cũng như thế. Mọi sinh hoạt ăn uống, tắm rửa, giặt giũ đều dùng nước sông, không dám đào giếng. Muốn đào giếng phải là người có địa vị, có uy thế. Nếu hỏi : Sợ điều gì ? Kiêng điều gì? Tại sao sợ? Tại sao kiêng? Thì câu trả lời là : Không biết. Xưa sao nay vậy. Ngay trong công đường nơi quan Tri Huyện làm việc cũng không đào giếng. Có lẽ khi ông bà ta lên đây định cư, nhập gia tùy tục, bắt chước các bộ lạc của Nam Bàn uống nước sông, rồi thành nếp quen, thành truyền thống. Và vị quan cai trị đầu nắm phép vua trong tay vẫn phải tôn trọng lệ làng. Cho đến năm 1960 trải hơn 60 năm là huyện lỵ, địa bàn khá rộng, dân cư khá đông, mà cả làng chỉ có ba giếng nước trong công sở : trường học, nhà thương, nhà dây thép, và hai giếng nước của tư gia : một Hoa kiều và một ông Hội đồng. Sau năm 1960 có mấy nhà giáo mạnh dạn đào giếng, từ đó về sau đến nay nhà nhà mới có giếng nước.

Từ Tây lý xuống Đông lý, Bắc lý có cả thảy mười một bến sông. Trong mười một bến này có hai bến vừa là bến nước vừa là bến đò ngang. Mỗi khi lấy nước người ta gánh đôi thùng hoặc đôi vò xuống bến, mùa nắng ra giữa dòng, dìm xuống cho nước vào đầy gánh về. Trong khi ấy có người tắm, người giặt, việc ai nấy làm. Ông lái già vẫn chống đò đưa khách qua sông. Mùa mưa chỉ lấy được nước ở gần bờ, đục ngầu bèo bọt, phải để cho lắng xuống rồi đánh phèn chua cho trong, như lời ca dao :

Vũng bùn lòng nguyện thả sen

Bao nhiêu nước đục đánh phèn lại trong

Khác với bên hữu ngạn bãi cát rộng, bờ sông thấp, nối liền vào đất thổ. Củng Sơn ở tả ngạn, bờ sông hiểm, đường xuống bến là dốc, là bậc. Mùa mưa nước sông đầy bèo bọt, chầy cuộn cuộn, mỗi lần nhìn ngắm trong trí tôi lại hiện lên câu thơ cổ :

Côn côn trường giang thế thủy đông

Lãng ba đào tận anh hùng

Buru Văn tiên sinh đã dịch :

Cuồn cuộn sông dài nước chảy xuôi

Anh hùng cát đập sóng vùi

Mùa hè nước sông cạn, trong vắt, trẻ con tha hồ bơi lội nô đùa. Bọn chúng tôi không chỉ tắm ở một bến mà tắm cả ở mười một bến, hôm nay bến này, ngày mai bến khác. Thật thích thú là tắm vào những đêm trăng, dòng sông rực rỡ ánh vàng lóng lánh. Bãi cát cũng trở nên huyền ảo với những mộng mơ của tuổi trẻ

Trong đám chúng tôi, có một bạn đến tuổi trưởng thành sống ở nơi xa, mỗi lần về làng hành lý chỉ có cái xách nhẹ nhàng, lần nào cũng vậy, anh đi thẳng ra sông, xuống bến bơi lội hụp lặn rồi mới về nhà với mái tóc ướt sũng.

Trong đám chúng tôi nhiều bạn theo lời người lớn bảo rằng: Phận gái mười hai bến nước, nhưng làng tôi chỉ có mười một bến, nên những ai nhan sắc và tài hoa đều phải đi tìm bến nước thứ mười hai ở một dòng sông khác. Đó là cái lý do để những người con gái lấy

chồng xa xứ biện minh và những người con trai bị tình phụ tự an ủi rằng định mệnh đã sẵn từ dòng sông bến nước.

Trong đám chúng tôi không ít bạn đã đem một mái tóc óng mượt xoa dài ví với gợn sóng mặt sông buổi chiều yên ả. Mái tóc ấy rồi cũng đã hót ngắn, uốn quăn và rồi điểm xen bao sợi trắng, nhưng đôi mắt khi chợt gặp lại, thoáng nhìn đã cảm nhận được đầy đủ cái tinh anh của một thời, vẫn là đôi mắt mờ tròn xa thẳm khi cùng lặn xuống tâm sâu tay nắm tay nhau

* * *

BÀI ĐỒNG DAO GỌI NẮNG

Thật ra không một bài đồng dao nào có tên. Nhưng chẳng lẽ khi sưu tập gọi là Bài không tên số 1, số 2 v.v , như vậy e mang tội đạo đề các nhạc sĩ, nên tôi tạm đặt cho mỗi bài một tên.

Bài này tạm mang tên Gọi nắng. Lúc nhỏ chúng tôi thường đọc nghêu ngao vào mùa đông, những ngày mưa dầm vừa dứt, trời bắt đầu hanh nắng, cái nắng rất nhẹ, màu vàng nhạt yếu ớt và như sẵn sàng tắt ngay khi gió đến. Đọc như là để khuyến khích thúc giục ông Trời nắng lên, hứa hẹn đem lại cho ông Trời một số điều lợi.

Nắng ông nắng, nắng ông nắng
Bắt cá trắng con ông ăn
Cát nhà con ông ở
Chừa cửa sổ con ông chun
Trái chiếu bông con ông ngồi.

Tim hiểu nghĩa theo câu chữ thì:

-Nắng ông nắng: có tính cách một lời khuyến khích Hãy nắng lên, ông Trời, nắng lên .

-Bắt cá trắng con ông ăn: Cá trắng là món cá đồng ở thôn quê. Về màu sắc có phân biệt: cá trắng rần vảy màu rần và cá trắng chỉ có một đường đậm giữa thân. Cá trắng kho với nghệ, lá gừng là món ăn mặn mà ngon miệng trong tiết đông. Ông Trời cũng như người đời, cưng con, nên những lời hứa hẹn này đều nhắm vào con ông Trời. Bắt cá trắng cho con ông Trời ăn chớ không phải để mời ông Trời. Ai bảo trẻ con thôn quê khờ dại? Rõ ràng là sành tâm lý quá đi chứ!

-Cát nhà con ông ở: Ông Trời là bao trùm thiên hạ, có cõi trời, nhà trời, cổng trời, cửa trời, đèn trời, màn trời đủ hết, nhưng không nghe con ông có gì cả. Đâu thấy ai chỉ nhà của con ông Trời ở chỗ nào? Mấy anh uống rượu khi say huênh hoang nói dóc:

Hiu hiu gió thổi đầu non.

Mấy thằng uống rượu là con ông Trời.

Nhưng mấy thằng đó làm sao là con ông Trời được? Dân gian nào biết vua là thiên tử ! Phải chăng dân gian không hề có ý niệm con ông Trời là đáng uy nghi đường bệ, chỉ tưởng tượng con ông Trời là ông Trời con, phá gia chi tử, chẳng biết chuyện nhà cửa thế nào? Vậy thì hứa hẹn cát nhà cho con ông Trời ở là đúng.

-Trái chiếu bông con ông ngồi: Thông thường người dân thôn quê chỉ dùng chiếu trơn, không có in chữ nghĩa hoa văn gì. Chiếu bông (chiếu hoa) để dành khi có đám giỗ, trái lên phàn bày mâm cỗ dâng cúng và khi có khách quý đến nhà. Được ngồi trên chiếu bông là người đem đến niềm vinh dự cho gia chủ, được đón tiếp trang trọng. Trái chiếu bông mời con ông Trời là hợp lý.

Thế còn chuyện: Chừa cửa sổ con ông chun? Tại sao con ông Trời không đi cửa chính mà thích chun cửa sổ? Bởi vì con ông Trời là Tia Nắng. Những ngày trời động ta thường đóng chặt cửa sổ, khi mưa tạnh gió tan rồi cửa sổ được mở toang cho ánh nắng ấm áp tràn vào nhà, đem lại niềm vui cho mọi người. Như vậy trong những điều hứa hẹn, có điều là dựa theo sở thích của con người (ăn có món cá trắng, ở có nhà hàng hoàng, ngồi chơi trên chiếu bông), chỉ riêng điều này mới thật sự dành riêng cho con ông Trời: chừa cửa sổ để Tia Nắng chiếu rọi vào nhà. Có thể tia nắng ấy chiếu rọi lên mặt chiếc chiếu bông lâu nay hơi ẩm mốc vì xếp lại vừa được trải ra.

Nắng cuối mùa đông là nắng chuyển sang xuân. Ánh nắng ba tháng mùa xuân như công ơn ông bà cha mẹ rọi xuống nuôi xanh từng ngọn cỏ. Thơ Mạnh Giao bên Tàu:

Thùy ngôn thôn thảo tâm

Báo đáp tam xuân huy?

Và truyện Kiều:

Hạt mưa sá nghĩ phận hèn

Liệu đem tác cỏ quyết đền ba xuân.

Từ bài đồng dao ngô nghê liên hệ đến văn chương bác học của các đại gia, ta hiểu được giá trị của Tia Nắng mùa đông. Đây mới thật đúng là con ông Trời, gần gũi, thân mật đem lại cho chúng ta sự ấm áp. Chúng ta hãy cùng mở rộng những khung cửa sổ tâm hồn để đón chào những Tia Nắng.

Cái thâm thúy bình dân phải chăng ở đó?

* * *

HỘT MUỐI BỜ BIỂN

Trong lời chúa Tiên lúc sắp lâm chung dặn dò chúa Sãi có nói cõi Nam Hà là nơi núi sẵn vàng sắt, biển nhiều cá muối. Đây là những tài nguyên quý giá trời ban.

Bờ biển Miền Nam Trung Bộ có nhiều đoạn thuận tiện cho việc làm muối. Đi trên những quãng đường này rất thú vị. Một bên là nước xanh sóng nhẹ, một bên là núi thấp nhấp nhô. Lấy quốc lộ làm đường tim, phía đất liền những ruộng muối từng ô đều đặn rất đẹp, phía biển những đĩa tôm cũng từng ô, song không đều đặn, không đẹp bằng. Dân gian gọi ruộng muối là ruộng mặn, ruộng lúa là ruộng ngọt. Thời trước, với lợi nhuận của ruộng muối người ta mua ruộng lúa, họ bảo rằng ruộng mặn sinh ra ruộng ngọt.

Mỗi năm có một mùa làm muối. Bắt đầu sau tết nguyên đán âm lịch. Gặp năm trời mưa sớm, lạnh sớm vào cuối tháng sáu đã kết thúc, năm nắng nhiều thì kéo dài đến tháng tám. Từ khi ở thể lỏng đến khi kết tinh thành hột muối nước biển đi qua một quy trình trên diện tích gọi là cặp ruộng. Nước biển theo lạch vào các ao chứa, rồi qua ruộng chứa lạt, ruộng chứa mặn, ruộng chịu, ruộng ăn cuối cùng dồn lại sân. Muối tốt hay xấu tùy thuộc vào 3 yếu tố: -nước biển có độ mặn vừa đủ, không có tạp chất; -chất lượng ruộng phải là đất pha sét, ao chứa, ruộng chịu lớn thì độ mặn nhiều hơn; -phải làm kỹ, thật sạch, thật láng, thật phẳng, không bị rân, không chên, việc bơm nước, mức nước phải đúng kỹ thuật, không cầu thả.

Làm muối cần nắng, phải làm việc ngoài nắng nên có khi bạn nghề bị người đời chê là đại:

Nậu nại đại lắm ai ơi!

Trời nắng không núp đứng phơi ngoài đồng.

Dại thì đành chịu dại vẫn không hề mong mưa. Mưa nhỏ muối sẽ không được tốt vì bùn đất lẫn vào. Mưa lớn thì không còn cách nào khác hơn là làm lại từ bước đầu, tất cả tiền của công sức coi như đổ xuống biển hết! Người đời cho rằng Cửu hạn phùng cam vỡ, tha hương ngộ cố tri là điều vui, nhưng Diêm điền phùng cam vỡ, đào trái ngộ cố tri không vui chút nào.

Thời xưa việc giao thông khó khăn, đưa muối lên miền cao, miền núi toàn do người gánh bằng đôi ki, đôi thùng chai, lên đèo xuống dốc, cát nóng đá dăm. Hột muối lên non trăm bề vất vả. Đồng bào miền núi thường ít tiền mặt chỉ có nông sản lâm sản nên đưa muối lên đây không phải bán mà đổi lấy lúa bắp gánh về. Người miền núi không quen nói mua muối, chỉ nói đổi muối.

Muối giữ một vai trò quan trọng không thể thiếu trong đời sống con người. Dùng muối để bảo quản thức ăn, làm thức ăn và chế biến thức ăn.

Để giữ thức ăn (cá thịt...) được lâu hơn dùng muối trộn với món ấy. Danh từ muối đã biến thành động từ. Mở rộng hơn còn dùng chỉ những công việc tương tự mà không hề dính dáng gì đến hột muối, như: thịt heo muối cá, cá muối nước đá, hột mít muối tro. Làm thức ăn thì đơn giản nhất là muối hột, cũng gọi là muối trắng hay muối sống. Ăn với các loại trái cây và những lúc xé, đói bụng vét cơm nguội trong hông nồi đồng ăn với muối hột. Ta ăn muối hột từ thuở xa xưa xưa lắm. Cách ăn này đã thấm sâu vào nếp nghĩ, ngay trong lời đùa dọa hăm he con nít. Người lớn giả vờ đặng hăng kể vài ba tội của đứa trẻ rồi bảo: Đứa nào xuống bếp lấy hột muối lên đây, tao bỏ lên chóp nó, tao nhai cho rồi. Không moi gan, mổ bụng, xào nấu chi hết, bỏ hột muối lên đầu, từ đó căn ngùn ngụt xuống, nhai nuốt hình ảnh ấy cổ lắm, xem ra rất thú vị. Nó gọi nhớ cái thời tô tiên ta còn ăn sống, chưa biết chế biến qua lửa chẳng?

Hột muối sống cũng có mặt trong ca dao về tình yêu đôi lứa

Vắng mặt bạn một ngày ăn vàng cũng đắng.

Thấy mặt bạn một ngày ăn hột muối trắng cũng ngon

Từ muối hột tiến lên ta có muối hầm, muối nấu. Và bước đầu chế biến thì bóp muối, ngâm nước muối, rồi muối giã (đâm) với ít nhất là ớt trái, muối tiêu, muối mè, muối đậu phụng, dưa muối, cà xóc trộn muối, bắp rang bắp nướng ăn với muối, rưới nước muối dần dần đến các món cao cấp: cua rang muối, cá rang muối. Muối dùng làm ướp khi nướng, chắt nêm khi kho, xào, nấu canh. Và nấu chè cũng nêm muối.

Vào một ngôi nhà mới của người Phú Yên thường thấy trên trính có 3 cái chai đựng gạo, muối và nước trong, tượng trưng cho việc dự trữ đầy đủ lương thực, thức ăn và nước uống là 3 món tối cần cho sự sống. Đó cũng là lời chúc phúc, sự ước nguyện được đặt lên tầm cao ngay khi ngôi nhà hoàn thành.

Ngày sóc vọng khi cúng các Bác cũng luôn luôn có chén gạo, chén muối, chén nước trong, cúng xong vãi gạo muối lên ngọn cây. Đó là phần lương thực, thực phẩm gửi cho các Bác đem theo. Đám làm chay lớn lập đàn tràng sau đó cũng có phần thí thực ban phát gạo muối cho lớp chúng sinh hồn xiêu phách lạc nơi cõi âm. Con người sống cần hột gạo hột muối thì khi thác vẫn phải cần hột gạo hột muối.

Có câu hát ru em rằng:

Tay bưng đĩa muối chám gừng

Gừng cay muối mặn xin đừng bỏ nhau

Người lớp trước bảo rằng đó là món phải có trong mâm lễ tơ hồng. Vị đời đâu phải toàn trân cam. Con đường xây dựng hạnh phúc là con đường gian khó mà nồng nàn ấm áp như

gừng cay muối mặn. Đi đôi với nhau gừng sẽ giảm bớt vị cay, muối sẽ giảm bớt vị mặn. Muối mặn để tăng cường sức khỏe, gừng cay để bảo vệ sức khỏe.

Muối ba năm muối đang còn mặn

Gừng chín tháng gừng hãy còn cay.

Đó là sự chung thủy. Hãy hết lòng thương yêu nhau và vững lòng tin tưởng nhau.

Hột muối từ nước biển kết thành, qua biết bao cơn nắng lửa mới có. Nhưng nếu đem hột muối thả lại xuống biển thì chỉ làm một việc vô nghĩa vô ích, vì vậy có thành ngữ: Hột muối bỏ biển. Nhiều người đem ý tưởng này áp dụng vào những trường hợp cầu quá nhiều mà cung quá ít, không đủ thiếu gì.

Theo thiên ý, có thể nhìn xa hơn hiểu rằng đây là sự so sánh với một công lao mà ta không thể nào đền đáp, như công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ. Xưa nói bằng lời ca Cha mẹ nuôi con biển hồ lai láng Nay nhắc lại bằng điệu nhạc: Tình mẹ bao la như biển Thái Bình Cả hai đều nói đến biển. Trong biển có muối. Vậy ẩn ngữ là: Chuyện báo đáp công ơn cha mẹ chẳng qua là chuyện đem hột muối bỏ biển.

Ánh nắng mùa xuân chiếu rọi xuống nuôi cây cỏ lớn lên, song ai dám nghĩ, dám nói rằng có thể đem tấc lòng cỏ báo đáp lại được? Liệu đem tấc cỏ báo đền ba xuân! Cách nói ấy hay thật, nhưng bay bổng quá, nhẹ nhàng quá! Cái hình tượng hột muối bỏ biển của dân gian Việt Nam thật thực tế, thật cụ thể lại hàm ý thật rộng rãi. Bao nhiêu hột muối mới đem bỏ lại đủ cho Biển Đông nồng mặn?

* * *

TIẾNG MỠ GIÓ

Tôi lại trở về xóm Đá như lời tự hứa vào mỗi mùa hè. Cái âm thanh đầu tiên mà tôi bắt gặp khi còn cách xóm không xa, đi qua một giồng để rộng, là tiếng mỗ gió lốc cốc, lốc cốc đều đều.

Ở đây ruộng nằm dưới chân đồi, quanh co theo chân đồi, chiều rộng chỉ là một đám, chiều dài nhìn trên bản đồ giống như một cây bàn chải, hết chĩa bên này lại chĩa sang bên nọ. Bởi ruộng hẹp và kéo dài nên không gọi là cánh đồng mà gọi là dây ruộng.

Ngày trước, sau khi gieo sạ hoặc đồng thời với lúc cấy mạ người ta dùng những tàu lá chuối khô giăng thành đường rào ba tầng dọc theo bờ ruộng, chân đồi, gọi là dây bẹo để ngăn cản thú rừng vào phá hại hoa màu. Giữa ruộng dựng những con bù nhìn tay chân bằng bẹ chuối tươi trắng sáng, thân hình mặc áo rách, trên đầu đội nón mê. Sau đó, từ khi lúa xanh đến khi lúa chín phải làm chòi, ban đêm có người đến canh giữ. Người ta còn làm những chiếc mỗ gió, dùng mỗ tre buộc thêm chiếc dùi, gắn vào chong chóng trên ngọn cây tre cao cắm rải rác. Khi trời nổi gió, chong chóng quay, dùi đánh vào mỗ vang lên lốc cốc những tràng dài.

Tôi thật sự nghi ngờ tác dụng của mỗ gió. Chẳng biết nó có làm cho thú rừng sợ hay không, chứ đối với lũ chim trời hình như là vô hiệu. Khi lúa chín chim đồng dọc về lót ổ từng hàng dài dọc theo ruộng. Và nhiều loại chim nữa bay từng đàn thật đông sà xuống ruộng rồi bay lên. Lúc này đám trẻ con được đưa hết ra ruộng, một số trên chòi cao, một số dọc bờ, gõ mỗ, giật bò cạp, la hét hoai hươ hoa tay múa chân, làm đủ trò mà lũ chim trời lì lợm vẫn cứ lì lợm, từng đàn sà xuống, bay lên, ríu rít vui đùa thưởng thức những hạt lúa vừa chín ngọt ngào hương thơm, phớt lờ việc có mặt canh giữ của con người.

Sự bất lực của lũ trẻ được xác nhận qua câu đồng dao:

Đuổi chim thì đuổi hoại hươ
Chim ăn hết lúa còn xơ đem về

Đối với tôi, tiếng mõ gió trong cái nắng bớt phần gay gắt nhờ những cơn gió nghe thật dịu dàng, cũng lên bổng xuống trầm, khi khoan khi nhặt, khi mạnh khi yếu như muốn ru ta vào giấc ngủ khi ta cần phải thức. Còn giấc ngủ nào êm đềm hơn những giấc ngủ buổi trưa trên chòi cao? Những giồng để ngút xa tầm mắt, những khóm rừng xanh đậm màu lá, gió lồng lộng ngược xuôi và tiếng mõ gió từng hồi nối nhau, lớn rồi nhỏ, nhỏ rồi lớn.

Bây giờ lũ chim trời có còn từng đàn đông như lá rụng ngày đông bão, riu rít reo ca? Người nông dân có còn phải bận tâm với hàng dây bèo, với những loại mõ sử dụng tay người và sức nước, sức gió? Nơi gốc đa, gò cỏ lũ trẻ con có còn u quạ, đá bò, đánh trống, cờ gánh, cờ chém, bàn cờ vẽ bằng nét than trên mặt đá? Khi phải bỏ đi những trò chơi giản dị cũ, các em có được những trò chơi nào mới nhằm giúp trí tuệ được nâng cao, cơ thể thêm rắn rỏi?

Cho nên, tôi không khỏi lấy làm lạ khi trở về xóm Đá. Nơi đây ruộng ấy gốc rạ đã khô, có tiếng mõ gió lộc cộc nhẹ nhàng. Ai đã dựng một cột tre, chỉ có một mà thôi, chắc là để vui chơi chứ không phải để xua đuổi thú rừng. Vậy thì chiếc mõ gió này chỉ đơn thuần là một nhạc cụ.

Văng, có lẽ vậy, là nhạc cụ của một nghệ sĩ dân gian tạo ra. Dù đuôi chong chóng bằng rơm đã xác xơ, cùi cụt, sức gió không còn mạnh, nhưng lóng tre thêm khô dưới nắng làm cho tiếng mõ càng trầm, càng giòn, không kêu lớn nhưng vang xa và thấm sâu. Vang xa ra khắp giồng để đôi tranh. Thấm sâu vào lòng tôi, đánh thức dậy những kỉ niệm ấu thời như ngọn đèn con chong đọi được vắn lên bùng sáng

* * *

TIN NHỎ MÙA THU

Ở thôn quê có loại bông huệ chịu nắng và chịu rập, thường được trồng theo bia sân, bia vườn, chân rào, đến mùa nở hoa đỏ tươi rực rỡ cả hàng cả vạt. Thực vật tương tự của nó nhỏ hơn nhiều là bông lan, búp hoa chỉ bằng đầu ngón tay út. Dân gian ghép hai loại lại, gọi là lan huệ. Ca dao có câu hỏi: Lan huệ sài ai lan huệ héo? Tranh tứ bình mai - lan - cúc - trúc vẽ loại lan này chứ không phải loại phong lan chùm gợi trên rừng. Lan rừng thuộc hệ khác, nó ngự trị độc lập trên tranh độc bản.

Người xưa dùng hình ảnh trúc-lan tượng trưng cho tình bạn thân thiết. Khi chịu cái tang Linh Phượng, nhờ có sự chia sẻ an ủi của bạn bè, thi sĩ Đông Hồ viết:

Nghĩa chôn ái ân loan phượng lữ

Tình trong bạn tác trúc lan còn

Chi lan là cỏ chi và cỏ lan, cũng là hình ảnh tượng trưng cho tình bạn như đào lý : Chi lan thụ vũ, đào lý xuân phong.

Tình bạn ấy đậm ấm, mát mẻ như cơn mưa nhuần, như gió mùa xuân. Một bài trong tập Huế, đẹp và thơ, Nam Trân viết:

Cảm ơn bạn tặng bức hình

Với thơ một mảnh đơm tình chi lan

Sinh thời, nơi khoảng sân rộng trước nhà, cha tôi trồng nhiều bông lan và gọi nó là chi lan. Gộp cả chi và lan, hay chi được dùng với nghĩa một cành nhỏ, một loại lan bé bỏng? Hồi ấy tôi chưa nghĩ đến, sau muốn tìm hiểu thì cha tôi không còn.

Từ cách gọi của người, qua câu thơ Nam Trân, qua hình ảnh xưa, tôi gọi và truyền lại cho người nhà cùng gọi loại bông lan này là chi lan.

Hoa chi lan mỗi năm chỉ có một mùa nở, vào lúc đầu thu. Những ngày hè nắng lửa, có cây khô héo, lá chi lan cũng bị úa vàng, xơ xác, thậm chí rụng xuống, nhưng chỉ qua một đêm mưa đầu mùa ào ào nước xối, sáng hôm sau nó vươn lên, rồi ngày một ngày hai dài ra, xanh mướt. Vài cơn mưa nữa. Nếu ra để ý sẽ thấy những nụ hoa nhòn nhọn nhô lên, ẩn trong lớp lá. Nếu ta không để ý, buổi sáng nào đó thức dậy sẽ thấy bừng bừng những hoa chi lan màu tím đỏ, nụ búp thon thon như đầu ngón tay út em bé gái, hoa mãi khai xòe ra bươm cánh.

Hoa chi lan nở rộ từ rằm tháng bảy đến rằm tháng tám, từ lễ vu lan đến tiết trông trăng, cuối tháng tám còn lác đác và rằm tháng chín chỉ một vài đóa muộn màng. Sao những người ghi chép hoa phổ, phân tích hoa hệ không đặt cho nó một danh hiệu, hoa báo hiệu chẳng hạn. Bởi vì nó nở vào thời điểm có nhiều sự liên hệ với tuổi thơ, từ rằm trung nguyên đến rằm trung thu.

Mấy tuần qua do có việc sửa chữa nhà cửa, hàng chi lan của tôi bị gạch vụn cát thừa đè lên, nát không còn một cọng lá. Nghĩ rằng cái tai nạn này không thể tránh khỏi, thôi hãy đợi xong việc mới sửa sang lại, tôi không để tâm đến chúng nữa. Một buổi trưa, trong tâm nhin lơ đãng, vô tình, thật ngạc nhiên thấy ba bốn nụ chi lan ở chỗ gạch thừa, cát ít len lỏi qua kẽ hở nhô lên, như nhẩn nại mỉm cười, như chờ đợi một lời khen tặng, cảm thông. Quay vào xem lịch, còn vài hôm nữa là tiết lập thu. Mấy nụ chi lan như dòng tin nhỏ báo cho biết mùa thu sắp đến.

Trời vẫn còn nổi gió sau mấy ngày vãn vũ âm u nhưng đã có nắng đẹp ẩn trên cành lựu tím non. Tôi chợt có mấy câu tức cảnh:

Vài nụ chi lan tròn sắc thắm
Đỉnh trời mây trắng nỡn giăng thưa
Mùa thu lộc nhỏ hoe cành lựu

Đang phân vân tìm ý thì nghe;

Một tiếng gà xa gọi nắng trưa

* * *

NHỮNG CHIỀU MƯA NHỎ

Đã qua tiết lập thu, đã có những buổi dịu mát, những cơn mưa nhỏ, khiến cho trời đất và lòng người hòa hợp cảm thông.

Ngô đồng nhất điệp lạc. Thiên hạ cộng tri thu

Đó là chuyện bên Tàu. Ở đây, nào ai có biết cây ngô đồng ra sao, có thấy lá ngô đồng rụng thế nào, chỉ nghe mang máng trong thơ và trong ca dao, dân ca:

Chiều chiều ra đứng lầu tây

Thấy cô gánh nước tưới cây ngô đồng.

Nhưng dẫu không có một lá ngô đồng chúng ta vẫn có cả một mùa thu dần trải:

Những chiều mưa nhỏ đi qua áo

Hoa nở vàng thu những lối quê

Thơ đăng trên tuần báo Văn nghệ tiên phong - Sài Gòn, khoảng đầu thập niên 1960, tiếc rằng tôi không nhớ hết bài cũng không nhớ tên tác giả. Hình như của Hữu Hoàng, hay một thi sĩ khác.

Tôi đã từ già tuổi thơ trong một chiều thu mưa nhỏ, cho nên mỗi lần tái ngộ cơn mưa nhỏ chiều thu không khỏi nhớ mãi, xa xăm về quá khứ.

Cái hạnh phúc lớn nhất của thời trai trẻ là luôn luôn có cái đích trước mắt để hướng tới. Mùa xuân mở ra những dự định, mùa thu nhìn lại ngày tháng đã qua, điều chỉnh, thay đổi để mùa đông mang về thành tựu. Mỗi năm, một năm mới, mỗi ngày, một ngày mới. Bao giờ cũng là những hi vọng dang tràn, tin tưởng rằng mình sẽ vượt qua bao ngàn trở, thử thách để đạt điều mong muốn.

Tuổi già như đi vào ngõ cụt. Biết rằng mình đã ở cuối đường. Chẳng bao nhiêu bước nữa là vực sâu, là hố thẳm, là biển cả dữ dội sóng gào. Chúng ta phải dừng lại, buông tay, bắt lặc. Những tính toán muôn màng đành dang dở cả. Ai mà không hoảng sợ trên nhịp cầu sông Nại Hà, nơi thử thách xem ta đã tích tụ dành dụm được bao nhiêu âm đức !

Tuổi già vì vậy thường nhìn lại dĩ vãng. Có kẻ tô hồng quá khứ, bằng lòng trong sự nuối tiếc, hãnh diện, ôm ấp cái quá khứ ấy trong ngày tháng thong dong. Được vậy cũng là quý. Có người, như tôi, đếm lại thời gian đi qua trong sự tự phán xét và rất buồn khi hiểu rằng cuộc đời mình chông chất liên tiếp những sai lầm.

Cỡ ngày này, tháng này hồi mười mấy tuổi, rồi hai mươi mấy tuổi, băm mấy tuổi, bốn mấy, năm mấy chẳng hạn. Sự việc như vậy, dẫn tới kết quả như vậy, như vậy lẽ ra mình biết nhường nhịn hơn, chùng mực hơn, hay cương quyết hơn, thẳng thắn hơn, nói chung là biết ứng xử đúng hơn thì kết quả đã khác. Mình đã thành công hơn, toại nguyện hơn, là đưa con đưa em biết hiếu đễ, không mất người bạn này, không làm phiền lòng người kia, không để xảy ra điều đáng tiếc ấy, không có nỗi ân hận kéo dài, mỗi lần nhớ lại vẫn chưa thấy lạt phai.

Chữ thu và chữ tâm ghép lại thành chữ sầu. Người xưa đặt ra chữ này đã thấu hiểu nỗi lòng mùa thu chăng?

Những chiều mưa nhỏ đi qua áo

Hình ảnh ấy đẹp nhưng vốn sẵn nỗi buồn giấu kín bên trong! Nếu không gay gắt chói chang như nắng mùa hè thì thà là như gió bão cuồng nộ mùa đông. Sao lại sầu? Nhưng yếu tính của nghệ thuật là nỗi buồn, chính vì vậy mùa thu đã đi vào thi ca nhiều hơn cả. Thi sĩ Tản Đà Cảm Thu. Tiễn Thu, thi sĩ Lưu Trọng Lư nghe cả Tiếng Thu. Đã có hàng trăm bài thơ thu buồn, tuy rằng tương đương cũng có hàng trăm buổi chiều mưa nhỏ đôi bạn yêu nhau tay trong tay đi bên nhau. Lẽ ra phải có hàng trăm bài thơ thu vui.

* * *

TẠ ƠN NHỮNG GIỌT SƯƠNG

Ở Vân Hòa có những buổi sáng đầy sương. Thế nhưng, không hiểu sao, nhiều năm tuổi nhỏ tôi không hề nghe tiếng sương rơi. Rồi xa làng đi nơi khác, mười sáu tuổi đọc trong Văn đàn báo giám câu chuyện thơ: Một hôm vua Tự Đức bảo quần thần rằng rằng khi tôi nằm mơ làm được hai câu hay:

Viên trung oanh chuyển khê khả ngữ

Dã ngoại đào hoa lấm tằm khai

Cao Bá Quát có mặt ở liền sáng tác ra một bài 8 câu, dùng 2 câu của nhà vua làm cặp trạng, 6 câu kia mỗi câu cũng 5 chữ nho và 2 chữ nôm, tâu rằng bài thơ đó không biết của ai, ông đã thuộc lòng từ thuở nhỏ. Cặp luận là:

Xuân nhật bắt văn sương lộp bộp

Thu thiên chỉ kiến vũ bài nhai

Tôi đọc là đọc vậy, thích cái lạ của bài thơ, phục tài Cao Chu Thần, nhưng thật tình vẫn chưa có ý niệm gì về một giọt sương rơi. Hai mươi tuổi về lại Vân Hòa. Một buổi sáng tháng giêng, thức dậy trong tiếng sương rơi lộp bộp, rõ ràng, đều đặn. Trên lá vườn, như tiếng đồng hồ, tiếng thời gian. Không khí ban mai thật trịnh trọng. Rồi mặt trời lên, cây cỏ lá hoa vẫn còn phớt ướt như gội cơn mưa nhỏ. Tôi tự hỏi: Có phải trong lúc nhanh chóng làm thơ để ứng phó với vua, Cao Chu Thần bắt chợt nhớ về một sớm xuân nào đó, biết đâu là một nguyên đán, đây tiếng sương rơi?

Từ hôm ấy tôi thường để ý đến tiếng sương, màu sương.

Ở Củng Sơn, những buổi mai đầy sương. Sương là là mặt đất xóa nhòa dòng sông Ba. Sương như một màn lụa nối liền hai bờ tả ngạn, hữu ngạn. Trên những lối đi quanh quất xóm Vườn sương phủ ngang mặt những hàng rào cây xanh hót phăng. Vài ba cô gái gánh nước, trông xa mờ ảo như họ bước giữa làn mây.

Ở Đá Bàn, những buổi mai đầy sương. Sương đầm cả gò đồi. Theo bước người đi cỏ dưới chân giắt vào kẻ quai dép, những ngọn tranh ngọn đề hai bên đường chạm ướt mũ, ướt mặt, ướt tay, cắt cửa làm hơi ngửa ngửa nhẹ nhẹ, đồng thời hơi ran rát nhẹ nhẹ, một vài chỗ lại thấy đã ngửa, vừa khó chịu vừa thích thú.

Ở La Hai, cũng những buổi mai đầy sương. Gần như không có mặt trời. Sương trải đầy các dãy núi vây quanh, khiến ta cảm thấy thị trấn không nằm trong lòng thung lũng, thị trấn được nâng cao lên, nằm trên đỉnh sương, giải thoát ta ra khỏi tư thế đứng giữa trùng vi.

Tôi nghĩ, từ một tiếng sương rơi mộng của người xưa, tôi đã biết, đã yêu mến những tiếng sương, những màu sương thực. Đó chẳng phải là văn chương đã thăng hoa cho ta sống đẹp hơn sao? Lại nhớ, Phạm cao Hoàng có tập thơ Tạ ơn những giọt sương. Thi sĩ đã rất có lý khi chọn tên chung cho tác phẩm như vậy, mặc dù nó không phải là tên của một bài thơ nào trong tập.

* * *

XÓM TÔI VÀ NHỮNG ĐỘI LÂN

Xóm tôi là một xóm nhỏ. Trên năm mươi năm trước là vùng đông đảo, có chợ, có đình, có chùa, có bến ghe, có núi Tháp. Nhưng rồi mỗi ngày thị xã một mở rộng, nó ở ngoài rìa, không nằm trong trung tâm quy hoạch phát triển, dễ dàng bị lãng quên, giống như một kẻ hết thời. Cái còn lại của ngày xưa là những mảng tường xây đá, mây mái ngói cũ kỹ. Không phải dân xóm muốn giữ lại làm chút kỉ niệm, bảo tàng di tích, mà vì chẳng có điều kiện để sửa nhà, lên lầu.

Dân xóm tôi phần lớn còn nghèo, làm việc chăm chỉ, cần mẫn, sống bằng đồng tiền tự lao động mà có. Thỉnh thoảng cũng nhậu nhẹt, ồn ào chút ít, rồi thôi, không có gì đáng tiếc. Trình độ mọi người nói chung ở mức trung bình. Không ai học giỏi, học cao, chỉ hiểu những điều phổ thông thôi cũng đã chê thiên hạ ìbằng thích, gọi các nhân vật

quốc tế, ông tổng thống này, ông thủ tướng nọ, bằng phẳng cả. Khen ai thì bốc lên tới trời, chê ai thì hết chỗ nói. Đôi khi có cãi nhau về góc đất, tường rào, giờ tay, lớn tiếng, nhưng không cần ai can gián vẫn yên, rồi làm lành: Tôi nóng mà anh cũng nóng, bậy quá!

Trong vòng mấy năm gần đây xóm tôi có khá hơn. Nhà này có điện thoại cho láng giềng gọi nhờ. Nhà kia có luống hoa trước sân. Nhà nọ nuôi mấy con bò chao kêu hót rộn ràng. Xóm tôi tuy ở thị xã nhưng y hệt ở thôn quê, đêm không một tiếng xe, đêm yên lặng, đêm thái bình, chỉ có tiếng chó sủa vu vơ lúc nửa đêm, tiếng gà gáy báo hiệu trời sáng. Buổi chiều cúp điện, nóng quá, đi một vòng ra đường. Tôi thấy xóm mình thật đáng thương. Nó như một người cố gắng tần tảo, cần kiệm, cố giữ cho thơm tất, chững chạc, cố nói lên rằng ta tuy nghèo mà sạch.

Cái sạch ấy nhìn thấy rõ ở khoảnh đất vốn là chợ cũ, nay là sân chơi mỗi chiều của đám trẻ con. Mỗi dịp trung thu, tại đây là bản doanh thường trực của một đội lân chuyên trình diễn tài nghệ cho dân bản xóm thưởng thức. Thành viên của đội lân tài tử này là những cậu bé trong xóm. Đầu lân được tô màu xanh đỏ, tuy nguệch ngoạc cũng đủ sùng đủ râu. Ông Địa, Tề Thiên, Bát Giới chỉ cần mấy tấm nạ giấy rẻ tiền bán sẵn, độn chiếc áo vào bụng. Đuốc giẻ đốt lên, gõ trống, gõ xoong, múa hết mình, múa say mê, lân cũng phục, cũng ngủ, Địa cũng quạt cũng hầu, Tề Thiên nháy nhót. Người lớn kéo ra xem. Hào phóng thì năm ngàn, kiệm ước thì năm trăm. Đưa tiền thẳng vào tay Địa, Tề Thiên, Bát Giới. Đưa này mệt, đưa khác vào thay. Khi người lớn về hết, cả bọn ngồi lại kiểm tiền rồi ra quán phở trước trường Tàu, mỗi đứa một tô, uống ly nước ngọt, hẹn tối mai gặp lại. Có đứa về nhà, có đứa lên ngã tư ngã năm xem các đội lân lớn biểu diễn.

Hồi chúng tôi còn nhỏ, đồ chơi ngày tết chỉ có vài ba con gà cồ chút chút kêu toe toe, cái bong bóng lợn chà mỏng thổi căng và đôn bánh tết bé con mang trên vai chạy sang hàng xóm khoe bạn bè. Nhưng niềm vui không thiếu. Tôi chắc các cậu bé trong đội lân tài tử này cũng vậy.

Nói đi rồi nói lại. Dầu sao tôi vẫn cảm thấy niềm vui này, hạnh phúc này pha nhiều nỗi ngậm ngùi.

* * *

TẢN MẠN MÙA TRUNG THU

Tháng tám chơi đèn kéo quân
Trở về tháng chín chung chăn buôn hồng

Phần lớn người Việt Miền Nam biết câu ấy nhờ Quốc văn giáo khoa thư do các ông Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc, Đỗ Thận soạn, Nhà Học chánh Đông Dương phát hành. Toàn bài được chọn làm bài học thuộc lòng bên cạnh những bài: Vì nhớ mà buồn (Đêm qua ra đứng bờ ao. Trông cá cá lặn trông sao sao mờ), Lính thú đời xưa (Ngang lưng thì thắt bao vàng. Đầu đội nón dẫu vai mang súng dài) v.v. Và chắc không nhiều người dân quê Miền Nam biết cái đèn kéo quân, không nhiều người trong đời thấy nó một vài lần.

Năm 1945 về trước, trẻ con xứ mình đâu có tết trung thu. Chuyện hôm ấy trông trăng, làm thơ ngâm vịnh, phá cỗ chỉ ở một ít nhà chữ nghĩa và sang trọng.

Những mâu chuyện trung thu về sau đọc trong sách cả. Chúng ta tiếp thu văn học truyền khẩu qua văn học từ chương, nào là Đường Minh Hoàng du nguyệt điện, nào là

Hậu Nghệ, Hằng Nga, Thiềm Thừ, Ngọc Thổ và từ đó dân gian hóa, tạo ra các dị bản, nên chuyện nào cũng có 2 bản, khác nào một bản Kinh, một bản Trại. Ngay như chuyện ba ông Táo, hồi nhỏ chúng tôi chỉ biết hai ông một bà, bà Táo còn gọi là ông Táo giữa có khoét một lỗ rún nhỏ để phân biệt và xác định vị trí. Lúc học trung học, được thầy dạy Pháp văn cảm quyển truyện cổ của Phạm Duy Khiêm viết bằng chữ Pháp kể cho nghe mới biết danh tánh ba vị là Trọng Cao, Phạm Lang, Thị Nhi. Tôi đã đến với văn học dân gian Việt Nam qua một ông thầy dạy tiếng Tây, với cuốn sách viết bằng chữ Tây của một tác giả đậu Trạng Tây.

Người Tàu bảo rằng đan quế là cây quế đỏ trên mặt trăng, cao một trăm linh năm thước, đường kính vài ba trượng, thân cứng như thép, sống đã hàng vạn năm. Có một người tên Ngô Cương tu tiên đắc đạo nhưng làm nhiều điều càn bậy bị Ngọc Hoàng đày xuống cung trăng giao cho việc chặt và bóc vỏ cây đan quế. Vì cây cứng như thép Ngô Cương không thể nào chặt và bóc vỏ nổi nên đến ngày nay đêm đêm nhìn lên mặt trăng ta vẫn thấy bóng một người lú húi dưới gốc cây.

Ngô Cương là thằng Cuội của Tàu. Cho hay người Tàu lúc nào cũng sách vở, việc gì cũng có sự tích, người nào cũng có tên họ, tiểu sử. Thằng Cuội của ta chỉ nôm na là Cuội. Dối như cuội. Hết lừa người này đến phỉnh người nọ, cuối cùng vì muốn níu giữ cây đa thần bị kéo bay lên tận mặt trăng. Ấy vậy mà Cuội rất gần gũi với mọi người. Ca dao nói về thằng Cuội:

Thằng Cuội ngồi gốc cây đa
Bỏ trâu ăn lúa gọi cha ời ời
Cha còn cắt cỏ trên trời
Mẹ còn cõng ngựa đi mời quan viên

Tân nhạc cũng nhắc đến Cuội: Ánh trăng trắng ngà có cây đa to có thằng Cuội già Cuội ơi ta nói Cuội nghe: Ở cung trăng mãi làm chi

Tội nghiệp cho Cuội, đã già còn bị gọi bằng thằng. Cái thằng già

Thời thơ ấu, lạ không hiểu sao mỗi lần đọc câu ca dao ấy, hát bài hát ấy là trong trí tưởng gợi ra một đêm trăng vàng rực rỡ, cảnh vật mênh mông, đôi cô đàn trái, cánh đồng bát ngát, người và chim muông vui vẻ bên nhau.

Làng quê tôi thường mùa đông đến sớm. Tết trung thu đã mưa rồi. Có những đêm trung thu nằm nghe mưa mà tưởng tượng ra tiếng trống quân. Thật ra cũng chỉ biết trống quân qua sách vở. Người thì bảo gốc nó tận bên Tàu thời vua Tống Nhân Tông. Người thì bảo lúc Hưng Đạo vương chống quân Nguyên.. Người thì bảo lúc vua Quang Trung đem quân ra Bắc đánh Tôn Sĩ Nghị. Điểm chung là bày trò giải trí cho binh sĩ, giúp họ quên đi sự gian khổ và nỗi nhớ nhà, giữ vững tinh thần chiến đấu.

Thời niên thiếu chúng tôi có chơi một loại trống gọi là trống lỗ. Đào một lỗ sâu độ 5 tấc, đường kính độ 3 tấc, đặt lên đó một miếng thiếc hay ván mỏng, chính giữa dựng một cây que cứng cao độ 3 tấc. Một sợi dây thép hay nhợ gai dài chừng một sải tay căng qua đầu que này, buộc vào hai cọc đóng hai bên miệng lỗ. Dùng dùi tre cỡ dùi trống chiến đánh lên sợi dây ấy cũng tạo ra âm thanh thùng thình thùng thình

Chúng tôi chơi trống lỗ vào những đêm trăng mùa gặt tháng ba. Một lần ở một buôn cách độ bốn năm cây số có lễ đâm trâu. Tiếng công chiêng cao vút vượt qua giồng đồi đến tai chúng tôi. Một đứa diễn dịch ra lời là: Mồng mười tháng ba, mồng ba tháng mười. Thằng bạn ấy đánh trống lỗ hòa theo y như vậy. Giữa đêm khuya vắng lặng,

xóm làng đã ngủ yên cả, chỉ còn năm ba đứa trẻ con, tiếng trống lố gần kề thôi thúc và tiếng cồng chiêng xa xa huyền hoặc lắng xuống, đọng lại tự nhiên thành một nỗi buồn vu vơ, dằn trái

Ồi, chẳng lẽ chuyện buồn mới tạo thành kỉ niệm? Chẳng lẽ kỉ niệm nào cũng buồn? Không thể thì sao chiều nay trên đường phố nhìn thấy hàng trăm chiếc đèn lồng sặc sỡ tôi lại nhớ về tiếng trống dân gian vung về ngày tuổi nhỏ!

* * *

NHỮNG MÙA LỤT

Quê tôi có bốn con sông rải đều từ bắc vào nam, tận thượng nguồn đến hạ bạn nơi nào năm nào cũng có lụt. Đố ai đi xa mà không nhớ?

Nhớ ngày tuổi nhỏ suốt đêm nằm nghe mưa. Mưa ào ào từng cơn lớn rồi mưa dai dẳng triền miên. Mờ sáng chạy vội ra giếng thấy mực nước dâng cao, có khi cầm cái gáo múc được, vội vàng la to lên cho mọi người hay: Lụt rồi, lụt rồi. Phải la thật to trước bọn trẻ con trong xóm, để chứng tỏ rằng ta là người đầu tiên thấy lụt, là người đầu tiên loãn tin lụt. Rồi ba chân bốn cẳng rông rảo đi xem nước mấp mé chỗ nào, nước đã lên tới đâu. Tin lụt như một tin mừng.

Không mừng sao được. Lụt là nghỉ học. Có thể bài sử ký dài dòng đầy những niên đại ta chưa thuộc, mấy bài toán phân số ta chưa giải xong, bài luận mới viết mỗi một câu mở đề. Nghỉ học một mình tất nhiên ta không muốn, nhưng nghỉ cả lớp, cả trường, nghỉ mà được ngang nhiên đi chơi, ấy là hạnh phúc của tuổi học trò.

Ở thành phố làn nước đục ngàu, bèo bọt, rác rưởi kia không e dè kiêng nể ai cả. Cứ tràn lên và len lỏi bất cứ chỗ nào len lỏi được. Nơi con hẻm chật chội, lầy lội đã đành, nơi cơ quan trang nghiêm người dân bước vào phải khúm núm, nơi nhà giàu nội thất bóng lộn kẻ nhà quê bước vào nghe run run từ bàn chân nước lụt cứ tràn vào, ngạo mạn mang theo cả những chất dơ, chất thải lênh bênh.

Đường phố mới hôm qua rộn ràng xe cộ giờ thành một con kênh. Thuyền bơi trên đường. Bè chông trên đường. Những chỗ cạn, trên lề lộp lộp người bị bõm lội. Ai dọn nhà chạy lụt cứ chạy, ai dắt diu tránh lụt cứ tránh, ai lội lụt vui đùa cứ lội. Những ô dù sặc sỡ, những áo mưa đủ kiểu, đủ màu bung lên, xòe ra. Đường phố khác nào ngày hội. Chợ họp ở Ngã Năm, tha hồ dạo chợ mà không bị mang tiếng dạo chợ. Dầm nước cho đã, nghe đói đói liền chạy về nhà, thấy trên bếp có chảo cơm chiên. Bới một tô ăn với mắm giã ớt cay hoặc cá mặn chung, no lòng chắc bụng rồi, đi lội lụt tiếp. Mùa lụt cũng là mùa nhỏ sản nước. Tìm râu sản nước xách theo. Lội củ sản ra, trắng ngần, cắn từng tai, vừa ngọt vừa giòn, vừa nhai vừa lội, vừa chào hỏi chuyện trò.

Ở nông thôn, và vùng cao nguyên, mùa lụt nước từ sông cái vào sông con, từ sông con tràn vào suối, từ suối tràn vào soi, từ soi tràn lên giồng đê, đồi cỏ. Cá trôi theo con nước lên đê. Mọi người rủ nhau đi bắt. Có vẻ nhàn nhã là những người đứng nhá, thường định vị một chỗ, thỉnh thoảng mới nhỏ gọng dùi đi. Những người thả lưới thì thông dong trên chiếc sông nhỏ. Đông đảo và ồn ào nhất là những người úp nôm. Thật là chuyện chim trời cá nước. Với chiếc nôm trong tay lần dò úp xuống cánh đồng đầy nước thế mà bắt được hàng thúng cá, hàng gùi cá. Có con còn nguyên bụng trứng căng tròn. Những nhà có sa thì đi canh sa, thăm sa. Từng gắp cá nướng trên lửa than hồng, lóp vảy vàng

giòn, mỡ cá không đủ làm tắt lửa nên mùi thơm cũng nhẹ nhàng, không gay gắt như khi nướng thịt. Cá ăn tươi không hết, còn lại ướp muối để dành.

Bắt cá suối mùa hè, nơi dòng nước trong veo có cái vui thanh thoát giữa phong cảnh núi rừng hùng vĩ. Bắt cá trôi mùa lụt, bùn đất đầy tay đầy mặt, dầm mưa và dầm nước bạc, nhiều khi tay run lạnh, miệng đánh bò cạp, có cái vui sôi động mạnh mẽ. Mỗi bên một vẻ khác nhau đều thích thú cả.

Mùa lụt đi qua. Mặt đất còn lại lớp bùn non. Vườn trái sẽ sai hơn, lúa bắp sẽ tốt hơn. Nhiều khi trên đường đi dừng chân tạm nghỉ, nhìn lên ngọn cây rừng thấy dấu vết rêu rác, lại băng khuâng nhớ, trong sinh hoạt cộng đồng ấy mỗi người có cái vui riêng, cái buồn riêng, vài ba mẩu chuyện tình cảm, chuyện lúa đôi, chuyện bè bạn, chuyện thường ngày

Một đời người có bao nhiêu mùa lụt được sống trong góc cạnh nên thơ như vậy?

* * *

NGHĨ VỀ MƯA NẮNG TRỜI XUÂN

Đọc tập hồi ký viết tay thấy cha tôi kể chuyện hồi những năm đầu thập niên 30 của thế kỉ trước song thân tôi lưu lạc vào Nam Kỳ. Sáu bảy năm trời xa quê, nhìn thiên hạ đón xuân ông cảm khái ngâm rằng:

Xuân mãn nam thiên phong thủy cựu
Nhơn tồn khách địa tuế thời tân

Hồi đó Tây chia nước ta thành ba kỳ, ba chế độ cai trị khác nhau. Dân Trung Kỳ vào Nam Kỳ coi đây là đất khách. Xuân về tết đến đem lại thời gian mới nhưng người vẫn còn nơi đất khách nhớ về quê cũ. (Tuơng tự, Nguyễn Bính từ Bắc Kỳ hành phương nam cũng từng cảm khái với đêm mưa đất khách). Thế nhưng, nghiệm trong câu trước thì dấu phương nam hiện tại (lúc ấy) có là đất khách, cha tôi vẫn hiểu mình đang sống dưới trời nam, không riêng cho một kỳ nào. Khắp cả trời nam mọi người cùng đón xuân với phong tục tập quán tự ngàn xưa. Vậy là cha tôi không cô đơn nơi khách địa, ông đã bắt gặp cả phong thủy cựu bằng bạc khắp nơi giữa buổi tuế thời tân, bởi vì xuân mãn nam thiên, bởi vì mùa xuân không bao giờ lỗi hẹn.

Rồi khi tôi vừa chào đời song thân tôi trở về quê cũ. Tôi đã sống những ngày thơ ấu trong không khí vùng cao nguyên mùa đông lạnh buốt gió bắc mưa dầm. Dần dần mưa tạnh, run run chút nắng mong manh, lớp đất đóng rong trên mặt sân bóc lên những miếng bằng miệng chén, vỡ ra giòn vụn dưới bàn chân cho tôi sự thích thú nhẹ nhàng. Vài ba buổi chiều rồi năm bảy buổi chiều. Cái nắng như người bệnh yếu ớt ẻo lả ấy dần dần bình phục, mỗi hôm đậm thêm một chút, dần dần không biết tự lúc nào về chói chang rực rỡ hiện rõ, trong màu sắc còn có hương thơm và hình như có cả vị ngọt. Chúng tôi ngó ra y như con thú rừng ngẩng đầu vươn cao tầm nhìn để đánh hơi trong gió và thấy được: tết sắp tới rồi. Tuổi nhỏ chúng tôi chỉ biết có tết, sau này lớn lên, hồi tưởng mới nói: mùa xuân đang đến.

Tháng chạp hết mưa, buổi sáng đầy sương là báo hiệu buổi trưa nắng tốt mà giữa khuya càng thấm lạnh. Đến cuối tháng chạp thì nắng đẹp lắm, màu vàng tươi rói. Thế mà

sang tháng giêng thì cái nắng ấy biến đâu mất. Nắng tháng giêng đã nghiêng sang màu hồng, hơi nặng, không vàng, không nhẹ như nắng tháng chạp. Và tháng giêng trời lại chuyển mùa, hay có những cơn mưa: mưa xuân.

Có thể nói thời tiết từ đông sang xuân thật rắc rối:

Cơ màu tạo hóa bốn mùa vẫn

Đông: cuối ba mươi - mồng một: xuân

(Thơ Hồng Đức quốc âm)

Nhiều lần chiều hăm chín chiều ba mươi vẫn là nắng vàng tháng chạp, nhưng giữa khuya hoặc mờ sáng rắc xuống cơn mưa. Đôi lúc là cơn mưa khá lớn, nhưng mưa không lâu. Thông thường mưa nhỏ lay bay, mưa phùn lất phất. Đọc thơ Trung Hoa thấy ông thi sĩ Mạnh Hạo Nhiên nhân nhã đến mức ngày xuân mà ngủ quên không biết trời trăng mây nước gì, đến khi nghe tiếng chim kêu rộn ràng thức dậy tự hỏi: Đêm qua trời mưa gió hoa rụng ít nhiều?

Dạ lai phong vũ thanh

Hoa lạc tri đa thiếu?

(Xuân hiều)

Khi chúng tôi trưởng thành mà chưa phải nhận trách nhiệm gia đình thì ngày tết cũng thật thoải mái, tưởng như đất trời trong gang tấc để vẽ vời cái gọi là giấc mộng sông hồ. Tết là dịp để rộng bước giao lưu, đi chơi đây đó. Thanh niên Miền Trung 50 năm trước phần đông hiền khô như cục đất, bước đầu tập uống la-ve, đọc cổ văn cổ bất chước theo cái buồn của người xưa nhưng chẳng thấy đâu mối sầu vạn cổ mà càng có điều vui để nói với nhau, nhìn bạn gái qua lăng kính Tự lực văn đoàn, thấy người nào cũng đẹp, cũng thánh thiện. Mưa xuân làm đôi má bạn trắng hơn, nắng xuân làm má bạn hồng hơn. Tết được đồng hóa với mùa xuân và mùa xuân đồng hóa với tuổi xuân, cho nên khi tết không chịu nán lâu hơn thời ta còn niên thiếu, Kiều Thệ Thủy viết:

Ai đem tâm sự mà thương nhớ

Cồn tóc mây xa ở cuối trời

Bạn cũ sông hồ năm bảy đứa

Biết còn trinh bạch những đôi môi?

Đời tôi trải nhiều buổi nguyên đán nắng hồng hơn những buổi nguyên đán mưa nhạt. Nhưng những buổi nguyên đán mưa nhạt còn đọng lại trong ký ức lâu hơn. Năm ấy tôi về ăn tết tại nhà bà cô ở làng Bình Chánh trong vùng châu thổ sông Cái Tuy An, sáng mồng một theo ông dựng lên chùa Đá Trắng. Đá Trắng là tên nôm, tên chính thức của chùa là A Lan Nhã sắc tứ Từ Quang tự. Trời mưa bụi lay bay, thoáng nhìn ta không biết ướt, nhưng vuốt tay lên đầu thì thấy nước ở đó. Tâm hồn tôi như lâng lâng khi dạo trong vườn tháp rêu phong, cứ nghĩ hoài đây là nơi gắn bó với những việc quan trọng của gia tộc. Trong cuộc khởi nghĩa Cần vương tại Phú Yên năm 1885 do Lê Thành Phương lãnh đạo, ông nội tôi lúc ấy 26 tuổi là Quân thứ từ hàn, lo về văn thư bút lục, thường lãnh nhiệm vụ ra chùa Đá Trắng làm một khách văn cảnh để gặp gỡ liên hệ với các bạn đồng tâm trong văn thân tỉnh Bình Định. Một buổi trưa nắng gắt tại dốc Đá Trắng ông đã gặp người phụ nữ gánh nước độ đường. Người phụ nữ ấy sau là bà nội tôi. Cuộc khởi nghĩa thất bại, ông nội tôi đưa bà lên Vân Hòa trú ẩn, về già lui xuống Phong Thái, để khi lâm chung nằm cạnh tổ tiên trong ngôi mộ chung quanh chất đá. Cha tôi thì an táng ở Tuy Hòa. Thành ra cả họ Trần nhà chúng tôi chỉ có hai người dâu là bà nội tôi và mẹ tôi ngàn năm yên nghỉ tại Vân Hòa. Bởi lẽ ấy tôi dành trọn tình cảm sâu nặng cho làng quê.

Có một nguyên đán từ huyện lỵ tôi khăn gói lên đường làm chuyến đi xa. Đi xa là nói theo chữ nghĩa cho vui và nói theo giao thông cách trở thời tôi hai mươi tuổi chứ ba bốn trăm cây số thì giờ đây có xa gì. Từ quán trọ nhìn ra con đường vừa tu bổ, những hàng dương mới trồng xanh nhạt dưới màn mưa nhỏ. Chưa biết nhiệm sở sắp đến thế nào, bằng hữu sẽ gặp ra sao, tưởng tượng cũng có phần thích thú nhưng không khỏi phảng phất băng khuâng xa cách cố nhân, sẽ không còn những lần lang thang từ phố huyện ra nhịp cầu xưa đến chân đồi Lá đôi mắt bạn nhìn xa xôi tận điểm cuối cùng.

Tôi sửa một chữ trong thơ Vương Duy:

Huyện thành triều vũ áp khinh trần
Khách xá thanh thanh liễu sắc tân

Và thoát dịch theo ý mình: Mưa mai rắc bụi huyện thành. Hàng dương quán trọ xanh xanh nhạt nhòa.

Tháng giêng bao gồm hai tiết lập xuân và vũ thủy. Từ lập xuân đến vũ thủy mưa xuân chỉ rơi rắc như bụi nhẹ. Mưa vũ thủy mới đáng mặt là mưa, mưa cho cây cối núi rừng, hoa đồng cỏ nội, ruộng đồng đất thổ, cho lúa bắp sắn khoai, mưa thật lớn, ào ào tuôn đổ, ép dẽ mái tranh, băng bờ tạo trở, thật tươi trẻ, mạnh mẽ, dứt khoát từng cơn rồi tạnh ráo, tầng cao trở lại trong xanh, nồn nà mây trắng, mưa không dai dẳng lê thê, trời không âm u trì trệ. Nếu coi những cơn mưa bụi buổi nguyên đán khai xuân là mưa sơ sinh, mưa thơ ấu, thì mưa trong tiết vũ thủy là mưa tuổi hai mươi, bước vào giai đoạn trưởng thành, tràn trề mộng ước. Tiết vũ thủy năm ấy cha tôi làm thơ nôm vịnh cảnh ruộng đồng, có những câu:

Lúa nứt ngạnh trê thêm bộn gié
Đổ ra trái đĩa lại nhiều hoa
Con chàng bắp nọ không lo háp
Mấy đám khoai kia chẳng sợ hà

Thi sĩ Mạnh Hạo Nhiên mới ngày nào đó nhàn hạ vô tư, sau giấc ngủ mùa xuân trẽ tràng nghe tiếng chim kêu nghĩ chuyện hoa rụng ít nhiều thì tới lúc nào đó cuối năm trở về Nam Sơn không khỏi chạnh lòng thấy tóc bạc giục tuổi, mỗi năm một già, ngày xuân đưa năm cũ trôi đi hết:

Bạch phát thời niên lão
Thanh dương bức tuế trừ

Câu thơ ấy đang ứng với thế hệ chúng tôi. Có thể nhìn xuôi chiều thời gian từ ấu thời đến lão niên, cũng có thể nhìn ngược lại để điểm dừng ở tuổi ấu thời. Ba bữa tết, bảy ngày xuân, nắng mưa, mưa nắng trong mỗi đời người đâu phải ít lần trải qua, cứ đến chu kỳ quay lại đúng hẹn, luôn luôn bao trùm lên tất cả, sông núi cỏ cây hoa lá và quan trọng hơn hết là trong lòng người. Cũng con đường ấy sáng mông một mới hơn chiều ba mươi, cũng con người ấy hôm nay chính tề mực thước hơn hôm qua. Cái mới của mùa xuân khiến cho mỗi tâm hồn trẻ trung vì biết phân định quá khứ đồng thời dự phóng tương lai. Cho nên khi một cảnh mai phương nam, một cảnh đào đất bắc hay một khóm hoa núi, một tiếng chim rừng chợt báo tin xuân, con người ở chặng nào của cuộc đời đều sẵn sàng dọn lòng chuẩn bị hoan nghênh. Dù vui hay buồn, mưa hay nắng ai ai cũng trải mở phong thủy cụ để đón tiếp tuế thời tân.

* * *

VĂN VÀ HOA

Trong một buổi hội thảo về văn xuôi nhà văn Cao Duy Thảo có phát biểu rằng văn chương không thể có phé phẩm, vì phé phẩm văn chương không thể dùng làm bất cứ thứ gì, việc gì. Một mớ gạch vỡ, ngói bể còn đem làm nền, lót đường được. Miếng gỗ cửa hỏng, đục hỏng còn đun bếp được. Nhà bánh hư bột hư đường hạ giá thành thức ăn gia súc. Văn chương mà hỏng chỉ vứt đi, vứt đi.

Vâng. Làm văn chương hỏng, bị vứt đi, thật tội nghiệp cho tác giả. Mất biết bao nhiêu tâm trí và công sức. Có thể tác giả đầy nhiệt tình nhưng thiếu khả năng, hoặc do một điều kiện khách quan tác động. Hóa ra cơ sự

Cái đáng sợ trong văn chương đối với quần chúng là loại văn chương giả. Sự kiện éo le, hấp dẫn, từ ngữ bóng bẩy, cú pháp điêu luyện tác giả tài tình như một phù thủy điều khiển âm binh, sai khiến những điều không thật này mùa may, khoa trương làm lóa mắt người đọc và không ít người đọc bị mắc lừa, xúc động thật sự, có khi đi đến mê muội tin theo các điều giả ấy.

Ngược lại không phải không có trường hợp chính phẩm văn chương bị chê là khô khan, đơn giản, không khơi gợi được tình cảm nơi người đọc. Ở đây có thể ví như món ăn bổ mà không ngon, không khoái khẩu người thưởng thức nên không được ưa chuộng. Cũng có thể nói rằng như thế chưa phải là văn chương, bởi vì hai tiếng văn chương đã có ẩn ý là phải hay, mà đã là hay thì nội dung và hình thức song toàn.

Kinh nghiệm cuộc đời cho thấy cái gì là giả không thể tồn tại lâu dài, cũng như cái gì là thật không thể chìm khuất mãi. Một lúc nào đó, người đọc nhận ra ngay những éo le, hấp dẫn, bóng bẩy kia chỉ là lớp sơn hào nhoáng bên ngoài và người đọc hối hận: Tại sao lúc ấy ta lại tin như vậy, lại xúc động đến thế? Một khi đã ngộ những người đọc này càng khinh bỉ loại văn chương giả. Kẻ bi quan không còn chút niềm tin gì đối với văn chương, kẻ lạc quan gia công đi tìm điều thật.

Nói chuyện văn chương lại liên tưởng đến hoa.

Từ lâu có nhiều loại hoa giả. Lúc đầu còn thô thiển, càng ngày với kỹ thuật tinh vi nhiều loại hoa giả còn đẹp hơn hoa thật. Cùng với hoa thật, hoa giả đóng một vai trò quan trọng trong việc trang trí, khánh tiết. Có người chê hoa giả, cho là đồ giả thì không đáng quý, chẳng cần khen chê.

Cha tôi có bài thơ vịnh hoa giả:

Mượn tên đẹp dễ cũng như ai
Cũng trúc, cũng lan, cũng thược, mai
Tết tới đua chen cùng chúng bạn
Xuân về hớn hờ khắp trong ngoài
Nữ công chị hỡi trau tria với
Thường khách chàng ơi chớ phụ tài
Đành phận không hương nhưng có sắc
Đã từng lên án lại lên đài

Thật tình tôi không hiểu rõ ngụ ý của bài thơ là khen hay chê hoa giả, giả sử chê thì chê một cách khéo léo. Chỉ thấy rõ là khen tài người làm ra hoa, với quan niệm xưa đây là việc thủ công của nữ giới.

Nghĩ lại thì hoa giả đâu phải là hoa giả mà là sự phối hợp giữa mỹ thuật và kỹ xảo, người ta dùng một số nguyên liệu nào đó tạo ra một vật giả làm hoa, giống như hoa. Tác giả những hoa này nói thật nó là hoa giả, không đánh lừa người mua, vậy nó là hoa

giả thật , nó không phải là hàng mị, hàng giả, hàng thứ phẩm, phé phẩm, hàng hồng. Thích hay không thích là tùy ý từng người.

Hoa giả, nói cụ thể là hoa vải, hoa giấy, hoa ni-lông gì đó là kết quả của sự bất chước, mô phỏng, con người bắt chước trời đất, mô phỏng thiên nhiên mà tạo ra. Nó có cái nhược là không phải hoa thật hái từ cành cây, nó có cái ưu là là dùng được lâu, giữ cái đẹp được bền, không tàn, nên đỡ phải thay đổi, chứ theo giá cả bây giờ chưa chắc đã đỡ tốn.

Nhưng sở thích con người thường nhanh chóng thay đổi. Người sành điệu chơi hoa thật phải thay hoa luôn thì chơi hoa giả cũng phải thay luôn, nếu không sẽ bị quê , bị lạc hậu.

Hạng nghèo như tôi, không có tiền mua hoa thật và hoa giả, hai loại đều đắt cả. Thôi thì hái hoa dại trời cho, mọc ở bờ suối, vệ đường, sáng cắm, chiều bỏ Cũng có màu sắc như ai và tự nghĩ rằng mình đây cũng biết yêu hoa, thương hoa như cả và thiên hạ.

* * *

NGƯỜI XƯA VÀ HOA MAI

Trong một bức tranh ta tưởng tượng, có lẽ nên tưởng tượng là phần tiên trên giấy nhưng, cụ Tiên Điền vẽ cảnh cuối xuân bên Tàu:

Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa

Một bức tranh khác, ta tưởng tượng là tranh thủy mặc, bác Vũ Đình Liên vẽ cảnh đầu xuân ngoài Bắc:

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
...
Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa

Còn Phương Nam? Mùa xuân có hoa mai. Nhưng không phải riêng Phương Nam, trong văn học nghệ thuật Á Đông với bộ tứ bình mai - lan - cúc - trúc , hoa mai là tượng trưng mùa xuân.

Ngày xưa, không ai đem cây mai trồng trong chậu, như thế là giam hãm cái khí tiết thanh cao của mai. Cây mai là của trời đất, ủ sương, phơi nắng, dãi dầu cùng thảo mộc sơn khê. Chợt gặp người lính trạm bên đường, ta bẻ vôi một cành mai, thay lá thư gửi thăm bạn cố tri. Hoa mai còn tượng trưng cho phái đẹp nên những bức tranh vẽ hoa mai bao giờ cũng có cảnh giao nhau thành chữ nữ .

Có những tác phẩm lấy hoa mai làm rường cột cho câu chuyện như Nhị độ mai, Mai đình mộng ký Ngoài ra từ văn chương bác học của các đại danh đến văn chương bình dân, hoa mai được nhắc đến rất nhiều, trong nhiều sự hòa hợp, hơn hẳn các loài hoa khác.

Mai đi với trúc:

-Mai khai phú quý, trúc báo bình an
-Thờ ơ gió trúc mưa mai
-Chắc rằng mai trúc lại vậy

-Một nhà sum họp trúc mai
-Ai đi đường ấy hỏi ai
Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm

Mai đi với hạc:

-Nghêu ngao vui thú yên hà
Mai là bạn cũ hạc là người quen
-Hỏi người mình hạc xương mai
Ở miền thị tứ tìm ai chốn này?

Mai đi với tuyết:

-Mai cốt cách tuyết tinh thần

Mai đi với liễu:

-Gió đưa liễu yếu mai oằn
Liều yếu mặc liễu mai oằn mặc mai

Mai đi với cúc:

-Nét buồn như cúc điệu gầy như mai

Mai đi với điều:

-Xem thơ biết ý gần xa
Mai hòa vận điều điều hòa vận mai

Vân vân. Còn nhiều nữa.

Đi tìm một nhánh mai, ai đã vỗ về đọc thơ đều cúi đầu khi gặp Mãn Giác thiền sư:

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai
(Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua, sân trước, một nhánh mai)

Ngài Tuấn Mỹ, đời nhà Thanh có câu đối tặng Phó sứ Việt Nam Nguyễn Tư Giản đã được truyền tụng rộng rãi:

Thập tải luân giao cầu cổ kiếm
Nhất sinh đê thủ bách mai hoa

Ca ngợi hoa mai, nhưng cái thần tình của câu đối nằm ở vế trên, chuyện thập tải luân giao. Ông Viên Linh đã dùng vế ấy ghi nơi hộp thư tạp chí Thời Tập xuất bản trước năm 1975 tại Sài Gòn. Hộp thư không chỉ ghi những bài đã nhận mà là nơi giao lưu giữa người chủ trương, tòa soạn với bạn viết, bạn đọc. Ông Viên Linh là người có tài làm hộp thư, nhiều câu trả lời dí dỏm, rất hay. Mở tờ Thời Tập tôi cũng như nhiều người trước hết đọc mục hộp thư.

Trong Vang bóng một thời, truyện viết về thú chơi thả thơ, ông Nguyễn Tuấn dẫn câu:

Mộ thượng mai khai xuân hựu lão
Đình biên hạc khứ khách không hoàn

Vẫn là mai đi với hạc. Vế dưới khiến ta nghĩ đến Hoàng Hạc lâu: Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản. Vế trên cho ta hình dung ra cảnh không phải sầm uất cũng không phải hoang sơ, một cảnh xuân thật độc đáo. Hoa mai nở trên mộ, nét xuân càng già dặn.

Lúc nhỏ, mỗi khi trời tạnh mưa, nhìn dấu chân mèo chân gà đi trên sân ướt, cha tôi hay đọc câu đối, tôi không biết của người hay của ai:

Võ hậu đình tiền, miêu túc mai hoa, kê túc trúc
Dạ thanh thiên thượng, tinh hình đạn tử, nguyệt hình cung

Về dưới bình thường: Đêm thanh, trên trời, những vì sao giống như viên đạn, mặt trăng giống như chiếc cung.

Về trên thật hay: Sau cơn mưa, trước sân, dấu chân mèo in hình hoa mai, dấu chân gà in hình lá trúc.

Cái nhìn của tác giả thật sắc sảo, kết hợp giữa hình ảnh thực tế gần gũi ngay trước mắt là dấu chân mèo, dấu chân gà với ước lệ của thi và họa: hoa mai và lá trúc.

* * *

CÁ HÓA RỒNG

Rồng là con vật đứng đầu tứ linh. Rồng là tượng trưng cho vua chúa. Trong dân gian thì rồng là hình ảnh của quyền quý cao sang. Bởi tính chất đặc biệt ấy nên cách nối tiếp vòng đời của rồng cũng khác hơn muôn loài. Có hai cách.

Cách thứ nhất là rồng mẹ đẻ trứng và nở ra rồng con. Họ nhà rồng rất tự hào về nòi giống mình:

Trứng rồng lại nở ra rồng
Liu điu lại nở ra dòng liu điu
(Ca dao)

Dân tộc ta cũng rất tự hào về cái truyền thuyết con Rồng cháu Tiên. Trong Giáo dục tạp chí do Nha Học chánh Đông Dương xuất bản trước năm 1945 có bài thơ tôi thuộc nhưng không nhớ tên tác giả. Xin trích mấy câu:

Cõi Nam riêng một góc trời
Hùng Vương gây dựng đời đời nghiệp vua
Phong Châu là chốn kinh đô
Chia mười lăm quận bản đồ mệnh mông
Trứng rồng lại nở ra rồng
Ngàn thu con cháu vốn dòng Lạc Long

Và:

Đường mây sẵn bậc leo lên

Rõ ràng lẫm miếu mẹ Tiên cha Rồng

Thế nhưng, nếu chỉ đẻ trứng thì liu điu cũng biết đẻ trứng. Nên rồng còn cách thứ hai là rồng do cá chép hóa thân mà thành. Sau khi thi thố tài năng bằng cách vượt qua ba tầng cửa Vũ cá chép được hóa rồng. Cũng như nơi cõi trần những sĩ tử vượt qua ba kỳ thi sẽ được tuyển chọn ra phụng sự đất nước. Việc cá hóa rồng tượng trưng cho sự thành đạt. Theo quan niệm xưa, thành đạt trước tiên là để báo hiếu, để đền ơn cha mẹ.

Rất nhiều loài cầm thú biết báo hiếu, ngay cả những con vật có tính xấu như con quạ, con dê. Trong bài thơ khuyên hiếu, cụ Phan Bội Châu nêu gương sẵn sóc và lễ nghĩa, như:

Quạ con mớm mồi lại
Dê con giữ lễ quỳ

Theo ca dao thì con rồng do cá hóa thân báo hiếu bằng sự thành đạt:

Một mai con cá hóa rồng
Đền ơn cha mẹ kéo công sanh thành

Đồng thời sự thành đạt này cũng đem lại những điều kiện thuận lợi hơn, có nhiều tiện nghi hơn trong cuộc sống để bù đắp lại công phu học tập rèn luyện:

Một mai con cá hóa long

Chín tầng mây phủ nằm trong da trời

Rõ ràng là đời đời, tiến lên giai cấp mới, tầng lớp mới, vinh thân phì gia. Thích quá đi chứ!

Có địa vị rồi thì phải thi hành phận sự. Công việc của rồng là làm mưa, hút nước từ biển đông lên, đem phun xuống cõi trần gian, khiến cho cây cối xanh tươi, rừng núi bạt ngàn, ruộng vườn tốt đẹp, con người và muông thú có thức uống, thức ăn, lấy nước làm sạch, tắm rửa, giặt gya, lau chùi vân vân. Nước là thứ tối cần cho đời sống muôn loài. Nhiệm vụ của rồng thật lớn lao.

Điều còn phân vân la ỏchẳng biết vì có đến hai nguồn gốc, cuộc sống của cộng đồng rồng có gì trục trặc không? Giữa loại rồng được nở từ trứng ra, tức là loại mẹ truyền con nối, một trăm phần trăm huyết thống rồng và loại rồng do cá chép hóa thành, tức là loại rồng ban đầu không có huyết thống rồng, chưa phải là rồng, nhờ tự thân phấn đấu ngày đêm sách đèn kinh sử qua ba kỳ thi được hóa thành rồng, loại nào giỏi hơn? Giỏi bằng nhau thì ông Trời đời đời có gì khác nhau không? Khi sai đi làm mưa Ngọc Hoàng có phân vân xét nét về nguồn gốc không, thường sai loại rồng nào, loại rồng nào làm việc có kết quả tốt hơn? Không thấy dân gian có một câu ca dao tục ngữ nào phản ánh khía cạnh này. Vấn đề vốn không có hay có mà không được nói ra?

Chỉ nghe dân gian trách người không chung thủy:

Trách ai ăn ở hai lòng

Đang chơi với phụng thấy rồng bay theo.

Nhưng đây đâu phải lỗi ở rồng. Lỗi ở kẻ xu phụ, hai lòng, chạy theo sự hấp dẫn của tài cán và quyền lực, thấy kẻ sang bắt quàng làm họ. Đó là chuyện thế thái nhân tâm. Chứ rồng luôn luôn ăn ở có nghĩa có tình, vẫn đến thăm người bạn đồng môn lạc đê năm nào, nên mới có câu: Rồng đến nhà tôm.

* * *

HỘT NGỌC TRỜI

Từ xưa dân mình sống bằng lúa gạo nên rất quý hạt lúa. Sau tết nguyên đán có lễ tịch điền, ở triều đình thì nhà vua, các hoàng tử, đại thần, ở tỉnh huyện thì các quan, ở làng xã thì các vị tiên chỉ, các bậc bô lão đích thân xuống ruộng cấy để khuyến khích mọi người chăm lo canh tác. Trong việc sử dụng lúa gạo thường tiết kiệm và cố gắng dự trữ càng nhiều càng tốt.

Thời bà nội tôi cầm quyền nội tướng gọi hạt gạo là hạt ngọc trời, khuyên con cháu không nên phung phí, chớ để vung vãi cơm gạo. Hạt lúa còn có thể đánh rơi, vì nó còn có thể mọc lên, có thể vươn khỏi bùn đất tiếp tục sống một thời gian nữa. Hạt gạo, hạt cơm khi bị đánh rơi thì bị dập vùi xuống bùn đất, hóa thành bùn đất. Bữa ăn bà không cho phép lũ cháu cời trần, vì như vậy là thiếu lễ, không tôn trọng bát cơm trời cho để nuôi ta sống, không tôn trọng hạt ngọc trời.

Thời mẹ tôi cầm quyền nội tướng thì bữa cơm trưa được nấu nhiều hơn, đơm phân trên ra một đĩa bàn lớn để riêng. Như vậy sẽ ăn hết phần cơm cháy trong hông nồi, không dư lại thành khô cứng vứt bỏ cho heo gà. Bữa nào nhiều thức ăn, ngon miệng hơn hoặc đói bụng hơn, ăn nhiều hơn sẽ dùng tiếp phần cơm để riêng này. Nếu còn, lúc xế

trong nhà có ai cần thì ăn thêm, vì thôn quê đâu có quà bánh gì. Hoặc là có một người lỡ đường ghé vào, gia đình có cơm ngay, dù thức ăn tạm bằng mắm muối.

Hồi trẻ tôi đi dạy ngoài Quảng, ở làng quê, ăn cơm tháng luôn tại nhà trọ. Bữa cơm dọn ở nhà trên chỉ có tôi và ông chủ nhà khoảng 60 tuổi. 60 tuổi lúc đó được coi là già rồi, bệ vệ, quyền uy. Nhà ông giàu có, lúa đầy bịch đầy bồ, nhưng chỉ có ông và tôi ăn cơm mùa , tức là cơm toàn gạo. Bà chủ nhà, con cháu, người làm ăn ở nhà dưới , cơm một nửa phần gạo, một nửa phần ghé độn bắp, khoai, sắn

Thời vợ tôi cầm quyền nội tướng, có lúc tương đối no đủ với cuộc sống công chức, nhiều bữa ăn bớt phần cơm thay vào đó bún bánh nem chả, có lúc thời bao cấp phải ghé độn nào mì sợi, mì bột, sắn lát và mít khô ở quê đưa xuống. Vợ tôi phải ngồi bên song cơm để phân phối đồng đều những hột ngọc trời , không để đưa ăn nhanh lẫn phần đưa ăn chậm. Xong lại phải phân phối từng củ khoai, trái chuối. Tôi nghiệp thay, những hột ngọc trời lúc này không được mài dũa, không được luyện kỹ lại thường hay quá hạn sử dụng, vỏ cám đã mốc, đã sinh sâu, đóng cục lại, hoặc rải rác có lũ một màu đen. Thế nhưng càng quý báu hơn xưa, càng treo cao giá ngọc! Cuốn sổ gạo là tài sản quan trọng. Thấy ai có nét mặt đau khổ, buồn bã, người ta gọi là mặt mắt sổ gạo .

Bây giờ, những tiểu gia đình tách riêng, đám con gái, con dâu cầm quyền nội tướng, đời sống chúng đời khác. Cơm chỉ là một phần chứ không phải món chính trong bữa ăn. Số lượng gạo cần hàng ngày hàng tháng ít đi, người ta đem tận nhà bán, tha hồ lựa chọn, không phải thức khuya dậy sớm, từ một hai giờ sáng đã sắp sổ đợi chờ. Xúc gạo nấu thì tùy tiện, không cần đong đếm bằng lon, bằng chén. Nhà không có heo gà, cơm thừa bỏ vào sọt rác, có khi vung vãi trắng sân, nói như người xưa là đổ như gieo . Đôi khi vui vui, kể những cổ tích về cơm gạo, cổ tích thật như chuyện hột lúa to bằng cái thúng, từ ruộng rẫy tự lặn về nhà và cổ tích mới là chuyện thời bao cấp chúng đã sống, chúng chỉ mỉm cười như nhau, không tỏ chút bận tâm.

Thế thì cũng đáng thương cho cơm gạo, dầu là hột ngọc trời số phận không tránh khỏi khi cao khi thấp, khi trọng khi khinh, khác nào số phận con người, dầu là những con người trong đầu óc chứa nhiều chất ngọc.

* * *

MÙA TRÁI RỪNG

Sau tiết vũ thủy thường có vài cơn mưa rồi trời nắng. Đến tiết cốc vũ rừng núi hay có mưa giông, chuyển sang lập hạ.

Những cơn mưa nuôi trái rừng sồn sột. Và nắng sưởi cho trái rừng mau chín. Mưa dai dẳng làm cho trái rừng hư thối. Nắng lâu quá trái rừng sẽ khô hép. Người dân miền cao nguyên, miền núi tuy không chăm sóc nhưng vẫn quan tâm đến trái rừng. Cũng theo đôi thời tiết, tỏ ra lo lắng mất mùa hay vui mừng với nhịp độ kết quả, già chín đúng kỳ.

Mùa trái rừng ở các huyện miền núi bắt đầu từ tết Đoan ngọ.

Dễ nhận thấy nhất là sim chín đầy những ngọn đồi, những trảng gò cao nguyên.

Muôn tắm mát lên ngọn sông đào
Muốn ăn sim chín thì vào rừng xanh

Rừng sim chưa phải là rừng xanh nếu hiểu nghĩa rừng xanh đi với núi đỏ, chỉ nơi xa xôi hiểm trở. Mới ngày nào hoa sim nở tím cả gò, cả trảng. Con ong đợi cho mặt trời soi khô hết sương đêm đậu trong lòng hoa mới đậu lên hút phấn. Giờ đây sim chín đen cành, trái sim mập tròn ú nước. Những trái còn vỏ đỏ dày chưa ngọt. Lốp sim non, xanh như màu cánh con chim xanh sẽ biến dạng ra hồng, ra đỏ rồi mới mọng đen. Ăn sim ngay tại gốc mới thích. Hái trái nào cắn trái ấy. Hàm răng trắng và đôi môi hồng sẽ tím một chút màu sim.

Bên cạnh sim là ổi nên người ta thường nói đi hái ổi hái sim. Ổi có loại cây cao quá với phải trèo lên hái, có loại chỉ thấp vừa tầm tay. Có loại trái ruột màu đỏ hồng trẻ con gọi là ổi chề, loại ruột trắng gọi là ổi xôi, ổi nếp, loại ruột vàng gọi là ổi sấp. Loại ổi com dày thì com ngon, com mỏng thì ruột ngon.

Trái trám cũng làm cho răng tím và môi tím. Trám trâu trái bằng đầu ngón tay. Trám sẽ chỉ bằng mút đũa con. Trong trảng tranh để cây chòi mời thường mọc xen với cây trám. Chòi mời trâu cao gần như trám. Chòi mời sẽ vừa tầm người đứng, mỗi chùm trái cầm gọn trong lòng bàn tay. Cây măng quân đầy gai. Trái măng quân tương tự trái nho. Măng quân mọc từng bụi trên gò cỏ, bụi này cạnh bụi kia, cứ đi quanh bụi mà hái trái.

Chim chim, múi dẻ ra từng chùm, trái chim chim chín màu đỏ tươi, trái múi dẻ chín màu vàng đất. Hoa múi dẻ về chiều thơm nồng nàn. Dọc theo bờ suối thì có những cây bứa, như là măng cụt thứ cấp, trái hơi dài, đuôi hơi nhọn, khi chín vỏ màu vàng khá tươi, ngọt thanh và thơm, những cây quèo thuộc họ xoài còn nguyên chất hoang dã, chua thật là chua.

Còn trái sặc, có thể so sánh với loại trái vườn nào đây? Ngọt ngọt, lợ lợ. Nhưng mà, ở mỗi hoàn cảnh con người còn có giá trị riêng, huống hồ là trái rừng. Trái giầy trông khô khan, không được đẹp lại là loại giải khát rất tốt, giúp những người theo trâu bò cả ngày lội bộ khắp nơi hoang dã

Có loại trái rừng phải khổ công lên tận núi cao mới hái được là trái xay (xoay?), trái ư (ươi?). Trái xay làm món ăn vui, bên ngoài vỏ mịn như nhung, bên trong com hơi khô, hơi dai, chua chua. Hột ư đem ngâm nước, phần com nở ra màu nâu đậm, trộn với đường làm thức giải khát. Nước hột ư, nước hột é là hai món giải khát bình dân của vùng quê.

Sự đối xử của con người với trái rừng cũng có trọng, có khinh. Như trái dôm, hình dáng và kết cấu không khác trái vú sữa, lúc nào cũng sai đến trĩu cành, chỉ tội là kém hương vị, ngọt ít chất nhiều. Trẻ chăn trâu bò hái trái dôm già dùng gai thò lỗ xâm cho bốt mũi, đem giú trong bụi, vài hôm sau lấy ra, phần ăn, phần vứt bỏ. Nào có tiếc chi, vô tận của rừng.

Xét về màu sắc thì trái lót đẹp hơn cả. Càng chín càng đỏ tươi, càng đỏ tươi càng ngọt. Hột lót hơi dài, hai đầu nhọn, giống cái ngòi chai vắn lên xuống được của cây bút máy hiệu Kaolo, một trí thức một thời 1940. Trái lót chín vào cuối mùa thu. Có lẽ vì thế Trời Đất ban cho nó màu sắc đẹp để tô thắm núi rừng vào lúc đã hết hoa, hết quả, lá vàng sắp rụng, chờ lớp lộc mới nảy ra thay thế.

Mùa trái rừng nhiều chợ phiên dành hẳn một khu vực như là hàng trái rừng. Từ các chợ vùng cao như chợ Đồn Vân Hòa, chợ Củng Sơn đến các chợ vùng cận sơn và trung du như chợ Thái Long, chợ Phong Thái, chợ Sơn Triều, chợ Đèo, chợ Mới, chợ Phiên Thứ trái rừng đựng trong ki, trong thúng, trong giỏ. Đó đây trong chợ, chút hương rừng phảng phất nhẹ nhàng

* * *

CHIM RỪNG

Mùa trái rừng cũng là mùa chim. Chim di thể về đây ăn trái. Người dân quê được hưởng hai cái thú: được niềm vui và được hưởng miếng ngon. Chuyện nhử chim nhiều người ca ngợi, nhưng có vẻ phong lưu đài các quá, lại bị coi là một trong bốn cái ngu trên đời. Rập chim, còn gọi là đánh chim, sinh động, dân dã và kết quả thực tế nhiều hơn.

Chim ăn từng bầy trên cây : chim gằm ghi, chim áo dà, chim luồn, chim xanh, chim ngói, chim đất. Chim gằm ghi lớn hơn cả, mỗi con bằng bắp chân, bụng xám, cánh và đuôi pha chút màu xanh đậm hơn, mỏ khá cứng. Chim áo dà lưng màu đà, hơi giống con bìm bịp, nên có nơi gọi là chim bịp. Nhỏ nhất là chim xanh, phân biệt thành ba loại theo màu lông: chim xanh có bộ cánh và lông xanh đậm, bụng nhạt hơn, chim kéc màu xanh lục, chim ngựa thêm lớp lông hồng lông tía nơi ức. Có vóc dáng trung bình giữa chim gằm ghi và chim xanh là chim ngói màu sắc hơi giống chim áo dà, chim luồn màu sắc cũng đẹp như chim ngựa. Chim đất tức là cu gáy, cu cườm, cũng bay từng bầy, sà xuống cả ruộng lúa chín, đất thổ mới rắc.

Từ phương xa những bầy chim đã trở về. Chim ăn trái trám, trái chồi mòi, trái mét, trái da đá, trái sung, trái sồi. Một ngày nắng như thơm hương vàng sắc chợt thấy bóng dáng cánh chim, người đi rập vội vàng coi lại bộ rập và đi dọn ứ. Buổi sáng, buổi chiều chim bay đi ăn theo lòng thung lũng. Ứ rập chim được đóng rải rác theo sườn đồi hai bên. Người đánh chim buổi mai phải trái rập xong trước khi phương đông ửng hồng. Ngồi trong ứ, qua kẽ lá nhìn thấy suốt từ xa. Một chấm nhỏ xuất hiện trên nền trời: con chim đó.

Phải ít nhất một lần đi rập chim mới biết được hết cái cảm giác say sưa khi nhìn chim bay. Giữa cái yên tĩnh, trong lành, cơn gió mai thoang thoảng, có khi màn sương còn đọng, chợt thấy những đôi cánh nhỏ chập chới. Đàn chim bay lặng lẽ, không vội vàng, không e dè, cứ nhón như vỗ cánh.

Dù đã bắt được bao nhiêu con chim, người đi rập vẫn thấy run lên, hai tay giật dây mồi lia lia. Lũ chim mồi chập chới. Đồng loại trên cao tưởng đâu là cảnh vui đùa cùng trái chín, vòng lại. Có khi đàn chim lao thẳng đường tên. Tiếng gọi của bạn bè bên dưới qua đôi cánh chập chới hấp dẫn quá, nào phải vì một miếng ăn tham! Có khi chúng còn biểu diễn thêm một đường lượn tuyệt vời. Những lúc ấy nếu trời hừng nắng, lưng và ức con chim ngựa chói ngời rực rỡ, cánh xám con gằm ghi lấp lánh màu bạc. Bầy chim vừa sà xuống nhẹ nhàng thì hai cánh rập úp lại. Những con chim xanh hiền lành, mấy ngón chân đỏ hồng như chưa bao giờ dẫm lên bùn đất. Lũ gằm ghi dữ tợn, bộ móng màu xám chì bầu mạnh, cánh đập phành phạch. Nhưng thôi, hết rồi con đường đi trú với muôn ngàn hoa lá còn đâu nữa !

Trong các loại này thịt chim gằm ghi ngon hơn hết. Nhỏ lông xong ram lên lửa than hồng, thân chim thơm mỡ, mập căng ra, đã nghe mùi thơm và đã cảm thấy các tuyến nước bọt làm việc rồi. Thịt chim nấu ngọt, kho mặn, xào với thơm tươi, măng tươi. Đơn giản nhất là nấu với các loại lá rừng như lá dít, lá dang cũng đủ ngọt ngào. Thịt chim băm nhỏ, gia vị, tào dầu mỡ nấu xôi hoặc nấu cháo. Ấy là món đặc sản người dân Sơn Hòa mừng bạn bè phương xa đến.

Chim ăn dưới đất loại lớn có con đa đa, loại nhỏ có con cút. Cút chỉ lớn bằng cán dao, sống ở đồi cỏ, cây thưa và thấp, khi đồng lúa gặt xong lúi vào ruộng gò lượm lúa đổ.

Một con cút nhỏ chớ nổi một trái đu đủ lớn , người dân quê nói vậy vì một con cút bé xíu nấu với cả trái đu đủ vẫn dư sức ngọt. Con cút sống ngoài lùm ngoài bụi thưa thấp, đuôi ngắn nên không bay xa được, chỉ giỏi chạy và lúi, gần gũi với trẻ con trong những câu hát:

Một mai cút lúi bụi cà
Cậu Ba đòi vợ sao bà không lo ?

*

Con cút cụt đuôi
Ai nuôi mày lớn?
Dạ thưa thầy (bà) con lớn mình con

Tại sao nó cụt đuôi? Chuyện kể rằng : Một hôm con cút thân thơ trên đường, thấy một nhà sư, nghĩ rằng đó là con người thánh thiện, cút chẳng đề phòng, thế là bị nhà sư chụp được. Nhưng may thay, nhà sư chụp đằng đuôi và chòm lông đuôi sút ra, cứu mạng nó. Nhà sư dụ dỗ :

Con cút cụt đuôi !

Lại đây tao trả lông đuôi cho mầy

Lần này, rút được kinh nghiệm xương máu, biết rằng đã gặp hổ mang cút xin thưa :

Thôi thôi, tôi trả ơn thầy

Còn da lông mọc, còn chồi lên cây

Thế nhưng còn da mà lông không mọc được và cho đến bây giờ con cút vẫn là con cút cụt đuôi.

Chim đa đa còn gọi là gà com cát vì tiếng gáy của nó : chát cha chát chát cha cha với sự tích : Ngày xưa có đứa bé mồ côi mẹ, cha nó tục huyền, bà dì ghẻ khắc nghiệt, thường trộn cát vào com cho nó ăn. Mỗi ngày lượng com ít đi và lượng cát tăng lên, đến một hôm ăn không được nữa, đứa bé ngã ra chết, hóa thành con chim kêu lên những tiếng thảm thiết xé lòng : Xúc com cát trả cho cha xúc com cát trả cho cha Đó là con gà com cát. Gà com cát cũng kém chuyện bay xa, thường xuống ăn ven ruộng, ăn trái gạc nai tròn như viên bi. Người ta dùng chim mồi, giăng lưới dẫy săn gà com cát. Chúng thường sống trong các lùm cây đa đa là loại cây thấp có nhiều gai để tránh chồn cáo, do đó có câu hát mở đầu là : Chim đa đa đậu cành đa đa

Chim ăn dưới ruộng, đầm nước, ao vũng thì có chim cuốc và chim giẽ. Nhỏ hơn chim giẽ có các loại óc cau, tăng hăng. Vì vậy những con người nhỏ nhen thường bị gọi là hạng tăng hăng tu hú ừ. Câu bài chòi vui có nhan đề Trách thân thì ví : Anh bây giờ như con cuốc kêu tu-hoa, nó lẻ đôi nó lẻ bạn, úy chui cha là buồn !

Con cuốc kêu tu-hoa lẻ đôi lẻ bạn buồn thật. Con gà com cát (đa đa) được Bà Huyện Thanh Quan gọi là gia gia để đối chình với con cuốc là quốc quốc :

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc

Thương nhà mỗi miệng cái gia gia

Ai đã đi qua những đoạn đường tranh đá vào buổi trưa nắng vàng lóa mắt nghe tiếng kêu của chim đa đa mới cảm thấy trong bài thơ Thanh Quan đắt nhất là hai tiếng mỗi miệng .

Nói chung các loại thịt rừng, chim cũng như thú, không bao giờ được rửa bằng nước lã, nó sẽ thành nhàn nhạt. Và, nếu đem các loại rau thơm trong vườn nêm cho thịt rừng (cả chim rừng và thú rừng như nai, cheo) thì đó là sự phối hợp cưỡng ép. Thịt rừng phải nêm bằng đợt non cây sần, loại có gai giống như cây móc mèo, có mùi thơm của trầm của quế mới là đúng điệu.

* * *

ĐÔI CÁNH ĐỂ BAY

Bây giờ, ở thành phố, thị xã thường được nghe tiếng chim kêu. Những con kéc, những con khướu, con nhồng, con sáo, con cường, con chìa vôi, con chốc mào trong những chiếc lồng đủ kiểu, thi nhau cất tiếng, đem chút màu sắc thiên nhiên về cho không gian phố phường.

Những người sinh ra, lớn lên ở thành thị mê thú chơi chim như thú chơi hoa, cây cảnh, cá cảnh, đi uống cà phê sáng, xách theo cái lồng chim treo gần kề, thường thức lời chim, có vẻ bằng lòng lắm. Những người sinh ra, lớn lên ở thôn quê, ít nhất có nửa cuộc đời tai nghe chim hót véo von trong chòm cây, mắt trông bướm lượn trên đám cỏ xanh như Quốc văn giáo khoa thư miêu tả, thì cũng đỡ ghiền.

Đỡ ghiền thôi, vì chim trời cá nước mà bắt giam nó lại thì cái hay của tiếng hót kia, cái đẹp của thể bơi kia chỉ còn một phần nhỏ, giọng ngàn vàng ấy lẽ ra phải đến muôn vàng.

Buổi sáng, vừa hứng nắng, trên ngọn cây đầu ngõ, góc vườn, chợt một con chim nghệ xuất hiện. Bộ lông mượt vàng thêm óng ánh sắc trời hồng. Chùm trái chín mọng kề bên nhưng nó không để ý, lơ đãng chuyèn cành rồi ngẩng đầu nhìn lên tầng cao cất tiếng hót. Nó ngứa cổ hót chơi chăng? Bởi vì, nó đâu có chú ý hót cho trời đất, mây gió, cỏ cây nghe. Ta cũng lắng tai nghe nhờ, lòng rộn rã niềm vui.

Buổi trưa, đi qua đoạn rừng chồi. Con te te hoảng hốt bay lên cao báo động. Và những bầy bồ chao, bên này, bên kia, phía trước, phía sau kêu rộ lên, ồn ào. Đi nhiều người sẽ thấy vui. Đi một mình không khỏi sợ sệt vu vơ, vì cái im lặng đột nhiên bị phá vỡ, đây tiếng chim như thế là an hay nguy? Có mối đe dọa nào rình rập gần đây không?

Buổi xế, nằm chơi nơi vệ cỏ dưới gốc cây to, giờ này nắng càng sâu thẳm và làm cho nắng sâu hơn là tiếng chim cu gáy. Cù cu, cù cu Ta nhận ra con này giọng kim, con kia giọng đồng, con nọ giọng thổ. Có con kéo dài ra tình tứ, mời mọc. Có con gằn xuống, gầy đoạn, thách thức. Ở đồng ruộng thì những con chim giẽ gáy vang. Chỗ này gọi re re chỗ kia đáp lại re re Nghe tiếng réo nhau thúc giục, giẽ băng qua bờ ruộng chạy đến. Trong khung cảnh nắng vàng gió mát ấy, người quen tai phân biệt được tiếng con giẽ gù, tiếng con giẽ rần thích thú đến ngất ngây.

Xâm xảm tôi là lúc những bầy chào mào về tìm chỗ ngủ. Chúng bay từng bầy, rất đông, vừa bay vừa kêu xao xác, vòng đi vòng lại nhiều lần rồi chọn một chòm cây hạ cánh. Bỗng một con bay lên, cả bầy bay theo, lại lượn vòng, xao xác. Ba bốn lần như thế mới chọn được chỗ nghỉ cánh.

Còn nhiều cảnh nữa. Cái thú chơi chim của người thôn quê là cái thú trời ban, không tốn kém chút gì. Người ta đem chim, cá vào câu hát câu hò, thách đối:

Chim chìa vôi bay qua rẫy thuốc
Cá bả trầu lội dưới nương cau

Để cho đỡ ghiền, tôi cũng bắt chước thiên hạ nuôi một con chào mào, cho nó ăn đủ loại trái cây và thức ăn mua về, tiếng hót trong lồng nghe cũng vui vui. Một hôm người nhà bảo rằng con chim rất khôn, quên đóng cửa lồng, nó chui ra ngoài, đứng yên một lúc rồi chui vào.

Tôi cũng nghĩ: Con chim khôn thật. Nhưng chắc đồng loại của nó nơi rừng núi kia không đồng ý với tôi. Khôn hay dại tùy theo tâm thức chủ quan và mỗi góc nhìn.

Lại nghĩ: Có lẽ con chim quên rằng nó có đôi cánh. Và quên luôn đôi cánh là để bay.

* * *

MÙA MẬT ONG

Tháng tư.. Vài con giông đã qua. Rừng núi một lần nữa tăng thêm sức mạnh, đua nở trăm hoa. Nắng dài ngày cho mùa lấy mật.

Ong ruồi, ong thê đóng trên cành. Ong ruồi bé nhỏ, hiền lành, tổ cũng nhỏ, mật vào loại quý. Ong thê hung dữ, tổ lớn hơn. Ong bông đóng tổ trong hốc cây, ong lỗ đóng tổ dưới lòng đất.

Trăm hoa cung cấp mật cho ong. Hoa sim ở gò, ở trảng, xen lẫn cả trong tranh đá, màu tím đậm. Hoa chàm màu trắng cánh tím. Hoa bằng lăng màu tím nhạt. Hoa sồi, hoa giấy, hoa lành ngạnh màu sẫm. Dây cỏ rùa cũng có nhiều hoa cho mật.

Tháng năm, tháng sáu mùa mật rõ. Người lấy ong mang gói com, bầu nước và cái mo cau chằm hình chữ nhật, chờ ở bờ suối, ở các vạt rừng. Mỗi bước đi ngẩng lên nhìn trời, nhìn mây, tìm một lần chỉ giăng ngang.

Mặt trời đã lên. Quay lưng lại mặt trời. Căng mắt lên nhìn theo hướng đông tây mà theo dõi. Nắng trong ngần, trong suốt. Mây trời trắng nõn như dán vào mắt, lướt trên tấm lụa xanh. Một điểm thấp thoáng xuất hiện trên nền mây và vụt tắt : một đường ong bay. Thêm một đường ong bay. Con ong mắt hút trên ngọn cây ấy. Tìm đến và chờ đợi. Lại những đường ong bay. Con ong lại mắt hút. Cứ như thế người lấy ong căng mãi mắt ra, đánh dấu, đi tới. Cuối cùng, đường ong không còn tí trên cao nữa, đã tìm thấy tổ ong.

Xem thế cây và chiều gió xong, bó một trái khổi. Tranh khô bên trong, lá cây tươi bên ngoài. Tranh khô cháy nhưng lửa không đủ thoáng để bùng lên, lửa ngùn vào lá tươi xông khói mù mịt. Ong không chịu được khói, lá tả rớt xuống. Phải xông từ từ. Nếu xông nhiều khói quá ong đùn cục rớt xuống, có thể trúng người, người bị ong đốt. Bây giờ gạt những con ong còn lại, cắt lấy tổ cho vào thùng mo. Vài con ong say khói, bò lê lét trên tổ, mật dính vào cánh không bay lên được, trông chúng thảm thương như những người lính bại trận để mất đồn lũy.

Mật ong tươm ra keo kết trong thùng mo. Bẻ lấy một miếng con non chằm mật cho vào miệng. Con non bùi ngậy, mật ong ngọt thanh. Miếng bã sáp đã nhai không bỏ. Sáp sẽ nấu đổ thành chén vàng mịn. Một thời các nhà giàu tranh nhau hơn kém ở bộ đèn thau lớn, cặp sáp cắm trên đó cũng phải lớn, phải loại sáp thật vàng mới xứng. Thời nhà Nguyễn các tỉnh phải nộp về triều đình mật ong và sáp ong. Sáp ong còn được dùng nộp thay ngà voi và sừng tê.

Trước năm 1975 ở Phú Yên có những chợ như chợ Phiên Thứ, một chợ trung chuyển giữa hai vùng đồng bằng và miền núi có mặt hàng đặc biệt là những tổ ong còn

nguyên, đầy mật. Người mua hoàn toàn yên tâm, tin cậy, không lo sự mua lầm mật pha, mật giả.

Loại ong độc không có mật là ong vò vẽ, cũng cho ta món ăn ngon. Đốt tổ ong, lấy những con non đem xào làm thức nhắm.

Ong có ích với người như thế, tiếc là công lao của nó không được ghi nhận đúng mức. Lời đàm tiếu là lời ong tiếng ve. Việc làm rất chính đáng là bắt hoa làm mật nhiều khi giúp các loài hoa đơn tính thụ phấn kết quả lại bị đem ví với hành động không đúng đắn:

Vườn xuân hoa nở đầy giàn
Ngăn con ong lại kéo tàn nhị hoa

Hình ảnh con ong dưới mắt cụ Tiên Điền cũng không tốt đẹp. Trong truyện Kiều 8 lần nói đến ong thì 6 lần ong bị kết tội lăng loạ phong tình;

-Tường đông ong bướm đi về mặc ai
-Con ong đã mở đường đi lối về
-Sợ khi ong bướm đái đàng
-Biết bao bướm lả ong lơi
-Thân sao bướm chán ong chường bấy thân
-Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa

Một lần ví với thân phận thấp hèn:

Con ong cái kiến kêu gì được oan

Chỉ có một lần tả sự hội ngộ đắm thắm:

Hoa xưa ong cũ mấy phen chung tình.

Người nổi tiếng công bình chính trực như cụ Đồ Chiểu thì gán cho con ong vào thảo khấu, gọi bọn Phong Lai là lũ kiến chòm ong.

Cuộc đời là vậy, biết sao! Nhưng ai nói gì thì nói, loài ong cứ lạng lẽ làm mật dâng đời.

* * *

BỮA CƠM NHÀ QUÊ

Người bạn cứ xuýt xoa, áy náy về sự thiếu thốn của căn nhà nơi vùng đất mới. Tôi thì ngược lại, lấy làm thú vị. Nhờ vậy tôi được ăn bữa cơm nhà quê đúng nghĩa.

Bữa cơm được dọn ngay trên nền nhà đất nện dẽ, phẫng lì, mát rượi. Ở đây tôi nghe được hơi đất quen thuộc như chút nghĩa cũ càng. Tôi hiểu: hoài niệm tức là nệ cổ, bảo thủ. Và người ta hay cho rằng ai đến tuổi già cũng nệ cổ, bảo thủ.

Cả nhà ngồi quanh mâm, trên mấy chiếc đòn. Có chiếc gồm ba miếng gỗ mỏng ghép lại. Có chiếc là một lóng tre mỡ lớn, chẻ đôi. Cơm nấu trong nồi đồng, có hông, chứ không phải soong nhôm. Thức ăn toàn là cá đồng. Gia đình bạn còn giữ đúng phong vị nhà quê.

Canh chua cá trê nấu với lá dít. Con cá trê với cái đầu dẹp cũng có một sự tích dân gian. Ngày xưa, trong trận chiến với Sơn Tinh, Thủy Tinh huy động toàn thể quân đội, hợp đồng hết các binh chủng. Hai loài cua và cá trê là hai lực lượng xung kích xông xáo nhất, bởi có vũ khí lợi hại là càng cua và ngạnh trê. Thủy Tinh thất bại, những tù binh cua và cá trê chịu sự trừng phạt nặng nhất. Cua bị mất đầu, chỉ còn đôi mắt lấp ghép, khi cần nhìn phải vênh lên, không được phép đi thẳng tới, phải đi ngang và bị phát văng

khắp nơi. Vốn quen sống ở biển, bây giờ phải ở ruộng thành cua đồng và ở hang suối thành cua đá. Cá trê thì bị đập cho dẹp đầu, mãi mãi phải chui rúc dưới bùn đen, chẳng được thông dong bơi lội nơi nước trong cát trắng.

Cá trê nấu với lá me đất thì tuyệt vời. Nhưng lá me đất quá ít nên nấu với lá dít cũng hào hạng, hơn cả lá dang, lá me. Thịt cá trê trắng và mềm. Lá dít dùng tay vặn, không dùng dao xắt, trong vị chua có cái thanh cái ngọt. Bỏ thêm một ít hạt tằm để có một ít chất bột tiết ra làm cho nước canh phần nào hơi dẻo, hơi đục. Phải bỏ tằm để nó kịp chín với cá trê. Bỏ gạo thì không kịp chín, lại tạo cái cảm giác hình như hạt cơm thừa rơi vào.

Đối với dân quê, con cá trê nhỏ quá không ngon, lớn quá thì bị chê bảo rằng với độ tuổi ấy nó sống nơi mờ mịt. Trong văn học, tiểu thuyết Trường đời của Lê Văn Trương có một đoạn tả trong ao tù trường giả tác giả mạt sát những con trê, con rô béo mỡ. Cả hai trường hợp đều đáng tội nghiệp cho loài cá trê. Quanh năm chui rúc dưới bùn đen, chúng có dịp nào để lên mặt múa men vùng vẫy đâu!

Trong một đĩa lớn bên cạnh, chú cá tràu um ỉn mình trong những sợi chuối non xắt nhỏ, điểm xuyết có rau ngổ điếc, mấy cọng ngò xanh, những lát ớt đỏ. Cá tràu trong Nam gọi là cá lóc, ngoài Bắc gọi là cá quả. Còn lại là cá trôi nướng, cá trắng kho. Cá trôi, đến mùa lụt từ sông lớn ngược dòng lên đồng ruộng. Xương cá hơi cứng nhưng thịt béo. Cá trắng có hai loại, cá trắng rần và cá trắng chỉ sống ở suối và đồng ruộng. Trã cá kho có chút ớt bột màu đỏ, chút nghệ bột màu vàng và lá gừng non còn cuộn kèn thơm nhẹ. Lại còn cá rô chiên, từng chấm mỡ còn sôi trên từng chiếc vảy. Chưa ăn đã biết rất giòn. Chén nước mắm chỉ dầm trái ớt hiểm đỏ thắm và xanh tươi

Tôi nghĩ: Ngày xưa khi Phùng Huyền đến làm khách nhà Mạnh Thường Quân, ban đầu phải gõ bát lên than rằng: Về đi, về đi, ăn cơm không có cá! . Ôi, một bậc kỳ tài đến giúp đúc cho một vị giàu có nhất nhì đất nước Trung Hoa cũng chỉ mong muốn và đòi hỏi sự đãi ngộ là ăn cơm với cá ! Tôi, một kẻ thô lậu, sinh trưởng ở nơi cùng tịch về làm khách bạn nhà quê, không mong mỏi và đòi hỏi gì đã được đãi ngộ ăn cơm với cá .

Gẫm ra, mình vẫn có chỗ hơn cỗ nhân chứ!

* * *

BÁT CANH XANH NGÀY MƯA

Mùa mưa. Mưa rả rích, liên tiếp. Có khi giữa khuya, có khi gà gáy, giội lên vài cơn mưa nặng hạt ào ào. Mưa nồm.

Trời lạnh tê cóng bàn tay khi vo cơm, nhức cả hàm răng khi súc miệng. Sáng sớm, dậy thật sớm đi tìm nồm. Mang chiếc áo toai lá, nón mê đội đầu, lẩm lủm gió ngược muốn xô lùi bước chân, nhưng đâu có ngại gì. Gò cổ mênh mông như mênh mông thêm, một màu bạc trắng. Những vũng nước nhỏ gọn sóng. Đôi mắt căng lên, như sáng hơn, lạnh lợi hơn, nhìn quanh quất đó đây.

Nồm khoang, có chỗ mọc nhiều, có chỗ chỉ năm ba cây. Trên tai nồm màu mốc xám phớt nhẹ, óng ánh. Nồm lửa có khi chiếm cả khoảnh gò rộng bằng mặt nong. Một chút đỏ, một chút cam, một chút nâu, pha trộn thật đều thành thứ màu sẫm đậm nơi chóp đỉnh và nhạt dần ra.

Người bình tĩnh nhổ từng chiếc nắm xỏ vào dây thành râu. Có người quá ham, lẫn xỏ vào, cào cấu đến gãy nát mà không nhổ được tai nào nguyên. Lời tục dân gian bảo : Ham như ham nắm là vậy. Họ bảo, chỗ nào bị cào cấu như thế sang năm nắm sẽ không mọc nữa. Đi nhổ nắm với những ai có tật ấy, người kia thường thủ một đoạn cây ngắn như chiếc thước kẻ, thấy bạn cào cấu thì khễ mạnh lên tay bạn như thầy giáo khễ học trò, cảnh cáo, bắt dừng lại. Ham nắm ? Chuyện cũng lạ. Nắm có gì đáng ham hơn những thứ khác ? Sao các thứ khác không khiến họ ham đến độ phải biểu lộ một cách nồng nhiệt, rồi rít đến tai hại như thế ? Dân gian còn tin tìm nắm cũng giống như câu cá, rập chim. Người không sát nắm lợi gò cả buổi, hai hàm răng đánh bò cạp, đôi môi thâm tím mà không thấy được tai nào. Người sát nắm thì đi việc gì đó không hề có chủ đích kiếm nắm thế mà lũng lảng mấy râu quàng trên cổ như mang vòng hoa chiến thắng, lại còn mấy râu xách nơi tay.

Nửa cũng mọc trong mưa. Nhổ nắm rồi về vào vườn nhổ nửa. Nắm được xé ra, theo những sợi trên tai và dưới chân. Nửa lột bỏ lớp vỏ lụa bên ngoài, cắt thành từng đoạn hai lóng ngón tay. Có được một nồi canh xanh trong đó có hai món chính là nắm và nửa. Một nồi canh ăn ngon và không tốn tiền, không cá thịt vẫn đầy đủ vị ngọt.

Mới đó mà đã trưa, con gà cồ đứng trên đồng rom gáy vang nhắc nhở. Bữa cơm dọn ngay bên bếp lửa đun bằng mấy cây củi gộc to. Cả nhà quây quần lại. Cơm gạo trụng kiến, hột dài, trắng ngần, thơm nhẹ mùi lá dứa. Chén mắm thơm mới xé còn đọng mật trộn với ngò tàu già ớt tươi. Canh mướp trong tô lớn, chưa nếm đã biết tai nắm bùi bùi, chân nắm dai dai, thân nửa nhuyễn ra chất nước keo như có khuấy chút bột huỳnh tinh, màu sắc vẫn không hề phai nhạt. Những sợi nắm trắng, những đoạn nửa xanh, mấy lát cà chua đỏ, vài ba bông bí vàng lẫn với nụ bông giờ tím nhạt. Cộng ngổ điếc mập tròn bên cạnh cộng ngò mảnh khảnh Nhìn từng hạt mưa gieo đều đều trong con, tận hưởng giây phút nhàn nhã với bát canh xanh cùng nhấm tính những việc sắp tới phải làm, ngày mai, ngày mốt

Cái hạnh phúc của người nhà quê là vậy

* * *

MÙA MƯA VÀ CHIẾC ÁO TƠI LÁ

Mùa đông, mưa và gió, ướt và lạnh, gây nhiều trở ngại cho công việc của bao nhiêu người. Mùa đông không phải là mùa ít công việc hơn những mùa khác, thành ra người ta phải làm việc trong cảnh mưa gió dầm dề, dai dẳng. Nhiều người thay vì gọi mùa đông gọi là mùa mưa. Đúng ra thì mùa mưa là cao điểm của mùa đông.

Vào cái thời văn chương quốc ngữ mới bắt đầu, ở mỗi bài văn, quyển sách các cụ thường nêu tên hiệu trước tên chính một cách trịnh trọng, như: Ưu Thiên Bùi Kỳ, Đàm Xuyên Nguyễn Phan Lãng, Nông Sơn Nguyễn Can Mộng, Bru Văn Phan Kế Bính, Song An Hoàng Ngọc Phách v.v. Cụ Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến có tùy bút Mưa dầm vui cho ai? Mưa dầm buồn cho ai. Lúc chúng tôi đi học phải thuộc lòng những bài văn theo lối biên ngẫu này. Và một ngày mưa gió thầy đã gọi tôi lên đọc Mưa dầm cho cả lớp lắng nghe.

Có hai cảnh mưa dầm vui và hai cảnh mưa dầm buồn. Cảnh vui của kẻ quyền chức giàu sang. Còn cảnh buồn, ấy là người đang thi hành công vụ nơi quan sơn nghìn dặm, ra lầy vó ngựa, vào ướt bánh xe, gội gió tắm mưa, chân trời góc bể rồi thì chạnh lòng tha

huong cổ quận, đường đi lối lại ngôn ngang, nghĩ ra ngõ lợi đường danh, gót mỗi chân chồn chán ngán ! Và cảnh nhà nghèo củi đun bị ướt, mớ tắt mớ đổ nhập nhèm, con trẻ cần nhần, cha già gắt gông . Tác giả kết luận: Như thế thì cảnh mưa dầm càng buồn và càng thâm thảm vậy! .

Đọc như thế nhưng chúng tôi không thấy có chút gì là buồn chán thâm thảm, trái lại thấy vui vui vì nhịp đối trong câu văn và tưởng tượng ra cái cảnh đường xa gập ghềnh xe ngựa dưới mưa, có vẻ người hùng lẫm, thật đáng mặt giang hồ lữ khách! Ở thôn quê hầu hết nhà nghèo nhưng không có cảnh củi đun bị ướt mớ tắt mớ đổ nhập nhèm, trái lại bếp đun bằng củi gộc to như bắp chân người , đổ rục suốt ngày đêm. Dầm mưa cho đã rồi chạy về ngôi ấm, đặt hai bàn tay gằn sát vào lửa, chà vuốt lên khuôn mặt lạnh, rồi nướng bắp, lùi khoai, rang hạt mít, vừa ăn vừa trò chuyện rôm rả.

Hàng ngày đi học chúng tôi mang chiếc áo toi chằm bằng lá buồn. Gọi là chằm áo toi, cũng như chằm nón, chứ không phải may. Và mang áo toi chứ không phải mặc. Chiếc áo toi lá thô kệch, mang vào, đầu đội nón, trông như con kên kên, nhưng bảo đảm không hề bị ướt, và thật ấm. Mưa tạt phía nào che phía ấy. Mưa xối xào xào trên nón, trên toi nghe càng vui tai. Cứ như thế ủa nhau thi nhau chạy trên những đoạn đường đất thịt nhờ nước mưa gội rửa dễ chắc, sạch bong. Qua mấy trảng gò cỏ tươi xanh mượt, có những vũng nước đọng bằng cái nong, cái nia, sâu đến dưới đầu gối, cả bọn túm hai mí áo toi lại, băng ào qua, nước tung tóe hai bên. Đứa này reo: ra lấy vó ngựa, đứa kia tiếp: vào ướt bánh xe, đứa khác: gọi gió tắm mưa, đứa khác nữa: chân trời góc bể, bây giờ thành đồng thanh: chạnh lòng tha hương cổ quận - đường đi lối lại ngôn ngang - nghĩ ra ngõ lợi đường danh - gót mỗi chân chồn chán ngán . Cứ như thế vừa reo hò, vừa rượt đuổi, vừa té nước Thích thú vô cùng!

Áo toi lá còn đặc dụng với những người đi cày, đi bừa, đi cấy, chụp nôm, đứng nhá, bơi sông, chăn trâu bò . Khi cần, ta ngồi xuống, úp nón bên trên, áo toi lá che chở ta như một pháo đài nhỏ. Thu mình trong đó, người lớn thì rít một hơi thuốc lá đậm đặc sáng khoái. Trẻ con thì trái chuối chín, khúc sắn luộc, nhân nha hương vị ngọt bùi.

Câu đố dân gian có nhiều câu rất mượt mà, rất trữ tình nói về áo toi. Các nhà thơ tầng lớp trên thì ít nhắc đến nó, có lẽ do không gần gũi. Khi thất cố lữ vận họ chỉ nói tới tả toi áo cầu . Ít nhưng vẫn có. Như trong bài liên ngâm Hồ Tây tức cảnh của bà chúa Liễu và các ông Phùng, Lý, Ngô:

Mơn mơn tay lái con chèo quế
Xàn xạt mình đeo chiếc áo toi

Và cụ Đồ Chiểu khi bàn về thể thái nhân tình:

Mấy ai ở dạng hảo tâm
Nắng đun chót nón, mưa dầm tả toi

Bây giờ những chiếc áo toi lá không còn nữa. Có đủ loại áo mưa đẹp: kiểu pa-đờ-xuy, kiểu cánh dơi, kiểu cả bộ có quần đủ màu sắc, tron, hoa Thêm kiểu tiện lợi, mỏng dính, xếp gọn lại đút túi, giá rất rẻ. Chiếc áo toi lá xấu xí, công kênh, bất tiện, bị triệt tiêu là phải. Trường hợp của nó khác với chiếc nón lá, tuy phải nhường địa vị cho các loại mũ, nón lá còn đứng được với thời trang cổ truyền và dịch vụ du lịch.

Dẫu sao, nếu có linh hồn, chiếc áo tơ lá sẽ không buồn. Nói một cách văn chương, nó đã làm tròn sứ mạng trong một giai đoạn lịch sử khá dài của dân tộc. Rồi đây có lẽ nó chỉ còn lưu đọng trong ký ức những người lớn tuổi trong vài mươi năm nữa. Họ không khỏi chạnh nhớ đến nó vào những ngày mùa đông mưa dầm triền miên rả rích, ngồi nhìn ra sân thấy mình bất lực, với chút sức tàn không thể nào chạy nhảy nô đùa như hồi niên thiếu.

* * *

CHUYỆN HỚT TÓC

Chợt nhìn vào gương, nhớ thơ Bùi Giáng:

Cầm gương lên hỏi. Tóc bạc thừa rằng

Lại nhớ thơ Phan Khôi:

Mỗi sầu như tóc bạc. Cứ cắt lại dài ra.

Tôi bèn đi ra tiệm hớt tóc để tìm một phút thanh thoi.

Trước đây, trên tạp chí Bách Khoa, ông Cung Giũ Nguyên, một nhà văn Việt Nam từng viết tiểu thuyết bằng chữ Tây có bài tạp bút với nhan đề rất ngộ: Từ rê sang rẽ. Thoạt nhìn không biết tác giả nói chuyện gì. Đọc mới hiểu đó là tâm trạng của những cậu trai vừa lớn, từ cúp tóc ca-rê chuyển sang cúp tóc rẽ.

Đó là những cậu trai bắt đầu bước vào trường trung học như ông Huy Cận tiền chiến tả:

Tụ trường đó lòng tôi vừa bắt gặp
Nổi xôn xao thềm lặng ở trong rương
Của chàng trai mười lăm tuổi vào trường
Mất tin cây và tóc vừa dưỡng rẽ
Người bạn nhỏ cho lòng tôi theo ghé
Không nổi gì có thể vượt ve hơn
Đêm tụ trường mùi cửa sổ mới sơn
Tủ mới đánh và lòng trai thom ngát

Lòng các cậu lúc ấy quả là thom ngát và cũng đầy ngỡ ngàng, bởi sân trường lớp học đều khác lạ vô cùng. Chính nơi đây các cậu đứng ngẩn trông vờ áo tiêu thơ, để sau này giữa đường đời gai góc cứ bồi hồi nhớ lại.

Trẻ con bây giờ để tóc dài lúc còn tí xíu. Thời chúng tôi ở bậc tiểu học đều hớt ca-rê (hớt vuông), chung quanh sát nhãn, chỉ phía trước còn được vài phân tóc. Hớt tóc gọi là cúp đầu. Cả tổng không có một tiệm cúp đầu. Hàng tháng một ông thợ cúp dưới Dinh mang đồ nghề lên cúp dạo. Thường ông lên trước ngày chợ phiên, buổi chiều ấy đi cúp trong xóm, sáng ra cúp ở chợ. Mượn cái ghé ngồi đặt nơi gốc cây, treo tấm gương lên, coi chỗ nào thuận tiện thì đặt chiếc va li mây đồ nghề, mở ra. Mọi người vây quanh, hết người lớn đến trẻ con, tuy không sắp hàng cũng chờ đợi theo thứ tự. Ông thợ cúp nghỉ nhờ ở nhà tôi, anh em tôi hớt tóc ngay trong bóng mát sân nhà, khỏi phải chờ đợi. Sợ nhất

là khi ông thợ đưa mũi kéo từ bên này qua bên kia chần một đường vòng trước trán, dẫu hẳn vào da, rồi ông lấy cái lược tròn bằng tre cà lên đầu đầu diểng!

Tóc hót ngắn như thế nên muốn để dài phải qua một thời gian dưỡng rẽ khá lâu mới có thể chải được. Có mái tóc rẽ rồi, chưa dám để vậy ra đường. Đứng trước gương chải chuốt, ngắm nghía, im lặng mỉm cười thích thú, xong đưa hai bàn tay lên xoa cho rồi bù lại cho đỡ ngứa, có vẻ ta đây không cần làm đẹp, không cần sửa soạn gì, đâu đã bận tâm cạo mặt chải tóc.

Tôi nghĩ, có thể xem người thợ hót tóc đối xử với ta thế nào để suy ra cuộc đời cũng đối xử với ta như thế. Qua cái thời kéo chần, lược cà, tưởng bị thoát nạn, không may tôi bị một ông thợ hót tóc khi cạo mặt được vài đường không gạt ra ngoài mà bôi ngay lên mặt. Tất nhiên là mặt tôi. Xong đâu đấy mới cạo lại cho sạch. Nhìn vào gương thấy mặt đầy những đường bản mà không dám nói, vì ông thợ đáng tuổi bậc chú, hót tóc đẹp, lại là người có chữ nghĩa, từng làm thư ký huyện đường, nghe nói thảo văn thư hay, đánh máy giỏi, mười ngón tay rào rào bay lượn chứ không mô cò như đa số, thêm tính khí cao ngạo

Năm hai mươi tuổi tôi vẫn là cậu trai non choẹt nhưng vừa xuất thân trường sư phạm, vài tháng nữa là làm ông giáo, có thể là Hiệu trưởng không biết chừng, về nghỉ hè chờ sự vụ lệnh, vẫn đến hót tóc chỗ ông thợ ấy. Ông hót cho tôi cẩn thận, nhẹ nhàng, như sợ đau từng chân tóc, hỏi chuyện thời sự Á Âu, gọi người vào kéo quạt cho mát (loại quạt lớn bằng cái quạt lúa, treo trên trần nhà, thời đó thị trấn huyện lỵ chưa có điện). Lại khui lưỡi dao cạo mới, bảo rằng tôi là người dùng đầu tiên.

Tôi thích hót tóc ở tiệm quen để khỏi phải mất công nói rõ ý của mình thế nào. Nhưng dù muốn dù không phải đến lúc cạo mặt mới được thoải mái. Nhắm mắt lại lơ mơ ngủ, nghe lưỡi dao mỏng vuốt nhẹ làn da. Giấc ngủ lơ mơ trên ghế hót tóc bao giờ cũng là giấc ngủ tuyệt vời, vì trước đó các ông thợ hót tóc thường nói và hỏi hàng trăm thứ chuyện. Hình như 10 ông thợ hót tóc đều am hiểu thời sự cả 10, độ 8 ông am hiểu về báo chí, độ 6 ông am hiểu phong tục lễ giáo và ít nhất cũng có 4 ông am hiểu văn thơ. Họ luôn luôn có đủ đề tài trao đổi với khách. Cho nên muốn tìm hiểu dư luận thì tiệm hót tóc và quán cà phê là hai nơi lý tưởng.

Gần đây thầy lớp thợ hót tóc trẻ không nói chuyện với khách, chỉ đưa báo cho khách xem và im lặng làm công việc. Đây cũng là một điểm mới trong làng nghề vậy. Cũng như việc đánh giá tay nghề qua dụng cụ cũng khác, ngày trước phải hót bằng tông-đơ mới là chính thợ, hót bằng kéo là thợ nhà quê bắt chước, bây giờ khi cần hót cao, hót thật sát mới ỉn bằng tông-đơ, với những mái tóc hót thấp thợ khéo chỉ tĩa bằng các loại kéo.

Nói vui kiêu dân gian thì hót tóc là một nghề không có tổ có pháp, hỏi ai là tổ, không biết, sách vở nào truyền dạy, không thấy, chỉ hướng dẫn bằng cách thực tập. Cũng không thể nhận hàng để dành khi nào rảnh thì làm thêm, làm xấp như các nghề khác. Nhưng là một nghề có quyền đề đầu đề cở thiên hạ mà lại được thiên hạ trả tiền.

* * *

CHUYỆN ĐỌC BÁO

Tờ báo, sau khi ra đời, có lẽ nó thâm nhập trước hết vào những gia đình trung lưu, biết ít nhiều chữ nghĩa. Đọc Quốc văn giáo khoa thư thấy cảnh gia đình sum họp trong buổi tối: ông kể chuyện đời xưa cho cháu lớn nghe, bà ru cháu nhỏ ngủ, mẹ thêu thùa vá may

và cha đang đọc báo. Lại có con mèo nằm khoanh bên góc phản. Ai cũng có công việc, người nào công việc nấy. Chuyện đọc báo của người cha thành ra một công việc, con mèo nằm khoanh cũng là một công việc, góp phần tạo nên khung cảnh ấm cúng. Thiếu tờ báo và con mèo e cái không khí hạnh phúc này sẽ bị sút giảm.

Một thời đọc báo là chuyện dành riêng cho giới trí thức, tờ báo rất được trọng vọng. Đọc xong xếp lại như xếp tờ giấy quỳn, tên tờ báo ở mặt trên, chồng lên nhau theo thứ tự từng số. Bàn bẻ tri ki đến mở ra, bên tách trà đậm bàn luận quanh các mục thời đàm, văn uyển. Báo do nhà nước phát hành còn có mục hương hào tu tri hướng dẫn viên chức địa phương những điều nên biết về cách làm việc làng xã.

Dân trí càng ngày càng cao, càng có nhiều những tờ báo. Tự nó phải trút bỏ cái cốt cách phong lưu để đến với mọi người. Chẳng có mấy ai ngồi đọc báo một cách trịnh trọng nữa. Người ta nằm dài trên giường, ngã lưng trên ghế bố đọc báo. Nửa chừng phải đi làm việc gì đó, vút tờ báo qua bên, trang trước trang sau lộn xộn. Tờ báo ở quán cà phê được rọc bằng ngón tay, chia rời ra, có khi chuyển từ bàn này sang bàn khác. Người bán hàng đọc báo khi vắng khách, rải rác trên đó ghi số hàng số tiền, những phép tính cộng trừ nhân chia. Trong tiệm hút tót vừa đọc báo vừa nghe tiếng kéo nắp tanh tách, vừa bàn luận thời sự năm châu với ông thợ, thỉnh thoảng liếc mắt vào gương xem thử cái đầu ta ra sao rồi. Đến khi ông thợ nhẹ nhõm ta ngửa người ra để cạo mặt, buông tờ báo xuống, nhắm mắt lại, thật tuyệt vời! Ung dung nhất là dáng vẻ của người đập xích lô ế khách. Ta ngồi trên xe ta, vắt chân chữ ngũ, cầm tờ báo giết thì giờ và chờ đợi. Gặp một đoạn kiếm hiệp hấp dẫn hay bài phóng sự đang hồi gay cấn mà nghe gọi, mừng thật mừng, tiếc cũng thật tiếc. Nhét tờ báo xuống nệm, dậm chân lên bàn đạp, mắt nhìn tới, lòng thầm hỏi: đoạn sau sẽ thế nào? Nhiều người có thói quen đọc báo trong nhà vệ sinh, thấy ông ta lảng xãng tìm tờ báo biết là đang bị Tào Tháo đuổi.

Một thời mỗi tờ báo ở Sài Gòn đều dành một phần trang cho loại tin tức thập cẩm, nhiều người gọi đùa là tin xe cán chó. Thật tình mục này rất cần, nó làm cái việc của kẻ ngồi lê đôi mách, cung cấp thông tin thỏa mãn sự tò mò, đó ai đọc báo mà bỏ qua. Chẳng cần bước đi đâu xa cho mệt, cứ nhâm nhi hớp cà phê, mở tờ báo, ta biết đủ chuyện đủ nơi. Tai nạn xe cộ ở đường X, án mạng rùng rợn ở xóm Y, ông A cờ bạc rượu chè đánh đập vợ con, bà B bỏ nhà theo trai v.v thượng vàng hạ cám sự đời!

Cầm đến tờ báo mỗi người có mục của mình. Kẻ ưa gỡ rối tơ lòng, làm duyên làm đẹp. Người thích thể thao, bóng đá. Xem thử lò lửa Trung Đông đã nguội chưa, liệu bảy bước có tới hoà bình, vụ án này vụ án nọ đi tới đâu. Ai cũng ham coi bói nên mục tử vi trên tuần báo được nhiều người chiếu cố. Ai cũng ham vui nên mục chuyện cười không gọi một cách nghiêm trang là thư giãn mà với các tên chuyện cảm đàn bà, tin tức mình vẫn là mục ưu tiên. Thậm chí báo Văn nghệ tiên phong gọi mục bình luận thời sự là bảy ngày đêm tính quần chuyện đời, nhà văn chấp bút ký Đăng Vân hầu. Mỗi tờ báo khai thác thể mạnh riêng để tìm độc giả, có khi nương vào uy tín người đã khuất, như báo Chính Luận ghi tên cố Tổng thư ký tòa soạn Từ Chung.

Tờ báo, đọc một lần đâu hết được. Đọc đi đọc lại vẫn còn có bài có tin chưa đọc. Thỉnh thoảng xếp ngăn tủ, lục hộc bàn lôi ra một tờ báo cũ. Với tư thế lờ đờ đứng lờ ngời không một chút thoải mái ta chăm chú đọc từ trang này đến trang khác, hồi lâu nhận ra đau lưng mỏi cổ, nhức đầu khó chịu mới đứng dậy. Mất cả tiếng đồng hồ, cái cần tìm vẫn chưa có, cái đáng làm vẫn chưa xong.

Tờ báo đọc xong được dùng vào nhiều việc. Gói đồ vật. Bán cân kí. Trước đây học trò dùng bao vở. Cho tới lúc này ta vẫn còn đọc nó. Chấm vở học trò, thấy trên bìa bao vở

là một phần trang báo có bài thơ, một đoạn văn hay vài ba mẩu chuyện cười, ta giữ quyền vở ấy lại xem, phát sau. Mở gói bột ngọt, gói tiêu cho vào soong canh chua, soong thịt kho chọt thấy mẩu tin thú vị, vừa ném thử thức ăn, vừa đọc.

Cụ Lý Thương Ân đòi Đường bên Tàu viết:

Xuân tâm đảo thử ti phương tận
Lạp cụ thành hôi lệ thủy can
(Thân tằm đến thác tơ còn vương
Ngọn nện thành than lệ chữa khô).

Cụ Tố Như của Việt Nam ta đòi Nguyễn viết:

Dẫu rằng sông cạn đá mòn.
Con tằm đến thác cũng còn vương tơ.

Hai câu này có thể đem áp dụng cho thân phận tờ báo. Các nhà văn nhà báo thường nói rằng họ làm kiếp con tằm. Cho nên tờ báo, cái dùng để đăng tải tư tưởng và tình cảm, vẫn đặc dụng cho đến phút cuối cùng. Đáng yêu và đáng thương biết bao, những tờ báo.

* * *

CUỐI NĂM ĐI VẼ PANÔ

Năm tôi học lớp nhì bậc tiểu học, thường được thầy sai trang trí trường lớp, bạn bè gọi tôi là họa sĩ. Một lần có việc gì đó, thầy hiệu trưởng vui miệng bảo: Gọi họa sĩ lại đây. Thế là, chuyện bạn bè bầu chọn coi như nay được thầy phê duyệt, tán phong. Thuở ấy mọi người đối với nhau hồn nhiên quá, không ai thắc mắc gì, bởi họ biết rằng nếu gọi tôi là họa sĩ đi nữa cũng không làm chết thằng Tây thằng Mỹ nào cả, không làm sút mẻ chút nào danh tiếng các đại gia Nguyễn Đỗ Cung, Nguyễn Gia Trí, Lê Văn Đệ vân vân. Sau này (lúc tôi về già) có mấy bạn trẻ cũng do vui miệng gọi là nhà văn, đã làm mất lòng vài vị hội viên hội nhà văn tại tỉnh, họ nói: Ông ấy có phải hội viên hội nhà văn đâu mà gọi là nhà văn? Mô Phật! Các bạn trẻ ạ, đừng vui miệng như vậy không hay, bây giờ danh phận rõ ràng, ngành nào cũng có nhiều bậc: hạng nhân dân, ưu tú, đạt chuẩn là vốn quý, còn lại hạng tầm thường, xoàng xĩnh, yếu kém đâu có đánh đồng với nhau được! Đến khi làm ông giáo làng, cảm thấy thì giờ rảnh rỗi không làm gì cho hết, cò bạc chẳng biết, bia mới uống nửa ly đã nghe nóng nản từ mũi lên đầu, nên tôi làm thơ và viết truyện ngắn chơi chơi. Cứ ngỡ văn chương đãi kẻ khù khờ, tưởng đâu chữ nghĩa lúc nào cũng sẵn sàng, nhưng bước vào vòng mới biết đặt câu, hiệp vần không phải bờ, không có được bài văn bài thơ nào cho ra hồn đáng mặt để đời, tôi chọt nghĩ vẽ vờì chắc đỡ mệt trí hơn, bèn ghi tên lớp hội họa hàm thụ trường Mỹ thuật Đông Phương của họa sĩ Vương Quốc Đạt. Lúc cặm cụi bôi bôi xóa xóa, đỏ đỏ xanh xanh, tá hỏa ra rằng vẽ vờì cũng như viết lách, với thiên hạ thì dễ nhưng với ta khó lắm, cái hàm họa sĩ chẳng qua chỉ do lũ bạn nhóc tí bóc phét cho ta đi tàu bay giấy, cũng như cái hàm nhà văn nhà thơ chẳng qua là các anh em trẻ thấy thương hại, muốn ta đỡ tủi phận già!

Trời xui đất khiến lúc tôi được cho nghỉ việc để về địa phương lao động sản xuất, đang ngỡ ngàng không biết lao động thế nào, sản xuất thứ gì thì có hai bạn họa sĩ Ngọc Bửu và Huỳnh Thu cho theo vẽ panô. Những dịp cuối năm, cần đổi mới khuôn mặt nông thôn các

hợp tác xã cho vẽ lại những panô tranh cổ động xây theo các ngã đường quê, hai anh có việc làm, rủ tôi. Thật ra tôi được đi theo không phải vì cái tài vẽ vời sớm phát tiết từ bậc tiểu học và được cơ bản hoàn tất bằng những bài giảng quay ronéo của họa sĩ Vương Quốc Đạt, mà vì hai bạn ấy thấy tội nghiệp quá, muốn cứu gia đình tôi khỏi đói. Tôi được giao công việc ai cũng làm được là chỗ nào hai anh bảo sơn xanh thì tôi sơn xanh, chỗ nào bảo sơn đỏ thì sơn đỏ, tranh cổ động từng mảng màu lớn, tôi cầm cây cọ lớn, tha hồ vùng vẫy dọc ngang.

Tôi có biết họa sĩ tài tử LoKa. Tôi nói tài tử vì ông vẽ hoàn toàn theo ý thích tùy hứng, có thể nửa chừng bỏ đó, đi đâu mất tiêu biến biệt, một vài tháng sau trở lại vẽ tiếp, cũng có thể bỏ luôn. Ông không bận tâm tới nhuận bút, thù lao. Một lần ngồi uống rượu với ông ở quán cà phê Thảo, nép quán xộc xệch bụi đời, ông kể chuyện tình cảm của mình và đọc bài thơ dài, tôi nhớ hai câu mang những màu sắc:

Ngày xưa anh vẽ màu nâu

Màu vàng em giữ để sầu riêng anh

Ông đi vẽ nhiều nơi, ở thôn quê người ta đồng hóa tên LoKa của ông với từ họa sĩ, gọi các họa sĩ là lô ca. Nhớ một hôm, thấy chúng tôi vừa bày ra nào sơn nào cọ, lũ trẻ reo lên, gọi nhau: Có tới ba lô ca tụi bay ơi! Suốt buổi chúng xúm xít xem vẽ, gọi tôi là lô ca thấp, Huỳnh Thu là lô ca ốm và Ngọc Bửu là lô ca già. Chúng thật ngạc nhiên thấy Ngọc Bửu cầm cọ tay trái, lại gọi nhau như báo tin vui: Tụi bay ơi, ra coi lô ca già vẽ tay trái! Người kế thừa họa sĩ LoKa nay mở phòng vẽ ở đường Trần Hưng Đạo có thể không biết họa danh LoKa đã đi vào lòng nhiều người như thế.

Những tranh cổ động cho vùng nông nghiệp thường vẽ một thanh niên vác cuốc, một phụ nữ cầm liềm ôm bó lúa, hậu cảnh là đồng ruộng và xa xa là núi non. Vẽ panô bên đường khác nào đóng cây giữa đường, luôn luôn có người đứng lại coi và phê bình, nhận xét theo chủ quan, còn quá bộ vào chuyên môn, hỏi sao không thêm vào chỗ này chỗ nọ, lại nói đến những nhân vật trong tranh: sao ngực to quá vậy, sao hông lớn quá vậy?

Một ông trung niên bảo chúng tôi:

-Sao các ông không vẽ chúng tôi có xe hơi nhà lầu, ít nhất cũng là xế nổ rồ ga, lúc nào cũng bắt chúng tôi vác cuốc cầm liềm đội mưa đang nắng đứng ngoài đồng?

Không phải ông ta không có lý, chúng tôi trả lời là chỉ vẽ theo mẫu có sẵn. Một ông xem bức tranh công nông binh trí đoàn kết hỏi:

-Người mang kính cận, ôm quyển sách là thành phần gì?

Đáp: -Trí thức.

Ông ta nói:

-Trí thức là người hiểu biết, phải đứng hàng đầu, phải xông lên trước để hướng dẫn bà con chớ sao lại rụt rè núp núp lén lén đằng sau?

Một lần tôi đến giao bảng hiệu cho Hợp tác xã mua bán phường Tiền trao bảng nhận xong, tôi ra về thì ông Phó chủ nhiệm gọi theo: Này, ông thợ, ông thợ phải treo bảng lên chớ. Tôi quay lại, nhưng không treo, treo có tiền treo, nếu muốn phải trả thêm. Ông Phó chủ nhiệm đành thôi vậy. Tôi bước đi thì nghe tiếng một cô nhân viên nói: Chú ơi! Ông đó là ông thầy, không phải ông thợ, chẳng qua do thời thế mà. Tôi nghĩ: Cô bé thật vẽ chuyện. Sao lại bận tâm chuyện thầy/thợ. Chi sợ tôi không làm nổi ông thợ mà thôi.

Việc vẽ panô của tôi, đúng ra là việc sơn phết xanh xanh đỏ đỏ theo chỉ dẫn của hai họa sĩ chuyên nghiệp cũng giúp gia đình tôi đỡ ngặt. Những ngày cuối tháng chạp sớm đi tối về, trưa nghỉ lại tại chỗ, ăn mì tôm. Có khi một ngày vẽ hai ba nơi, xong chỗ này chạy

qua chỗ khác, trong cái giỏ lác bự lỉnh kỉnh những sơn, những cọ, dầu lửa, giẻ lau. Bà con ở gần thường ra xin tí sơn để làm dấu chén đĩa, bao đựng lúa gạo. Huỳnh Thu lúc nào cũng mang theo xị rượu phòng nơi không quán xá thì cũng có nhâm nhi. Có năm sáng ba mươi còn đi làm, chiều ba mươi Huỳnh Thu mới nhận được tiền công, tối đem lên chia cho. Mừng lắm, khoản đó để dành sau tết mấy đứa con đi học, đứa vô Sài Gòn, đứa ra Huế.

Sáng mồng một dậy sớm như gặp lại mùa xuân cũ sau một năm xa cách, hình như năm nào tôi cũng đọc câu thơ hình như của cha tôi: Xuân mãn nam thiên phong thủy cựu Ôi, những buổi nguyên đán trong suốt cuộc đời, dù mưa hay nắng vẫn cảm thấy cuộc đời nhẹ tênh, cả tâm thân ta cũng nhẹ tênh tưởng có thể chấp cánh bay lên cao.

Nay, Ngọc Bửu vẫn vẽ đều đều, có tranh tham dự các cuộc triển lãm, ba người con đều là họa sĩ, thật hạnh phúc vô cùng. Huỳnh Thu đã lâu buông cây cọ sang một bên, luôn luôn tự xét mình, tuổi tác lên thì tứ lượng xuống, uống vài ba chén giọng nói đã hơi khề khà lấp bắp. Đôi khi buồn làm thơ, cũng cảm khái lắm. Chiều nay vừa đọc bài tự trào có một khổ tôi nhớ mang máng:

Đời tở chẳng qua tờ giấy nháp
Sai đâu sửa đó thể mà hay
Làm con gián gặm bao cay đắng
Số siéc con người đã sẵn may!

(Ý nói giày dép áo quần may sẵn đều có số cả, hà hưởng chi ta!).

Xem thơ, tôi hỏi lại:

-Sai đâu sửa đó hay là sửa đâu sai đó?

Anh cười, rủ tôi chạy một vòng quanh vùng ven thành phố. Đòng lúa đang xanh, đường bê tông thẳng rộng, thấy ít panô và ít những bức tranh vẽ người nông dân vất cuộc cầm liềm đứng dầm mưa dãi nắng. Chắc nay họ đã có nhà lầu hai ba tầng và ít nhất cũng có xế nổ phân khối lớn đi về ngang dọc? Mong được vậy thay!

--==0==--

MỤC LỤC:

1. Ngôi trường của mẹ
2. Về đất tổ
3. Chiều Lam Kinh
4. Ngọc Lặc: rượu và canh lá đắng
5. Dâu đá chưa mờ
6. Về Tây Giai
7. Nhật lá bàng
8. Theo dòng Thuận Quảng
9. Mây trắng Dinh Phohan
10. Xuôi dòng Đà Rằng
11. Nghĩ về những thành xưa

12. Tuy Hòa thức giấc
13. Một thoáng Sông Cầu
14. Buổi sáng trầm tĩnh
15. Trên đỉnh Hòn Bà
16. Nhớ về Sài Gòn
17. Cảnh và người thuở ấy
18. Hoa và trái
19. Thương nhớ ơ hò
20. Tháng ba - mùa hoa đỗ
21. Say gió
22. Mây trắng ngày khai trường
23. Tiếng trống trường
24. Nắng tháng chạp
25. Tiếng dạ
26. Chim xa rừng
27. Về mái chùa xưa
28. Mùa xuân cào cào bay
29. Mũ lá mít - ngựa chà tre
30. Mười một bên sông
31. Bài đồng dao gọi nắng
32. Hột muối bỏ biển
33. Tiếng mõ gió
34. Tin nhỏ mùa thu
35. Những chiều mưa nhỏ
36. Tạ ơn những giọt sương
37. Xóm tôi và những đội lân
38. Tản mạn mùa trung thu
39. Những mùa lụt
40. Nghĩ về mưa nắng trời xuân
41. Vãn và hoa
42. Người xưa và hoa mai
43. Cá hóa rồng
44. Hột ngọc trời
45. Mùa trái rừng
46. Chim rừng
47. Đôi cánh để bay
48. Mùa mật ong
49. Bữa cơm nhà quê
50. Bát canh xanh ngày mưa
51. Mùa mưa và chiếc áo toi lá
52. Chuyện hót tóc
53. Chuyện đọc báo
54. Cuối năm đi vẽ panô.

--=0==